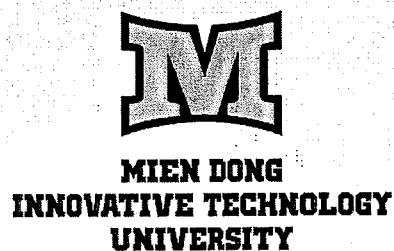


TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



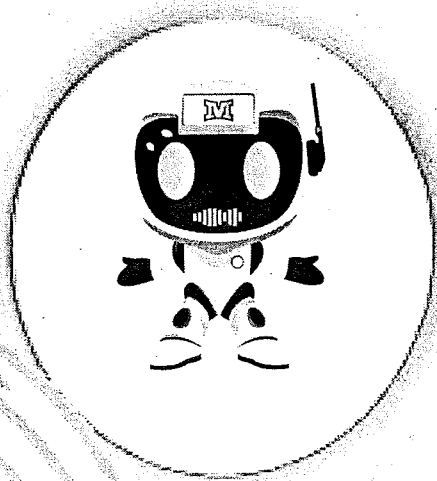
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Ngành đào tạo: Thiết kế đồ họa

Mã ngành: 7210403

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy



Đồng Nai, tháng 3 năm 2025



Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo 04 ngành
trình độ đại học hệ chính quy năm học 2025 – 2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

Căn cứ 2168/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc cho phép thành lập Trường Đại học Công nghệ Miền Đông;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Thông tư quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐT ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông;

Căn cứ Biên bản họp ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Thiết kế đồ họa;

Căn cứ Biên bản họp ngày 16 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Thương mại điện tử;

Căn cứ Biên bản họp ngày 16 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Tài chính ngân hàng;

Căn cứ Biên bản họp ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo trình độ đại học Ngành Truyền thông đa phương tiện;

Xét đề nghị của Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của 04 ngành thuộc Trường Đại học Công nghệ Miền Đông bao gồm:

1. Ngành Thương mại điện tử
2. Ngành Tài chính ngân hàng
3. Ngành Truyền thông đa phương tiện
4. Ngành Thiết kế đồ họa

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng từ năm học 2025 - 2026, áp dụng đối với sinh viên đại học hệ chính quy khóa tuyển sinh năm 2025.

Điều 3. Trưởng các Đơn vị liên quan, Trưởng khoa/Các Giám đốc Chương trình đào tạo, các cán bộ giảng dạy và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: HC-NS; ĐTĐH-NCKH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Văn Song

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định Số 66/QĐ-ĐHCNMĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông)*

Tên chương trình: Cử nhân Thiết kế đồ họa

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Thiết kế đồ họa

Mã ngành: 7210403

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Thiết kế đồ họa được thiết kế và xây dựng nhằm đào tạo Cử nhân Thiết kế đồ họa có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để làm việc đạt hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến hoạt động thiết kế đồ họa trong nước và quốc tế.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Programme): Cử nhân Thiết kế đồ họa (Bachelor of Graphic Design)

Trình độ đào tạo (Level of education): Đại học (undergraduate)

Ngành đào tạo (Major):

+ Tiếng Việt: Thiết kế đồ họa

+ Tiếng Anh: Graphic Design

Mã ngành (Code): 7210403

Loại hình đào tạo (Type of education): Chính quy (Full - time)

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

Khoa phụ trách: Công nghệ thông tin

Tên văn bằng được cấp sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân Thiết kế đồ họa

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Graphic Design

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1 Tầm nhìn - Sứ mạng – Mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông

2.1.1. Tầm nhìn

Trường Đại học Công nghệ Miền Đông phát triển với tầm nhìn là một trường đại học quốc tế, đa ngành, đa lĩnh vực với định hướng mũi nhọn là các ngành kỹ thuật, công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao và khoa học sức khỏe. Trường đặt mục tiêu đến năm 2030, trở thành trường đại học toàn cầu, dẫn đầu về kỹ thuật, công nghệ và đổi mới sáng tạo của nước ta, được các đối tác trong nước và quốc tế tín nhiệm, được kiểm định bởi các tổ chức kiểm định giáo dục quốc tế uy tín.

2.1.2. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường là giáo dục và đào tạo những cá nhân trở thành công dân toàn cầu, có kiến thức, năng lực và đam mê đóng góp để cải thiện bản thân và điều kiện xã hội, truyền cảm hứng cho thế hệ hiện tại và tiếp theo, đồng thời tạo ra những tác động tích cực lâu dài đến sự phát triển nhân loại. Ngoài ra Trường Đại học Công nghệ Miền Đông cũng xác định là nơi đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, kỹ năng, tri thức và tư duy đổi mới, sáng tạo để phục vụ cho Đất nước, đặc biệt cho khu vực miền Đông Nam Bộ và tỉnh Đồng Nai.

2.1.3. Mục tiêu chiến lược

Tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp:

Người học của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông có tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. MIT Uni là một tổ chức đổi mới trong môi trường giáo dục, chúng tôi khuyến khích và hỗ trợ các giảng viên và người học nỗ lực, chấp nhận rủi ro khi đưa tư tưởng của họ ra thị trường.

Môi trường trải nghiệm tuyệt vời cho người học:

Môi trường trải nghiệm của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông sẽ giúp các bạn trẻ là người học thực sự trưởng thành ngay trong thời gian học tập tại Trường. Một môi trường với cơ sở vật chất hiện đại, đạt chuẩn quốc tế, khuôn viên rộng lớn, thanh bình. Môi trường học tập với phương pháp giảng dạy và hướng dẫn trải nghiệm hiện đại với cách tiếp cận AI, làm trước, học sau, đi từ data đến thuật toán. Người học sẽ được truyền cảm hứng để khát khao trải nghiệm, chuyển từ “thầy hỏi trò” sang “trò hỏi thầy” là chính. Bên cạnh đó, việc gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, các công ty, các đơn vị kinh tế, các tổ chức

xã hội nhằm tăng tính thực hành và trải nghiệm thực tiễn cho người học, kết nối nguồn lực, đổi mới sáng tạo giúp người học khởi nghiệp.

Môi trường thông minh:

MIT Uni. tạo ra một môi trường giảng dạy và học tập thông minh. Môi trường này tạo ra người học có một tinh thần đổi mới sáng tạo cao.

Tự do và liên chính học thuật:

Trường tôn trọng tự do hàn lâm. Các giảng viên ứng xử theo nguyên tắc liên chính học thuật và tuân thủ các quy tắc nghiên cứu khoa học chuẩn.

2.2. Tầm nhìn – Sứ mệnh của Khoa

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa Công nghệ thông tin phấn đấu trở thành một trong số những đơn vị đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về Công nghệ thông tin ở Việt Nam đến năm 2030. Với các chương trình đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực công nghệ thông tin có trình độ và chất lượng tiên tiến trong khu vực để đáp ứng các yêu cầu về quản lý, sản xuất, dịch vụ và ứng dụng của công nghệ thông tin trong nước và quốc tế.

2.2.2. Sứ mệnh

Khoa Công nghệ thông tin đào tạo nguồn nhân lực chất lượng, có năng lực khởi nghiệp và hội nhập, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong nước và quốc tế thông qua đào tạo, đổi mới sáng tạo; nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức đa ngành, đa lĩnh vực, dựa trên liên minh chiến lược, với các doanh nghiệp và xây dựng môi trường năng động sáng tạo.

2.3. Mục tiêu của chương trình

Mục tiêu của Chương trình đào tạo cử nhân ngành Thiết kế đồ họa là cung cấp cho người học nắm vững nguyên lý thiết kế, ngôn ngữ đồ họa, phương pháp sáng tạo, lý luận chính trị, hiểu rõ mối quan hệ giữa đồ họa và quản trị thương hiệu sản phẩm, thành thạo kỹ năng và kiến thức phần mềm công nghệ, tạo hình đối tượng và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong sáng tạo, thiết kế, sản xuất sản phẩm đồ họa in ấn và đồ họa truyền thông. Chương trình đào tạo ngành Thiết kế đồ họa được kết hợp lý thuyết, thực hành và tư duy sáng tạo, phương pháp làm việc nhóm thông qua dự án thực tiễn. Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo này sẽ có kiến thức, kỹ năng và phương pháp triển khai các dự án chuyên ngành: sáng tạo, thiết kế các dự án nhận diện thương hiệu cho các công ty, đơn vị sự nghiệp; thiết kế và xây dựng chương trình đồ họa truyền thông; phân tích mối quan hệ

giữa thiết kế và thị trường sản phẩm để đánh giá xu hướng phát triển của doanh nghiệp. Qua đó, thúc đẩy tinh thần sáng tạo, thể hiện bản thân, học tập suốt đời và làm việc trong môi trường đa văn hóa.

PG1: Sinh viên tốt nghiệp Cử nhân Thiết kế đồ họa được trang bị kiến thức lý thuyết về nguyên lý thiết kế, phương pháp sáng tạo, ngôn ngữ tạo hình, quan hệ giữa đồ họa nhận diện thương hiệu và marketing sản phẩm, lý luận chính trị,... để áp dụng trong quá trình thiết kế, sản xuất sản phẩm đồ họa in ấn và truyền thông.

PG2: Sinh viên tốt nghiệp Cử nhân Thiết kế đồ họa đạt được các kỹ năng về phân mềm công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI), có khả năng đề xuất các ý tưởng, có tư duy hệ thống và các kỹ năng sáng tạo cần thiết khác để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực thiết kế, in ấn, quản trị thương hiệu và các lĩnh vực có liên quan trong bối cảnh đa dạng của toàn cầu hóa.

PG3: Sinh viên tốt nghiệp Cử nhân Thiết kế đồ họa có tinh thần học tập suốt đời, có tác phong và thái độ ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa quốc gia, có ý thức trách nhiệm với bản thân, cộng đồng xã hội trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp chương trình Cử nhân Thiết kế đồ họa phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn đầu ra như sau:

Chuẩn đầu ra chương trình được tích hợp với mục tiêu của chương trình như *Bảng 1*

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Ngành Thiết kế đồ họa								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
PG1	X	X	X	X	X	X	X		
PG2								X	
PG3	X							X	X

Chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá chương trình đào tạo. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình (xem Bảng 2).

Bảng 2. Bảng các chỉ báo của chuẩn đầu ra

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Mã hóa CĐR (PLO)	Chuẩn đầu ra chương trình	TĐNL (MIT)
A. Kiến thức và lập luận ngành		
PLO1	Giải thích được kiến thức khoa học xã hội, tự nhiên, chính trị và pháp luật trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện các công việc phát triển ngành Thiết kế đồ họa.	3
PLO2	Áp dụng các yếu tố liên quan về kiến thức, kỹ năng cơ bản nghệ thuật tạo hình, văn hóa, thẩm mỹ thị giác, kỹ thuật in ấn, chất liệu sản phẩm đề triển khai trong quá trình xây dựng dự án về Thiết kế đồ họa.	4
PLO3	Vận dụng các kiến thức phần mềm thiết kế, kỹ thuật chụp, quay và biên tập, ứng dụng AI trong sản xuất và sáng tạo nội dung chương trình thiết kế đồ họa truyền thông.	4
PLO4	Vận dụng kiến thức, kỹ năng công nghệ: phần mềm đồ họa, công cụ AI và cách truyền thông ngôn ngữ thị giác thông qua nền tảng công nghệ số để triển khai các dự án thiết kế đồ họa có hiệu quả.	4
B. Kỹ năng thực hành nghề nghiệp		
PLO5	Vận dụng thành thạo kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng mềm để sống, làm việc và học tập hiệu quả trong môi trường đa văn hoá.	4
PLO6	Vận dụng các kiến thức, phương pháp thiết kế, ngôn ngữ thị giác để phân tích và đánh giá đối thủ cạnh tranh trong thiết kế và xử lý khủng hoảng trong văn hóa và thẩm mỹ thị giác.	4
PLO7	Vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp, nắm vững các công cụ phần mềm về thiết kế, để triển khai các giai đoạn sản xuất thiết kế: tiền sản xuất, sản xuất và hậu kỳ.	4
PLO8	Đánh giá các kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện, tính độc lập trong sáng tạo, tương tác và xử lý các tình huống một cách linh hoạt trong hoạt động sản xuất và thiết kế.	5
C. Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
PLO9	Đánh giá các qui định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp để thực hiện chính xác; hình thành ý thức rèn luyện bản thân và học tập suốt đời, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội.	4

4. VỊ TRÍ VÀ KHẢ NĂNG LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

Với chuẩn đầu ra được xây dựng khoa học phục vụ cho tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Khoa Công nghệ thông tin sinh viên tốt nghiệp Chuyên ngành Thiết kế đồ họa thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng và sức khỏe để đảm nhiệm công

việc và phát triển nghề nghiệp với tư cách là chuyên gia toàn diện trong ngành Thiết kế đồ họa cũng như quản trị trong mọi tổ chức.

Sinh viên tốt nghiệp Thiết kế đồ họa có cơ hội lựa chọn công việc rất đa dạng như:

- Nhân viên thiết kế đồ họa/ Chuyên viên thiết kế đồ họa;
- Nhân viên thiết kế đồ họa 3D, thiết kế đồ họa hoạt hình;
- Nhân viên thiết kế đồ họa truyền thông;
- Nhân viên thiết kế game; Hiệu ứng cho game;
- Trưởng nhóm thiết kế;
- Trưởng phòng thiết kế;
- Giám đốc thiết kế;
- Giám đốc mỹ thuật, Nhà thiết kế Moldeling,...

Là ngành nghề đáp ứng các vị trí thiết kế, quản trị thương hiệu các công ty, doanh nghiệp từ sản xuất đến hành chính sự nghiệp luôn có nhu cầu tuyển dụng các vị trí thiết kế và truyền thông.

Có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá đối với các vấn đề về công nghệ, quản trị nhân sự.

Có khả năng sử dụng tốt tiếng Anh và các phương tiện điện tử phục vụ hoạt động cộng nghệ thông tin.

Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Chương trình gồm 122 tín chỉ, trong đó có 107 tín chỉ bắt buộc, 15 tín chỉ tự chọn (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng). Cụ thể:

KHỐI KIẾN THỨC	KIẾN THỨC BẮT BUỘC	KIẾN THỨC TỰ CHỌN	TỔNG
Kiến thức giáo dục đại cương	27	3	30
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	73	9	82
- Kiến thức cơ sở ngành	32	0	32
- Kiến thức ngành	41	9	50
Thực tập tốt nghiệp hoặc khóa luận	10	-	10
TỔNG KHỐI LƯỢNG	110	12	122

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1 Thông tin tuyển sinh

Tại website của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông <https://mit.vn/>

5.2 Quy trình đào tạo

Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

Chương trình đào tạo được thiết kế gồm 07 học kỳ tương ứng với 3,5 năm học, gồm 122 tín chỉ.

Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết, điều kiện môn học trước và môn học sau của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

Tất cả sinh viên đều phải tham gia thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, báo cáo kết quả khóa luận trước Hội đồng Khoa học của Khoa.

5.3 Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp:

Kết thúc khóa học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Có trình độ Tin học theo quy định hiện hành của Trường ĐH Công nghệ Miền Đông.
- Có trình độ Ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Trường ĐH Công nghệ Miền Đông.
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và Giáo dục Thể chất.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Để phục vụ cho ngành Thiết kế đồ họa, Khoa Công nghệ thông tin hiện có tổng số 13 cán bộ, giảng viên: trong đó có 5 Tiến sĩ, 8 Thạc sĩ (xem Bảng 3).

Bảng 3. Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa năm 2024

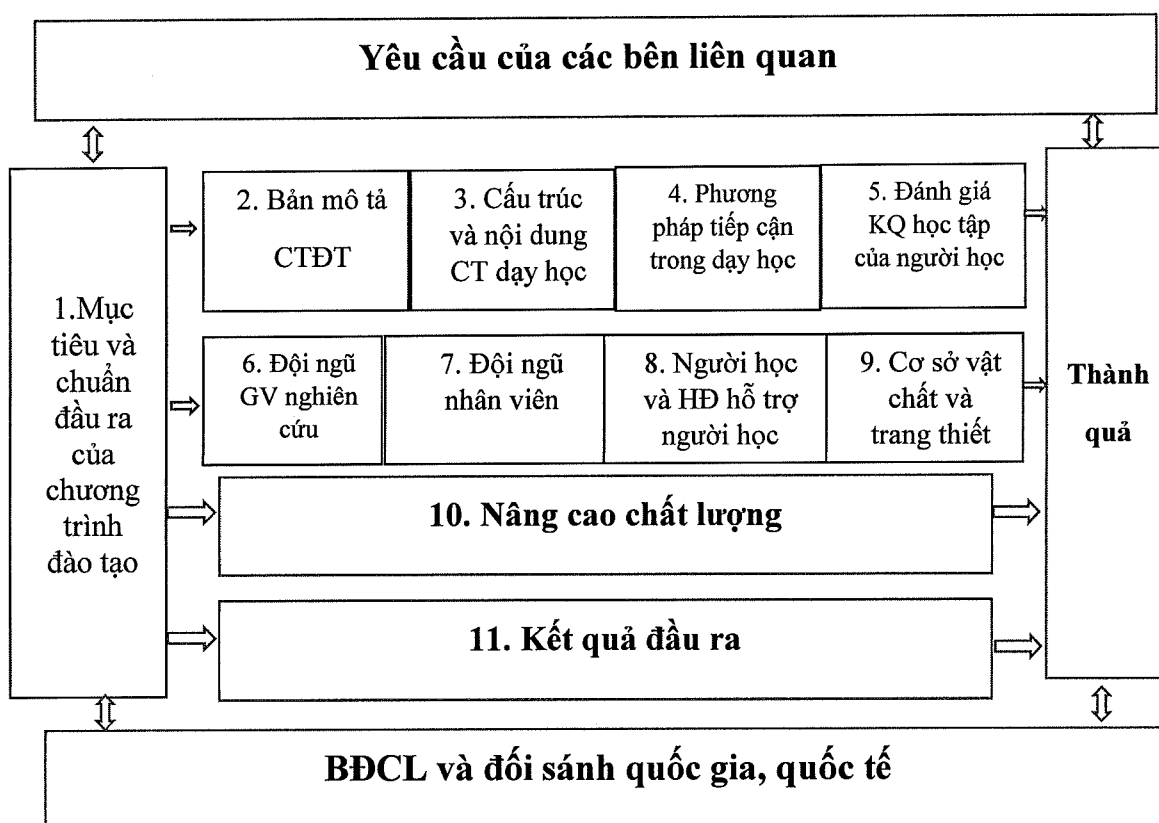
BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
Giáo sư	0	0	0
Phó Giáo sư	0	0	0
Tiến sĩ	5	0	5
Thạc sĩ	3	5	8
Đại học	0	0	0
Tổng	9	4	13

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến hành giảng dạy, đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học, đánh giá chương trình để cải tiến chuẩn đầu ra chương trình (xem Hình 1)

Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa Công nghệ thông tin



Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

Bảng 4. Chiến lược và phương pháp giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên có trách nhiệm nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Đồng thời sinh viên cũng trình bày quan điểm của bản thân hoặc đại diện cho nhóm để đưa ra các nội dung cần thảo luận trước tập thể.	Thuyết giảng/ thuyết trình
	Bằng phương pháp này giáo viên sẽ giải thích và hướng dẫn chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, hoặc các vấn đề trong thực tế xã hội giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu về cả kiến thức và kỹ năng	Giải thích cụ thể
	Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Phương pháp này thúc đẩy sinh viên làm rõ các khái niệm, ý tưởng và các thông tin xoay quanh chủ đề đặc biệt là các vấn đề thực tế; thông qua trao đổi bằng lời nói với bạn học và giảng viên để kết nối các ý tưởng, kinh nghiệm để phản ánh nhiều ý nghĩa của khái niệm hay vấn đề.	Thảo luận
Giảng dạy gián tiếp	Giáo viên và sinh viên sử dụng các công cụ trực tuyến để hỗ trợ quá trình dạy và học (E learning, Zoom; Trans, Facebook, Zalo ...)	Quản lý sinh viên học tập bằng công nghệ
Học tập trải nghiệm	Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc giảng bài hoặc có thể tiến hành theo cá nhân. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản qua các bài thực hành từ đơn giản cho đến phức tạp.	Thực hành
	Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các buổi báo cáo theo chủ đề, trong đó người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những chuyên gia đến từ các doanh nghiệp, tổ chức bên ngoài. Thông	Báo cáo

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
	qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giả, giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chương trình đào tạo. Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ để giải quyết các chủ đề được giảng viên giao nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo hoặc trình bày bằng slide. Sinh viên đã được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản trong công việc nhóm kể từ năm đầu tiên. Sau đó, họ sẽ được thực hành phương pháp này trong rất nhiều khóa học ở các cấp độ khác nhau.	Làm việc nhóm
Giảng dạy tương tác	Phương pháp này là một quá trình trong đó người ta khám phá suy nghĩ và cảm xúc của người khác bằng cách phản ứng và hành xử như người đó trong tình huống giả lập. Nó có thể liên quan đến các cặp, nhóm hoặc cả lớp. Phương pháp này được sử dụng để kiểm tra quan điểm của người khác và truyền đạt sự hiểu biết. Nó cho phép sinh viên áp dụng các kỹ năng cá nhân và nhóm để đánh giá kiến thức. Khi sử dụng phương pháp này, giáo viên sẽ để sinh viên thực hành, diễn thử một số cách ứng xử liên quan đến một tình huống nào đó. Sau đó Giảng viên đưa ra kết luận, định hướng cho sinh viên đâu là cách ứng xử tích cực với tình huống đã đưa ra.	Đóng kịch/ nhập vai Mô hình ứng xử
Học tập độc lập	Phương pháp này phát triển khả năng tự học của sinh viên để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học. Phương pháp này rèn luyện khả năng tư duy độc lập để giải quyết vấn đề/tình huống/bài thực hành được đưa ra trên cơ sở vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học tập, thảo luận với thái độ cầu thị Phương pháp này phát triển khả năng của sinh viên trong việc lên kế hoạch, tìm hiểu, tổ chức và đánh giá đối với một chủ đề một cách độc lập và chi tiết, dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nó còn tăng cường động lực học tập và tích cực tham gia học tập bởi vì sinh viên được cho phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày.	Đọc và nghiên cứu tài liệu Thực hiện bài kiểm tra cá nhân Khóa luận tốt nghiệp

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

8.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần..

8.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

8.3. Kiểm tra, đánh giá:

8.3.1. Các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành

* Các học phần chỉ có lý thuyết

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần-ĐHP) bao gồm: Điểm chuyên cần (ĐCC) chiếm trọng số 10%; điểm kiểm tra quá trình (ĐKT) chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP) chiếm trọng số 60%. Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐHP} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐKT} \times 0.3) + (\text{ĐTHP} \times 0.6)$$

- Điểm chuyên cần của các học phần chỉ có lý thuyết (ĐCC), điểm chuyên cần đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ tham gia học tập của sinh viên. Cách đánh giá điểm chuyên cần và thái độ tham gia học tập (ĐCC):

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Bậc	Số tiết nghỉ học so với số tiết quy định của học phần	Mức cho điểm
1	Không vắng	10 điểm
2	Vắng học $\leq 10\%$	8-9 điểm
3	Vắng học $> 10\% - 15\%$	Từ 6-7 điểm
4	Vắng học $> 15\% - 20\%$	Từ 3-5 điểm
5	Vắng học $> 20\%$	0 điểm chuyên cần và không đủ điều kiện thi KTHP

Chú thích:

- Nghỉ học có lý do thì lấy điểm cận trên.
- Nghỉ học không có lý do thì lấy điểm cận dưới.
- Thái độ học tập của sinh viên được trừ và cộng tối đa 50% số điểm của mỗi bậc.
- Điểm kiểm tra quá trình của các học phần chỉ có lý thuyết (ĐKT). Điểm kiểm tra quá trình là điểm kiểm tra quá trình học tập của sinh viên.
- Điểm kiểm tra quá trình học tập là điểm kiểm tra thường xuyên hoặc giữa kỳ do giảng viên giảng dạy trực tiếp sinh viên đánh giá. Điểm kiểm tra quá trình học tập được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Hình thức kiểm tra quá trình học tập do giảng viên trực tiếp giảng dạy và Khoa, Bộ môn quy định và có sự phê duyệt của Ban giám hiệu và Phòng Đào tạo đại học - Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế.
- Điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP): Điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, tuân thủ các quy định về tổ chức kỳ thi, ra đề, chấm thi của quy chế này.

8.3.2. Các học phần có cả lý thuyết và thực hành

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần-ĐHP) bao gồm: Điểm chuyên cần (ĐCC) chiếm trọng số 10%, điểm kiểm tra (ĐKT) chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP) chiếm trọng số 60%. Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐHP} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐKT} \times 0.3) + (\text{ĐTHP} \times 0.6)$$

- Điểm chuyên cần của các học phần có cả lý thuyết và thực hành: Điểm chuyên cần các học phần có cả lý thuyết và thực hành (ĐCC) bằng trung bình cộng của điểm chuyên cần lý thuyết (ĐCCLT) và điểm chuyên cần thực hành (ĐCCTH) được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐCC} = \frac{(\text{ĐCCLT} + \text{ĐCCTH})}{2}$$

Cách đánh giá điểm chuyên cần và thái độ tham gia học tập (ĐCC)

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Bậc	Số tiết nghỉ học so với số tiết quy định của học phần	Mức cho điểm
1	Không vắng	10 điểm
2	Vắng học $\leq 10\%$	8-9 điểm
3	Vắng học $> 10\% - 15\%$	Từ 6-7 điểm
4	Vắng học $> 15\% - 20\%$	Từ 3-5 điểm
5	Vắng học $> 20\%$	0 điểm chuyên cần và không đủ điều kiện thi KTHP

Chú thích:

- Nghỉ học có lý do thì lấy điểm cận trên.
- Nghỉ học không có lý do thì lấy điểm cận dưới.
- Thái độ học tập của sinh viên được trừ và cộng tối đa 50% số điểm của mỗi bậc.
- Điểm kiểm tra quá trình của các học phần có cả lý thuyết và thực hành

Điểm kiểm tra quá trình (ĐKT) bao gồm: điểm kiểm tra quá trình lý thuyết (ĐKTLT), điểm kiểm tra thực hành (ĐKTTH). Điểm quá trình được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo công thức sau:

$$\text{ĐKT} = \frac{\text{ĐKTLT} + \text{ĐKTTH}}{2}$$

Chú thích:

- + Phần lý thuyết: điểm kiểm tra quá trình học tập được đánh giá như (mục 1.1.2).
- + Phần thực hành: Sinh viên dự ít nhất 50% số lần kiểm tra theo quy định. Trung bình cộng điểm của các bài thực hành trong học phần, được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm phần thực hành. Điểm phần thực hành được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10).
- Điểm thi kết thúc học phần (ĐTHP): Điểm thi kết thúc học phần chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, tuân thủ các quy định về tổ chức kỳ thi, ra đề, chấm thi của quy chế này.

8.3.3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

8.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

8.5 Một số Rubric đánh giá trong chương trình

Mẫu Rubric đánh giá bài trình bày luận văn

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐỀ TÀI KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP SINH VIÊN (GVHD)

Họ và tên GVHD:

Họ tên sinh viên:

Mã sinh viên:

Đề tài:

Tiêu chí đánh giá	Điểm	1 – Yếu	2 – Trung bình	3 – Khá	4 – Giỏi
Mục tiêu (Tính thực tiễn hoặc chuyên môn) của đề tài		- Không có mục tiêu cụ thể. - Không xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Không có ý tưởng mới.	- Mục tiêu không rõ ràng, không thực tế. - Chưa xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Không có ý tưởng mới.	- Mục tiêu rõ ràng. - Xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Không có ý tưởng mới.	- Mục tiêu rõ ràng. - Xác định rõ các vấn đề cần giải quyết. - Có ý tưởng mới cấp đơn vị trở lên.
Phương pháp nghiên cứu		- Không tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước. - Không phân tích, lập luận để chọn phương pháp.	- Tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước. - Không phân tích lý do chọn phương pháp thực hiện.	- Tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước. - Phân tích, lập luận có cơ sở rõ ràng, tin cậy để chọn phương pháp tối ưu.	- Tìm hiểu tổng quan trong và ngoài nước. - Phân tích, lập luận sắc sảo, có cơ sở rõ ràng, tin cậy để chọn phương pháp tối ưu; Có cải tiến mới.
Kết quả		- Hoàn thành dưới 50% mục tiêu, nội dung đề ra. - Không đánh giá kết quả. - Không có số liệu.	- Hoàn thành 50% - 75% mục tiêu, nội dung đề ra. - Có đánh giá nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng. - Số liệu chưa thuyết phục.	- Hoàn thành 75% - 95% mục tiêu, nội dung đề ra. - Có đánh giá kết quả, đáp ứng mục tiêu. - Minh chứng số liệu rõ ràng, tin cậy.	- Hoàn thành 95% - 100% mục tiêu, nội dung đề ra. - Có đánh giá kết quả, đáp ứng mục tiêu. - Minh chứng số liệu rõ ràng, tin cậy.

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Tiêu chí đánh giá	Điểm	1 – Yếu	2 – Trung bình	3 – Khá	4 – Giỏi
Tác phong thái độ làm việc		- Sinh viên không gặp gỡ GVHD. - Không trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành không tốt các yêu cầu của giảng viên.	- Sinh viên ít gặp gỡ GVHD (khoảng 2 tuần 1 lần). - Ít trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành các yêu cầu của giảng viên.	- Sinh viên gặp gỡ trao đổi với GVHD (khoảng 1 tuần 1 lần). - Có trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành các yêu cầu của giảng viên.	- Sinh viên thường xuyên trao đổi với GVHD. - Tích cực trao đổi các vấn đề về đề tài. - Chấp hành tốt các yêu cầu của giảng viên
Kỹ năng viết báo cáo		- Sai nhiều lỗi chính tả (trên 15 lỗi). - Văn phong không mạch lạc rõ ràng, gây khó khăn cho người đọc hiểu vấn đề. - Trình bày chưa đúng theo yêu cầu trình bày của khoa.	- Sai nhiều lỗi chính tả (khoảng 10-15 lỗi). - Văn phong không mạch lạc, rõ ràng. - Trình bày đúng các yêu cầu về bố cục, định dạng của khoa.	- Sai ít lỗi chính tả (khoảng 4-9 lỗi). - Văn phong mạch lạc, rõ ràng. - Trình bày đúng các yêu cầu về bố cục, định dạng của khoa	- Không sai lỗi chính tả (hoặc rất ít dưới 3 lỗi). - Văn phong mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu. - Trình bày đúng tất cả các yêu cầu về bố cục, định dạng của khoa.
- Tổng điểm: - Điểm quy đổi: (Tổng điểm) / 2 =					

Đồng Nai, ngày tháng năm 20.....
Người đánh giá

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc của chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành, tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

9.1 Khối lượng kiến thức toàn khoá

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
1	A. Kiến thức giáo dục đại cương	31
1.1	A.1 Lý luận chính trị	11
1.2	A.2 Khoa học xã hội	10
1.3	A.3 Khoa học tự nhiên	6
1.4	A.4 Ngoại ngữ	4
2	B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	91
2.1	B.1 Kiến thức cơ sở ngành	31
2.2	B.2 Kiến thức chuyên ngành	50
2.3	B.3 Tốt nghiệp	10
Tổng		122

9.2 Danh mục học phần

Stt	Mã MH	Học phần	Học phần (Tên tiếng Anh)	Bắt buộc	Số TC
A. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG					30
	A.1 Lý luận chính trị				11
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	x	3
2	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	x	2
3	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	x	2
4	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	History of Vietnamese Communist Party	x	2
5	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Hochiminh Ideology	x	2
	A.2 Khoa học xã hội				9
1	06CQ0006	Pháp luật đại cương	Fundamentals of Laws	x	2
	06CQ0674	Quản lý dự án CNTT	Information Technology Project Management	x	2
2	06CQ1163	Lịch sử mỹ thuật Thế Giới và Việt Nam	History of World and Vietnamese Art	x	3
		Tự chọn 1/3		x	3
1	06CQ0675	Kinh tế học đại cương	Economics		3
2	06CQ0676	Kinh tế kỹ thuật	Engineering economic		3
3	06CQ0677	Quản trị kinh doanh cho kỹ sư	Business administration for engineers		3

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Stt	Mã MH	Học phần	Học phần (Tên tiếng Anh)	Bắt buộc	Số TC
	A.3 Khoa học tự nhiên				6
1	06CQ0821	Giải tích 1	Calculus 1	x	3
2	06CQ0678	Đại số tuyến tính	Linear algebra	x	3
	A.4 Ngoại ngữ				4
1	06CQ1110	Tiếng Anh 1	English 1	x	4
2	06CQ1100	Tiếng Anh 2 (*)	English 2 (*)	x	4
3	06CQ1101	Tiếng Anh 3 (*)	English 3 (*)	x	4
4	06CQ1102	Tiếng Anh 4 (*)	English 4 (*)	x	4
5	06CQ1103	Tiếng Anh 5 (*)	English 5 (*)	x	4
6	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)	English 6 (*)	x	4
	A.5 Kỹ năng hỗ trợ (*)				6
1	06CQ1105	Kỹ năng tư duy học tập và làm việc	Skills for learning and working	x	2
2	06CQ1106	Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử	Communication, presentation, and interpersonal skills	x	2
3	06CQ1107	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	Innovation and entrepreneurship	x	2
	A.6 Giáo dục thể chất (*)				4
1	06CQ0053	Quần vợt	Tennis		2
2	06CQ0055	Bóng đá	Football		2
3	06CQ0056	Bóng chuyền	Volleyball		2
4	06CQ0057	Cầu lông	Badminton		2
5	06CQ0058	Bóng rổ	Basketball		2
6	06CQ0714	Đá cầu	Shuttlecock Kicking		2
7	06CQ0715	Điền kinh	Athletics		2
8	06CQ0716	Cờ vua	Chess		2
9	06CQ0717	Bơi	Swimming		2
10	06CQ0936	Boxing - Kickboxing	Boxing - Kickboxing		2
	A.7 Giáo dục quốc phòng (*)				(165T)
1	06CQ0061	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản VN	Stratergies of National Defense and Security of Vietnamese Communist'S Party	x	
2	06CQ0062	Công tác quốc phòng và an ninh	Practices of National Defense and Security of Vietnamese Communist'S Party	x	
3	06CQ0063	Quân sự chung	Introduction to Military in General	x	
4	06CQ0064	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry Tactics and Military Tactics	x	
	A.8 Tin học (*)				6
1	06CQ1108	Tin học ứng dụng	Introduction to artificial intelligence and its applications	x	2
2	06CQ1112	Tin học ứng dụng – Thực hành	Introduction to artificial intelligence and its applications - Practice	x	2
3	06CQ1109	Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng	Applied informatics	x	2
	B. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				92
	B.1 Kiến thức cơ sở ngành				35
1	06CQ1129	Trang trí cơ bản	Basic Decoration	x	3
2	06CQ1130	Nhập môn TKĐH	Introduction to Graphic Design	x	2

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Stt	Mã MH	Học phần	Học phần (Tên tiếng Anh)	Bắt buộc	Số TC
3	06CQ1131	Hình họa cơ bản 1	Basic Graphics 1	x	3
4	06CQ1132	Hình họa cơ bản 2	Basic Graphics 2	x	3
5	06CQ1133	Nguyên lý thị giác	Principles of Visual Perception	x	3
6	06CQ1134	Ký họa	Sketch	x	3
7	06CQ0214	Luật Sở hữu trí tuệ	Law on Intellectual Property	x	2
8	06CQ1135	Trang trí nâng cao	Advanced Decoration	x	3
9	06CQ1136	Bố cục tạo hình	Composition and Form	x	3
10	06CQ1137	Anh văn chuyên ngành TKĐH	English for Graphic Design	x	3
11	06CQ1138	Mỹ học	Aesthetics	x	3
B.2 Kiến thức chuyên ngành					50
1	06CQ1139	Nghệ thuật chữ	Typography	x	3
2	06CQ1140	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	Specialized Informatics 1 (AI)	x	3
3	06CQ1141	Tin học chuyên ngành 2 (Photoshop)	Specialized Informatics 2 (Photoshop)	x	3
4	06CQ1142	Thiết kế nhận diện thương hiệu	Brand Identity Design	x	3
5	06CQ1143	Thiết kế nhân vật	Character Design	x	3
6	06CQ1144	Thiết kế kịch bản truyền thông	Design Media Scripts	x	3
7	06CQ1145	Thiết kế lịch	Calendar Design	x	3
8	06CQ1146	Thiết kế tạp chí, catalogue (ID)	Magazine Design	x	3
9	06CQ1147	Thiết kế bao bì	Packaging Design	x	3
10	06CQ1148	Thiết kế minh họa	Illustration Design	x	3
11	06CQ1149	Chế bản điện tử	Electronic Publishing	x	3
12	06CQ1150	Thiết kế web	Web Design	x	3
13	06CQ1151	Thực tập đồ họa	Graphic Design Internship	x	3
		Chọn 1/3		x	3
14	06CQ1152	Kỹ thuật nhiếp ảnh	Photography Techniques		3
15	06CQ1153	Ứng dụng AI trong thiết kế	AI Applications in Design		3
16	06CQ1154	Thiết kế thực tế ảo (AR/VR)	AR/VR Design		3
		Chọn 01 trong 02 nhóm tổ hợp 1, 2 (Chọn 9/18)		x	9
		Tổ hợp 01			9
17	06CQ1155	Thiết kế trò chơi	Game Design		3
18	06CQ1156	Sản xuất video và âm thanh (Hoạt hình 2D)	Video And Audio Production (2D Animation)		3
19	06CQ1157	Đồ họa tương tác	Interactive graphics		3
		Tổ hợp 02			9
20	06CQ1158	Thiết kế sự kiện	Event Design		3
21	06CQ1159	Thiết kế ấn phẩm điện tử	Design Electronic Publications		3
22	06CQ1160	Hệ thống quảng cáo	Advertising System		3
B.3 Tốt nghiệp				x	10
1	06CQ1161	Thực tập tại doanh nghiệp TKĐH	Internship in Enterprise	x	2
2	06CQ1162	Đồ án tốt nghiệp TKĐH	Graduation Project	x	8
Tổng cộng					122

Chú ý: Những học phần đánh dấu () không tính vào số tín chỉ trong chương trình*

9.3 Kế hoạch đào tạo

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Học kỳ						
				I	II	III	IV	V	VI	VII
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	x	3						
2	06CQ0006	Pháp luật đại cương	x	2						
3	06CQ1163	Lịch sử mỹ thuật TG&VN	x	3						
4	06CQ0821	Giải tích 1	x	3						
5	06CQ1129	Trang trí cơ bản	x	3						
6	06CQ1130	Nhập môn TKĐH	x	2						
7	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x		2					
8	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x		2					
9	06CQ1110	Tiếng Anh 1	x		4					
10	06CQ1100	Tiếng Anh 2 (*)	x		4					
11	06CQ1105	Kỹ năng tư duy học tập và làm việc	x		2					
12	06CQ0053	Quần vợt (*)			2					
13	06CQ0055	Bóng đá (*)			2					
14	06CQ0056	Bóng chuyền (*)			2					
15	06CQ0057	Cầu lông (*)			2					
16	06CQ0058	Bóng rổ (*)			2					
17	06CQ1108	Tin học ứng dụng	x		2					
18	06CQ1112	Tin học ứng dụng – Thực hành	x		2					
19	06CQ1131	Hình họa cơ bản 1	x		3					
20	06CQ1132	Hình họa cơ bản 2	x		3					
21	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x			2				
22	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x			2				
23	06CQ0678	Đại số tuyến tính	x			3				
24	06CQ1101	Tiếng Anh 3 (*)	x			4				
25	06CQ1106	Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử	x			2				
26	06CQ0714	Đá cầu				2				
27	06CQ0715	Điền kinh				2				
28	06CQ0716	Cờ vua				2				
29	06CQ0717	Bơi				2				
30	06CQ0936	Boxing - Kickboxing				2				
31	06CQ1133	Nguyên lý thị giác	x			3				
32	06CQ1134	Ký họa	x			3				
33	06CQ1135	Trang trí nâng cao	x			3				
34	06CQ1138	Mỹ học	x			3				
35	06CQ1102	Tiếng Anh 4 (*)	x				4			

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Stt	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Học kỳ						
				I	II	III	IV	V	VI	VII
36	06CQ1107	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	x				2			
37	06CQ1109	Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng	x				2			
38	06CQ1136	Bố cục tạo hình	x				3			
39	06CQ1137	Anh văn chuyên ngành TKĐH	x				3			
40	06CQ1139	Nghệ thuật chữ	x				3			
41	06CQ1140	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	x				3			
42	06CQ1141	Tin học chuyên ngành 2 (Photoshop)	x				3			
43	06CQ1155	Thiết kế trò chơi					3			
44	06CQ1158	Thiết kế sự kiện					3			
45	06CQ0674	Quản lý dự án CNTT	x					2		
46	06CQ1103	Tiếng Anh 5 (*)	x					4		
47	06CQ0214	Luật Sở hữu trí tuệ	x					2		
48	06CQ1142	Thiết kế nhận diện thương hiệu	x					3		
49	06CQ1143	Thiết kế nhân vật	x					3		
50	06CQ1144	Thiết kế kịch bản truyền thông	x					3		
51	06CQ1156	Sản xuất video và âm thanh						3		
52	06CQ1157	Đồ họa tương tác						3		
53	06CQ1159	Thiết kế ấn phẩm điện tử						3		
54	06CQ1160	Hệ thống quảng cáo						3		
55	06CQ0675	Kinh tế học đại cương							3	
56	06CQ0676	Kinh tế kỹ thuật							3	
57	06CQ0677	Quản trị kinh doanh cho kỹ sư							3	
58	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)	x						4	
59	06CQ1145	Thiết kế lịch	x						3	
60	06CQ1146	Thiết kế tạp chí, catalogue (ID)	x						3	
61	06CQ1147	Thiết kế bao bì	x						3	
62	06CQ1148	Thiết kế minh họa	x						3	
63	06CQ1150	Thiết kế web	x						3	
64	06CQ1149	Chế bản điện tử	x							3
65	06CQ1151	Thực tập đồ họa	x							2
66	06CQ1152	Kỹ thuật nhiếp ảnh								3
67	06CQ1153	Ứng dụng AI trong thiết kế								3
68	06CQ1154	Thiết kế thực tế ảo (AR/VR)								3
69	06CQ1161	Thực tập tại doanh nghiệp TKĐH	x							2
70	06CQ1162	Đồ án tốt nghiệp TKĐH	x							8

9.4 Kế hoạch học tập**Học kỳ 1: Năm học thứ nhất**

STT	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	x	3
2	06CQ0006	Pháp luật đại cương	x	2
3	06CQ1163	Lịch sử mỹ thuật Thế Giới và Việt Nam	x	3
4	06CQ0821	Giải tích 1	x	3
5	06CQ1129	Trang trí cơ bản	x	3
6	06CQ1130	Nhập môn TKĐH	x	2
TỔNG CỘNG			16 TC (tích lũy)	

Học kỳ 2: Năm học thứ nhất

STT	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x	2
2	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x	2
3	06CQ1110	Tiếng Anh 1	x	4
4	06CQ1100	Tiếng Anh 2 (*)	x	4
5	06CQ1105	Kỹ năng tư duy học tập và làm việc (*)	x	2
6	06CQ0053	Quần vợt (*)		2
7	06CQ0055	Bóng đá (*)		2
8	06CQ0056	Bóng chuyền (*)		2
9	06CQ0057	Cầu lông (*)		2
10	06CQ0058	Bóng rổ (*)		2
11	06CQ1108	Tin học ứng dụng (*)	x	2
12	06CQ1112	Tin học ứng dụng – Thực hành (*)	x	2
13	06CQ1131	Hình họa cơ bản 1	x	3
14	06CQ1132	Hình họa cơ bản 2	x	3
TỔNG CỘNG			14 TC (tích lũy)	

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Học kỳ 3: Năm học thứ hai

STT	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	2
2	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	2
3	06CQ0678	Đại số tuyến tính	x	3
4	06CQ1101	Tiếng Anh 3 (*)	x	4
5	06CQ1106	Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử(*)	x	2
6	06CQ0714	Đá cầu		2
7	06CQ0715	Điền kinh		2
8	06CQ0716	Cờ vua		2
9	06CQ0717	Bơi		2
10	06CQ0936	Boxing - Kickboxing		2
11	06CQ1133	Nguyên lý thị giác	x	3
12	06CQ1134	Ký họa	x	3
13	06CQ1135	Trang trí nâng cao	x	3
14	06CQ1138	Mỹ học	x	3
TỔNG CỘNG			19 TC (tích lũy)	

Học kỳ 4: Năm học thứ hai

STT	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ1102	Tiếng Anh 4 (*)	x	4
2	06CQ1107	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (*)	x	2
3	06CQ1109	Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng(*)	x	2
4	06CQ1136	Bố cục tạo hình	x	3
5	06CQ1137	Anh văn chuyên ngành TKĐH	x	3
6	06CQ1139	Nghệ thuật chữ	x	3
7	06CQ1140	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	x	3
8	06CQ1141	Tin học chuyên ngành 2 (Photoshop)	x	3
9	06CQ1155	Thiết kế trò chơi	x	3
10	06CQ1158	Thiết kế sự kiện		3
TỔNG CỘNG			18 TC (tích lũy)	

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Học kỳ 5: Năm học thứ ba

STT	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0674	Quản lý dự án CNTT	x	2
2	06CQ1103	Tiếng Anh 5 (*)	x	4
3	06CQ0214	Luật Sở hữu trí tuệ	x	2
4	06CQ1142	Thiết kế nhận diện thương hiệu	x	3
5	06CQ1143	Thiết kế nhân vật	x	3
6	06CQ1144	Thiết kế kịch bản truyền thông	x	3
7	06CQ1156	Sản xuất video và âm thanh		3
8	06CQ1157	Đồ họa tương tác		3
9	06CQ1159	Thiết kế ấn phẩm điện tử		3
10	06CQ1160	Hệ thống quảng cáo		3
TỔNG CỘNG			19 TC (tích lũy)	

Học kỳ 6: Năm học thứ ba

STT	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ0675	Kinh tế học đại cương		3
2	06CQ0676	Kinh tế kỹ thuật		3
3	06CQ0677	Quản trị kinh doanh cho kỹ sư		3
4	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)	x	4
5	06CQ1145	Thiết kế lịch	x	3
6	06CQ1146	Thiết kế tạp chí, catalogue (ID)	x	3
7	06CQ1147	Thiết kế bao bì	x	3
8	06CQ1148	Thiết kế minh họa	x	3
9	06CQ1150	Thiết kế web	x	3
TỔNG CỘNG			18 TC (tích lũy)	

Học kỳ 7: Năm học thứ tư

STT	Mã MH	Học phần	Bắt buộc	Số tín chỉ
1	06CQ1149	Chế bản điện tử	x	3
2	06CQ1151	Thực tập đồ họa	x	2
3	06CQ1152	Kỹ thuật nhiếp ảnh		3
4	06CQ1153	Ứng dụng AI trong thiết kế		3
5	06CQ1154	Thiết kế thực tế ảo (AR/VR)		3
6	06CQ1161	Thực tập tại doanh nghiệp TKĐH	x	2
7	06CQ1162	Đồ án tốt nghiệp TKĐH	x	8
TỔNG CỘNG			18 TC (tích lũy)	

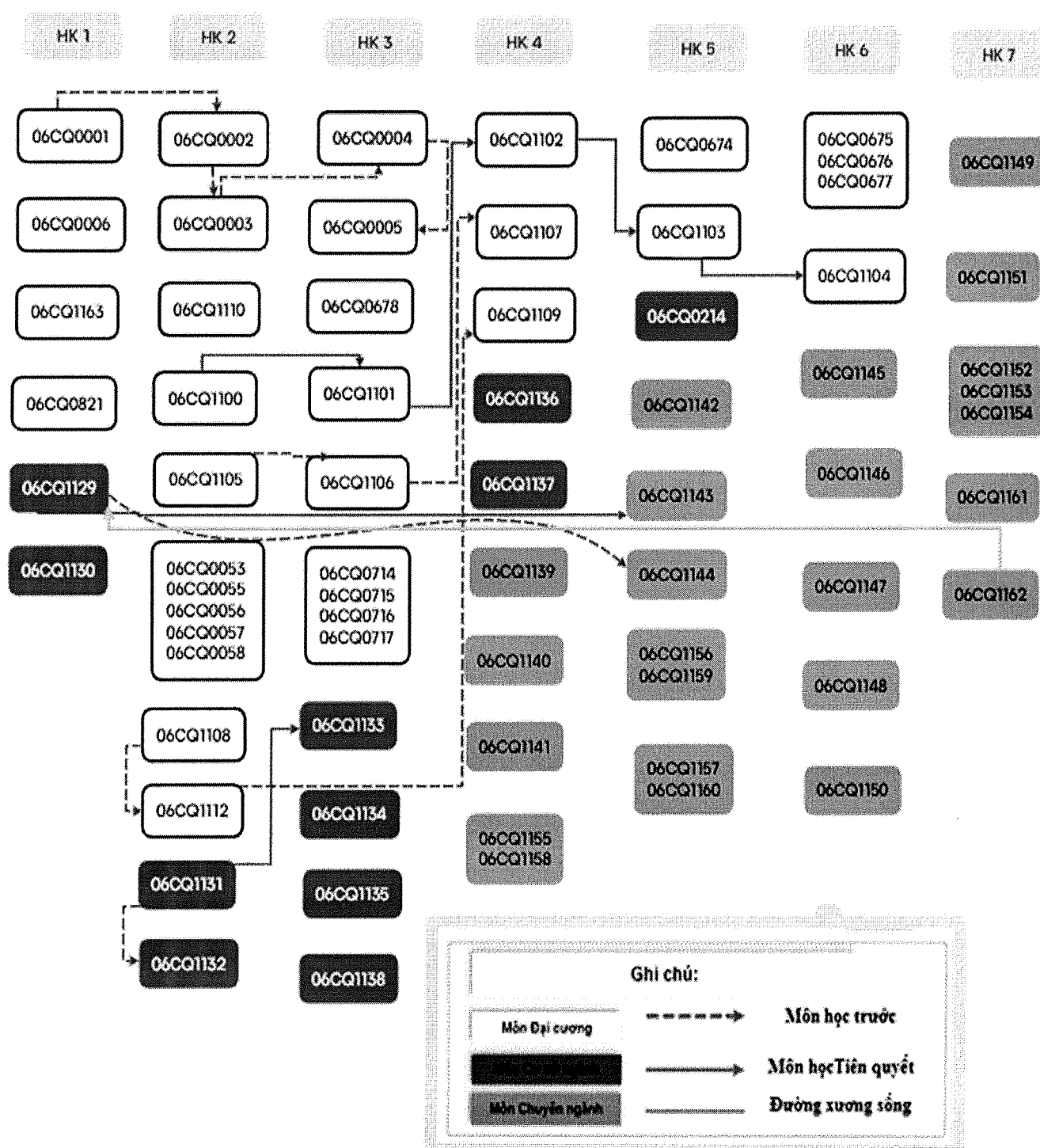
9.5 Ma trận tích hợp môn học – Chuẩn đầu ra chương trình

Stt	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLO								
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	x								x
2	06CQ0006	Pháp luật đại cương	x								x
3	06CQ1163	Lịch sử mỹ thuật TG&VN	x	x		x				x	
4	06CQ0821	Giải tích 1	x								x
5	06CQ1129	Trang trí cơ bản	x	x	x	x					
6	06CQ1130	Nhập môn TKĐH		x		x	x	x			
7	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	x								x
8	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x								x
9	06CQ1110	Tiếng Anh 1					x				x
10	06CQ1100	Tiếng Anh 2 (*)					x				x
11	06CQ1105	Kỹ năng tư duy học tập và làm việc					x				x
12	06CQ0053	Quần vợt (*)					x				x
13	06CQ0055	Bóng đá (*)					x				x
14	06CQ0056	Bóng chuyền (*)					x				x
15	06CQ0057	Cầu lông (*)					x				x
16	06CQ0058	Bóng rổ (*)					x				x
17	06CQ1108	Tin học ứng dụng					x				x
18	06CQ1112	Tin học ứng dụng – Thực hành					x				x
19	06CQ1131	Hình họa cơ bản 1		x			x	x			
20	06CQ1132	Hình họa cơ bản 2		x			x	x			
21	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x	x		x	x	x			
22	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x								x
23	06CQ0678	Đại số tuyến tính	x								x
24	06CQ1101	Tiếng Anh 3 (*)	x								x
25	06CQ1106	Truyền đạt, giao tiếp, ứng xử					x				x
26	06CQ0714	Đá cầu					x				x
27	06CQ0715	Điền kinh					x				x
28	06CQ0716	Cờ vua					x				x
29	06CQ0717	Bơi					x				x
30	06CQ0936	Boxing - Kickboxing					x				x
31	06CQ1133	Nguyên lý thị giác		x			x				x
32	06CQ1134	Ký họa		x		x		x			
33	06CQ1135	Trang trí nâng cao		x			x	x	x		
34	06CQ1138	Mỹ học	x	x	x	x					
35	06CQ1102	Tiếng Anh 4 (*)		x				x			

BẢN MÔ TẢ CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Stt	Mã HP	Tên học phần	Chuẩn đầu ra PLO								
			PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9
36	06CQ1107	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp					x				x
37	06CQ1109	Giới thiệu TTNT và các ứng dụng			x	x					
38	06CQ1136	Bố cục tạo hình		x	x				x		
39	06CQ1137	Anh văn chuyên ngành TKĐH				x	x				x
40	06CQ1139	Nghệ thuật chữ		x		x		x			
41	06CQ1140	Tin học chuyên ngành 1 (AI)			x	x	x	x			
42	06CQ1141	Tin học chuyên ngành 2 (Photoshop)			x	x	x	x			
43	06CQ1155	Thiết kế trò chơi	x		x	x		x			
44	06CQ1158	Thiết kế sự kiện		x	x		x				
45	06CQ0674	Quản lý dự án CNTT		x			x				x
46	06CQ1103	Tiếng Anh 5 (*)					x				x
47	06CQ0214	Luật Sở hữu trí tuệ	x	x							x
48	06CQ1142	Thiết kế nhận diện thương hiệu		x	x		x				
49	06CQ1143	Thiết kế nhân vật		x	x		x				
50	06CQ1144	Thiết kế kịch bản truyền thông		x	x		x	x			
51	06CQ1156	Sản xuất video và âm thanh		x	x			x	x		
52	06CQ1157	Đồ họa tương tác		x	x			x			
53	06CQ1159	Thiết kế ấn phẩm điện tử		x	x			x			
54	06CQ1160	Hệ thống quảng cáo	x		x	x		x			x
55	06CQ0675	Kinh tế học đại cương	x	x			x				
56	06CQ0676	Kinh tế kỹ thuật	x	x			x				
57	06CQ0677	Quản trị kinh doanh cho kỹ sư	x	x			x				
58	06CQ1104	Tiếng Anh 6 (*)					x				x
59	06CQ1145	Thiết kế lịch			x	x		x	x		
60	06CQ1146	Thiết kế tạp chí, catalogue (ID)			x	x		x	x		
61	06CQ1147	Thiết kế bao bì			x	x		x	x		
62	06CQ1148	Thiết kế minh họa			x	x		x	x		
63	06CQ1150	Thiết kế web				x		x			x
64	06CQ1149	Chế bản điện tử			x	x	x	x			
65	06CQ1151	Thực tập đồ họa		x	x	x	x	x	x	x	x
66	06CQ1152	Kỹ thuật nhiếp ảnh			x	x		x			
67	06CQ1153	Ứng dụng AI trong thiết kế			x	x		x			
68	06CQ1154	Thiết kế thực tế ảo (AR/VR)			x	x		x			
69	06CQ1161	Thực tập tại doanh nghiệp TKĐH	x	x	x	x	x	x	x	x	x
70	06CQ1162	Đồ án tốt nghiệp TKĐH	x	x	x	x	x	x	x	x	x

9.6 Sơ đồ chương trình đào tạo



9.7 Tóm tắt chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Thiết kế đồ họa là ngành học tiên phong của Khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Công nghệ Miền Đông, đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của nền kinh tế của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao có đầy đủ kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như có phẩm chất chính trị và đạo đức kinh doanh tốt để tham gia vào thế giới kinh doanh quốc tế hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Bằng Cử nhân Thiết kế đồ họa sẽ tạo ra một nền tảng vững chắc để sinh viên có thể đón đầu thách thức và nắm bắt cơ hội khi làm việc trong môi trường kinh doanh đa dạng, luôn thay đổi, vận động theo nhiều hướng khác nhau.

Chương trình đồng thời chú trọng rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng mềm, ngoại ngữ cũng như ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và học tập suốt đời để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường công nghệ. Chương trình được thiết kế với 122 tín chỉ chia ra 7 học kỳ tương ứng với 3,5 năm học. Chi tiết tại mục đề cương chi tiết học phần.

10. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Phụ lục 1

11. SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Cử nhân Thiết kế đồ họa đã được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường đại học có uy tín tại Việt Nam có đào tạo cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như:

- Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TP HCM
- Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
- Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Bảng so sánh chương trình của các trường đại học đào tạo cùng ngành

Chương trình THIẾT KẾ ĐỒ HỌA	Kiến thức GD đại cương	Kiến thức GD Cơ sở ngành	Kiến thức GD Chuyên ngành	Thực tập tốt nghiệp hoặc khóa luận	TỔNG
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM	48	21	54	9	132
Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	47	33	45	9	134
Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	35	41	61	13	150

12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông./.

Đồng Nai, ngày tháng 3 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Văn Song

KHOA CNTT

Đinh Đình Thắng

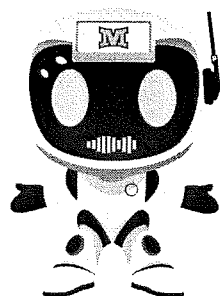
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**MIỀN ĐÔNG
INNOVATIVE TECHNOLOGY
UNIVERSITY**

PHỤ LỤC 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN CTĐT NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA



MỤC LỤC

STT	Mã Học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số Trang
1	06CQ0001	Triết học Mác – Lênin	3	1
2	06CQ0006	Pháp luật đại cương	2	5
3	06CQ1163	Lịch sử mỹ thuật Thế Giới và Việt Nam	3	9
4	06CQ0821	Giải tích 1	3	15
5	06CQ1129	Trang trí cơ bản	3	23
6	06CQ1130	Nhập môn Thiết kế đồ họa	2	29
7	06CQ0002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	35
8	06CQ0003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	41
9	06CQ1110	Tiếng Anh 1	4	47
10	06CQ1131	Hình họa cơ bản 1	3	63
11	06CQ1132	Hình họa cơ bản 2	3	69
12	06CQ0004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	75
13	06CQ0005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	81
14	06CQ0678	Đại số tuyến tính	3	87
15	06CQ1133	Nguyên lý thị giác	3	95
16	06CQ1134	Ký họa	3	101
17	06CQ1135	Trang trí nâng cao	3	105
18	06CQ1138	Mỹ học	3	109
19	06CQ1109	Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng	2	115
20	06CQ1136	Bố cục tạo hình	3	121
21	06CQ1137	Anh văn chuyên ngành TKĐH	3	127
22	06CQ1139	Nghệ thuật chữ	3	133
23	06CQ1140	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	3	139
24	06CQ1141	Tin học chuyên ngành 2 (Photoshop)	3	145
25	06CQ1155	Thiết kế trò chơi	3	153
26	06CQ1158	Thiết kế sự kiện	3	159
27	06CQ0674	Quản lý dự án CNTT	2	167
28	06CQ0214	Luật Sở hữu trí tuệ	2	173
29	06CQ1142	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3	179
30	06CQ1143	Thiết kế nhân vật	3	185
31	06CQ1144	Thiết kế kịch bản truyền thông	3	193
32	06CQ1156	Sản xuất video và âm thanh (Hoạt hình 2D)	3	199

ỦY C
 TRƯ
 ĐẠI
 ÔNG
 IÊN

33	06CQ1157	Đồ họa tương tác	3	205
34	06CQ1159	Thiết kế ấn phẩm điện tử	3	211
35	06CQ1160	Hệ thống quảng cáo	3	217
36	06CQ0675	Kinh tế học đại cương	3	225
37	06CQ0676	Kinh tế kỹ thuật	3	231
38	06CQ0677	Quản trị kinh doanh cho kỹ sư	3	237
39	06CQ1145	Thiết kế lịch	3	243
40	06CQ1146	Thiết kế tạp chí, catalogue (ID)	3	249
41	06CQ1147	Thiết kế bao bì	3	255
42	06CQ1148	Thiết kế minh họa	3	261
43	06CQ1150	Thiết kế web	3	267
44	06CQ1149	Chế bản điện tử	3	273
45	06CQ1151	Thực tập đồ họa	2	281
46	06CQ1152	Kỹ thuật nhiếp ảnh	3	287
47	06CQ1153	Ứng dụng AI trong thiết kế	3	293
48	06CQ1154	Thiết kế thực tế ảo (AR/VR)	3	299
49	06CQ1161	Thực tập tại doanh nghiệp TKĐH	2	305
50	06CQ1162	Đồ án tốt nghiệp TKĐH	8	309



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Triết học Mác – Lênin
Tên học phần Tiếng Anh:	Marxist - Leninist Philosophy
Mã học phần:	06CQ0001
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Triết học Mác- Lênin là học phần bắt buộc trong Chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành.

Học phần được bố trí giảng dạy đầu tiên trong hệ thống các môn học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về triết học Mác – Lênin.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học Triết học Mác - Lênin (khái niệm, vấn đề cơ bản của triết học, những tiền đề của sự ra đời triết học Mác – Lênin, thực chất, ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C. Mác và Ph. Ăngghen thực hiện, Lênin bổ sung và phát triển triết học Mác; đối tượng, chức năng, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong thời đại ngày nay).	1.0	PLO1
CLO1	Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, ý thức, mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức.	1.0	PLO1
CLO2	Nắm được những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật, ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức và thực tiễn.	1.0	PLO1
CLO2	Trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận nhận thức duy vật biện chứng, về học thuyết kinh tế - xã hội; vận dụng ý nghĩa phương pháp luận vào thực tiễn cuộc sống.	1.0	PLO1
CLO2	Nắm được những quan điểm cơ bản của triết học Mác – Lênin về giai cấp, đấu tranh giai cấp; về nhà nước và cách mạng xã hội; về dân tộc, quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại; vận dụng vào nhận thức những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO3	Trang bị những quan điểm cơ bản của triết học Mác – Lênin về con người, về ý thức xã hội; vận dụng vào nhận thức những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO3	Biết vận dụng nguyên tắc phương pháp luận từ nội dung lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, vào nhận thức và hoạt động thực tiễn. Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Triết học Mác – Lênin.	1.0	PLO1
CLO3	Khẳng định những nền tảng khoa học của chủ nghĩa duy vật biện chứng; đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình.	3.0	PLO10
CLO3	Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn cuộc sống trong giai đoạn hiện nay. Rèn luyện kỹ năng suy luận, thuyết trình, làm việc nhóm hiệu quả.	3.0	PLO1 PLO8
CLO4	Củng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin nói chung, triết học Mác – Lênin nói riêng.	3.0	PLO1
CLO4	Bồi dưỡng lập trường mác xít, củng cố niềm tin vào bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật lịch sử; tin tưởng vào đường lối quan điểm của Đảng; đấu tranh với các quan điểm thù địch, sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.	3.0	PLO1 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác- Lênin		15				35	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
1	Triết học và vấn đề cơ bản của triết học. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Bài tập								
Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		15				35			A1
2	2.1. Vật chất và ý thức. 2.2. Phép biện chứng duy vật. 2.3. Lý luận nhận thức. Bài tập								A2 A3
Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử		15				35			A1 A3
3	3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội. 3.2. Giai cấp và dân tộc. 3.3. Nhà nước và cách mạng XH 3.4. Ý thức xã hội. 3.5. Triết học về con người. Bài tập								
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CBDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	CĐR				
	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 <i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ: 40%</i>	CĐR				
	Số câu: 1	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 <i>Số câu: 4</i> <i>Tỷ lệ: 40%</i>	CĐR				
	Số câu: 1	Số câu: 2	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Tổng cộng 10 câu (Tỷ lệ 100%)	Số câu: 3 Tỷ lệ: 30%	Số câu: 5 Tỷ lệ: 50%	Số câu: 2 Tỷ lệ: 20%	Số câu: 0	Số câu: 0

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

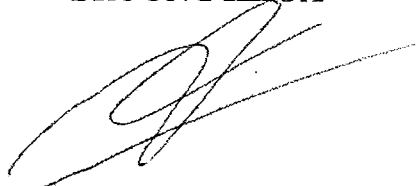
Giáo trình chính

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

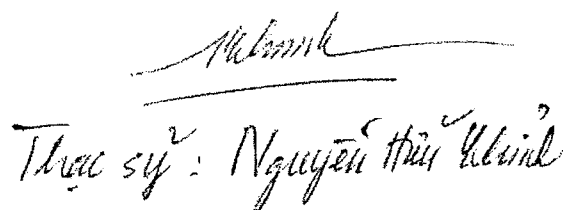
- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [4] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc sĩ: Nguyễn Hữu Xuân

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt: Pháp luật đại cương
Tên học phần Tiếng Anh: Fundamentals of Laws
Mã học phần: 06CQ0006
Thuộc khối kiến thức: Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:
Giảng viên tham gia giảng dạy:
Số tín chỉ: 2
Lý thuyết: 30 tiết
Thực hành: 0
Bài tập: 0
Tính chất của môn: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:
Học phần song hành:

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, một số quy định pháp luật chuyên ngành phổ biến trong đời sống; Xây dựng tinh thần thượng tôn pháp luật đối với người học.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Phân biệt một số khái niệm liên quan đến Nhà nước và Pháp luật	3.0	PLO2

CLO2	Hiểu và áp dụng kiến thức vào đời sống, công việc.	3.0	PLO8
CLO3	Vận dụng kiến thức giải quyết một số tình huống thực tế.	4.0	PLO8 PLO9
CLO4	Có thái độ nghiêm túc trong quá trình làm việc nhóm, cũng như có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng. Tham dự lớp học đầy đủ.	5.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
CHƯƠNG I. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật								
CHƯƠNG II. Hệ thống pháp luật		4				10			
2	1. Khái niệm và đặc điểm hệ thống pháp luật 2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật 3. Hệ thống pháp luật Việt Nam								
CHƯƠNG III. Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật		6				10			
3+4	1. Thực hiện pháp luật 2. Vi phạm pháp luật 3. Trách nhiệm pháp lý								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
CHƯƠNG IV. Luật Hình sự và tố tụng hình sự		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Day: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
5+6	1. Hình phạt 2. Tội phạm 3. Tố tụng hình sự								
CHƯƠNG V. Luật dân sự và tố tụng dân sự		8				20			
7+8	1. Chế định sở hữu 2. Chế định thừa kế 3. Chế định hợp đồng 4. Tố tụng dân sự								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

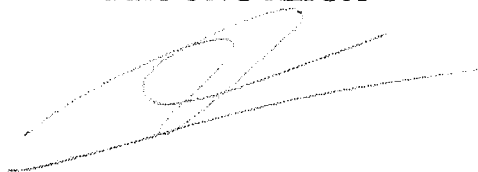
6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 33.36%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 33.36%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 33.36%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng cộng: 6 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 33.36%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 16.7%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

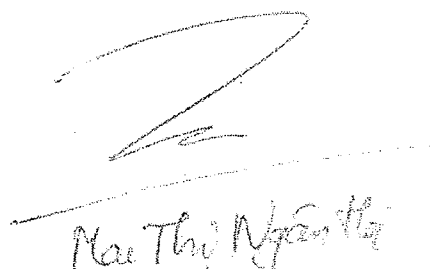
[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Giáo trình Pháp luật đại cương*, NXB Đại học sư phạm.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
LỊCH SỬ MỸ THUẬT THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Lịch sử mỹ thuật Thế Giới và Việt Nam
Tên học phần Tiếng Anh:	History of World and Vietnamese Art
Mã học phần:	06CQ1163
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Lịch sử mỹ thuật Thế giới và Việt Nam là Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử mỹ thuật từ thời nguyên thủy cho đến thời hiện đại của Việt Nam và Thế Giới. Qua đó, người học hiểu thêm về con người, các hiện vật, các tác phẩm nghệ thuật tạo hình..., của từng giai đoạn lịch sử. Từ đó, có thể áp dụng các kiến thức đã học vào việc phát triển ý tưởng thiết kế đồ họa.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các kiến thức xã hội trong lĩnh vực mỹ thuật	2.0	PLO1
CLO2	Vận dụng được thông tin từ nhiều nguồn để đặt câu hỏi, lập giả thuyết và kiểm chứng.	3.0	PLO2
CLO3	Thực hiện được công việc cá nhân, làm việc nhóm hiệu quả, và ra quyết định có tính toán rủi ro.	3.0	PLO8
CLO4	Tổ chức và trình bày thông tin chuyên ngành Thiết kế đồ họa qua văn bản, đồ họa, thuyết trình và đa phương tiện.	4.0	PLO4
CLO5	Thể hiện đạo đức chuyên nghiệp, tính trung thực, bốn phẩm và trách nhiệm. Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực mỹ thuật.	3.0	PLO8

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Phần 1. Lịch sử mỹ thuật Thế giới Chương 1. Mỹ thuật thời Nguyên thủy Chương 2. Mỹ thuật thời cổ đại	4				10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	Chương 1. Mỹ thuật thời Nguyên thủy 1.1 Thời kỳ đồ đá 1.2 Thời kỳ đồ đồng 1.3 Thời kỳ đồ sắt Chương 2. Mỹ thuật thời cổ đại 2.1 Mỹ thuật Ai Cập cổ đại 2.2 Mỹ thuật Lưỡng Hà cổ đại 2.3 Mỹ thuật Hy Lạp cổ đại 2.4 Mỹ thuật La Mã cổ đại Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		

Lịch sử Mỹ thuật Thế giới và Việt Nam

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá	
		LT	BT	TH	TL					
2	Chương 3. Mỹ thuật thời Trung cổ Chương 4. Mỹ thuật phục Hưng	4				10	CLO1 CLO2 CLO5			
	Chương 3. Mỹ thuật thời Trung cổ 3.1 Mỹ thuật Byzantine 3.2 Mỹ thuật các nước phương Tây Chương 4. Mỹ thuật phục Hưng 4.1 Đặc điểm chung 4.2 Mỹ thuật Phục Hưng Italia 4.3 Mỹ thuật Phục Hưng Tây Ban Nha 4.4 Mỹ thuật Phục Hưng Hà Lan 4.5 Mỹ thuật Phục Hưng Đức 4.6 Mỹ thuật Phục Hưng Pháp Bài tập									
3	Chương 5. Mỹ thuật thế Kỷ XVII Chương 6. Mỹ thuật thế Kỷ XVIII	4				10				CLO1 CLO2 CLO5
	5.1 Nghệ thuật tạo hình Baroque 5.2 Nghệ thuật tạo hình Hà Lan 5.3 Nghệ thuật tạo hình Tây Ban Nha 5.4 Nghệ thuật tạo hình Pháp 6.1 Nghệ thuật tạo hình Pháp 6.2 Nghệ thuật tạo hình Italia 6.3 Nghệ thuật tạo hình Anh Bài tập						A1			
							A3			
4	Chương 7. M thuật thế Kỷ XIX Chương 8: Các khuynh hướng nghệ thuật hiện đại Chương 9. Nghệ thuật tạo hình các nước Phương Đông	4				10	CLO1 CLO3 CLO5			
	7.1 Nghệ thuật tạo hình Pháp 7.2 Nghệ thuật tạo hình Tây Ban Nha 7.3 Nghệ thuật tạo hình Anh 7.4 Nghệ thuật tạo hình Đức 8. Các khuynh hướng nghệ thuật hiện đại 9.1 Nghệ thuật tạo hình Ấn Độ 9.2 Nghệ thuật tạo hình Trung 9.3 Nghệ thuật tạo hình Nhật Bản Bài tập									A1
										A2
									A3	
5	Phần 2. Lịch sử mỹ thuật Việt Nam Chương 1. Mỹ thuật thời nguyên thủy	4				10			A1	

Lịch sử Mỹ thuật Thế giới và Việt Nam

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	và thời đồng thau Chương 2. Mỹ thuật thời Bắc thuộc								
	1.1 Mỹ thuật thời nguyên thủy - Thời kỳ đồ đá - Thời kỳ đồ đồng - Thời kỳ đồ sắt 1.2 Mỹ thuật thời đồng thau - Giai đoạn Phùng Nguyên - Giai đoạn Đông Đậu - Giai đoạn Gò Mun - Giai đoạn Đông Sơn 2. Mỹ thuật thời Bắc thuộc Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5		A2 A3
6-7	Chương 3. Mỹ thuật thời độc lập tự chủ	8				20		Dạy: GV giảng lại tổng hợp lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	3.1 Mỹ thuật thời Đinh, Tiền Lê 3.2 Mỹ thuật Lý, Trần, Hồ 3.3 Mỹ thuật Hậu Lê, Tây Sơn 3.4 Mỹ thuật Nguyễn Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		A2
									A3
8-9	Chương 4. Mỹ thuật Việt Nam thời hiện đại	8				20			
	4.1 Mỹ thuật thời thuộc Pháp - Các trường mỹ thuật được thành lập - Các nghệ sĩ mới thời Pháp thuộc - Kiến trúc, điêu khắc, hội họa 4.2 Mỹ thuật thời dân chủ cộng hòa - Mỹ thuật kháng chiến chống Pháp 1945 – 1954 - Mỹ thuật kháng chiến chống Mỹ 1955 – 1975 Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		A1 A2 A3
10-12	Chương 5. Nghệ thuật trang trí VVN Chương 6. Mỹ thuật dân gian	9				15			A1
	5. Nghệ thuật trang trí Việt Nam 6.1 Tranh dân gian Đông Hồ 6.2 Tranh dân gian Hàng Trống Bài tập						CLO3 CLO4 CLO5		A2
									A3
	Tổng	45				105			

Lịch sử Mỹ thuật Thế giới và Việt Nam

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

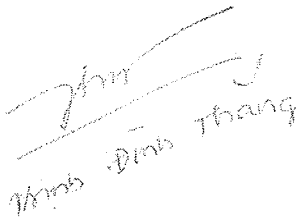
Giáo trình

- [1] Nguyễn Phi Hoanh, 1984, *Lược sử mỹ thuật Việt Nam*, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.
[2] Nguyễn Trân, 1993, *Lịch sử mỹ thuật thế giới*, NXB Trường ĐH Mỹ thuật Hà Nội.

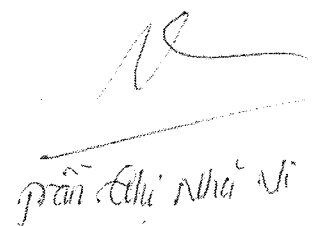
Tài liệu tham khảo

- [3] Âu Dương Anh, 2003, *Thập đại tùng thư 10 nhà hội họa lớn thế giới*, NXB văn hóa thông tin, Tp.HCM.
[4] Trần Lâm Biền, 1993, *Hình tượng con người trong nghệ thuật tạo hình truyền thống*, NXB Mỹ Thuật, Hà Nội.
[5] Tiệp Nhân, Vệ Hải, 2004, *Từ điển mỹ thuật hội họa thế giới mỹ thuật*, Hà Nội.
[6] Nguyễn Đình Khoa, 1983, *Các dân tộc ở Việt Nam*, NXB khoa học xã hội Hà Nội.
[7] Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng, 1989, *Mỹ thuật của người Việt*, NXB Mỹ Thuật

KHOA CNTT


Nguyễn Đình Khoa

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Trần Thị Nhàn

Giải tích 1



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN GIẢI TÍCH 1

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Giải tích 1
Tên học phần Tiếng Anh:	Calculus 1
Mã học phần:	06CQ0821
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Giải tích A1 nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của giải tích toán học như: phép toán vi phân hàm số một biến và hàm số nhiều biến, phép toán tích phân hàm một biến, cùng với một số ứng dụng của chúng trong Toán học và trong phân tích kinh tế. Học phần cung cấp những nội dung giải tích cơ bản, cần thiết để sinh viên có thể tiếp cận, phân tích, nghiên cứu các mô hình kinh tế bằng các phương pháp toán học.

Học phần bao gồm 5 chương, đó là: Chương I: Hàm số và giới hạn; Chương II: Đạo hàm và vi phân; Chương III: Hàm số nhiều biến số; Chương IV: Cực trị hàm số nhiều biến số và chương cuối cùng trình bày về phép tính tích phân hàm số một biến số.

Giải tích 1

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được và ứng dụng các khái niệm cơ bản về vi phân, tích phân và cực trị hàm số.	2.0	PLO1
CLO2	Giải thích các quy tắc vi phân, tích phân và phương pháp tìm cực trị hàm nhiều biến	2.0	PLO1
CLO3	Áp dụng phép toán vi phân, tích phân và giải bài toán cực trị trong kinh tế. Phát huy tinh thần tự học tự nghiên cứu.	3.0	PLO1 PLO9
CLO4	Phân tích và so sánh các phương pháp tối ưu hóa trong kinh tế bằng công cụ toán học	4.0	PLO1
CLO5	Phân tích hiệu quả các mô hình tối ưu kinh tế dựa trên các phương pháp tính toán đã học.	4.0	PLO1

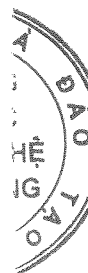
4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG I: HÀM SỐ VÀ GIỚI HẠN	4				10			
	1.1. Các khái niệm cơ bản về hàm số một biến số 1.1.1. Khái niệm hàm số một biến số 1.1.2. Khái niệm hàm ngược 1.1.3. Hàm số sơ cấp 1.1.3. Một số hàm số trong phân tích kinh tế 1.2 Dãy số và giới hạn của dãy số 1.2.1. Dãy số và giới hạn của dãy số 1.2.2. Đại lượng vô cùng bé 1.2.3. Các định lý cơ bản về giới hạn Bài tập						CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3

Giải tích 1

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	CHƯƠNG I: HÀM SỐ VÀ GIỚI HẠN (tt)	4				10	CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	1.3. Giới hạn của hàm số 1.3.1. Khái niệm giới hạn của hàm số 1.3.2. Các định lý cơ bản về giới hạn của hàm số 1.3.3. Các dạng vô định - Hai giới hạn cơ bản 1.3.4. Các đại lượng vô cùng bé và vô cùng lớn 1.4. Hàm số liên tục 1.4.1. Khái niệm hàm số liên tục 1.4.2. Định lý giá trị trung gian Bài tập								
3	CHƯƠNG 2: ĐẠO HÀM VÀ VI PHÂN	4				10	CLO1 CLO2 CLO5		A1 A2 A3
	2.1. Đạo hàm của hàm số 2.1.1. Khái niệm đạo hàm 2.1.2. Đạo hàm của một số hàm sơ cấp 2.1.3. Các quy tắc tính đạo hàm 2.2. Vi phân của hàm số 2.2.1. Khái niệm vi phân và các tính chất 2.2.2. Các quy tắc tính vi phân 2.3. Đạo hàm và vi phân cấp cao - Công thức Taylor 2.3.1. Đạo hàm cấp cao 2.3.2. Vi phân cấp cao. 2.3.3. Công thức khai triển Taylor Bài tập								
4	CHƯƠNG 2: ĐẠO HÀM VÀ	4				10	CLO1	Dạy: GV giảng lý	A1



Giải tích 1

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	VI PHÂN (tt)								
	2.4. Ứng dụng của đạo hàm trong toán học 2.4.1. Tính các giới hạn dạng vô định 2.4.2. Đạo hàm và xu hướng biến thiên của hàm số - Cực trị của hàm số 2.4.3. Đạo hàm cấp 2 và tính lồi lõm của hàm số 2.5. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích kinh tế 2.5.1. Đạo hàm và giá trị cận biên trong kinh tế 2.5.2. Hệ số co dãn 2.5.3. Sự lựa chọn tối ưu trong kinh tế Bài tập						CLO2 CLO5	thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
5	CHƯƠNG 3: HÀM SỐ NHIỀU BIẾN SỐ	4				10			A2
	3.1. Các khái niệm cơ bản về hàm nhiều biến 3.1.1. Khái niệm hàm số n biến số 3.1.2. Phép hợp hàm 3.1.3. Một số hàm số trong phân tích kinh tế 3.2. Giới hạn và tính liên tục của hàm số. 3.2.1. Giới hạn của hàm n biến số. 3.2.2. Hàm số liên tục 3.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần 3.3.1. Đạo hàm riêng - Đạo hàm riêng của hàm hợp 3.3.2. Vi phân toàn phần - Đạo hàm riêng và vi phân cấp cao Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		A3
6	CHƯƠNG 3: HÀM SỐ	4				10	CLO1	Dạy: GV giảng lý	A1

Giải tích 1

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	NHIỀU BIẾN SỐ (tt)								
	3.3. Đạo hàm riêng và vi phân toàn phần 3.3.3. Ứng dụng của đạo hàm riêng trong kinh tế 3.4. Hàm thuần nhất và vấn đề hiệu quả theo quy mô 3.4.1. Khái niệm hàm thuần nhất và công thức Euler 3.4.2. Vấn đề hiệu quả của quy mô 3.5. Hàm ẩn 3.5.1. Khái niệm hàm ẩn - Cách tính đạo hàm hàm ẩn 3.5.2. Phương pháp phân tích tĩnh so sánh trong phân tích KT Bài tập						CLO4 CLO5	thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.	
7	CHƯƠNG 4: CỰC TRỊ CỦA HÀM NHIỀU BIẾN	4				10		Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2
	4.1. Cực trị không có điều kiện ràng buộc 4.1.1. Khái niệm cực trị và điều kiện cần của cực trị 4.1.2. Điều kiện đủ của cực trị 4.2. Cực trị của hàm số n biến số với một phương trình ràng buộc 4.2.1. PP nhân tử Lagrange 4.2.2. Ý nghĩa của nhân tử Lagrange Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		A3
8	CHƯƠNG 4: CỰC TRỊ CỦA HÀM NHIỀU BIẾN (tt)	4				10			
	4.3. Các bài toán về sự lựa chọn của người tiêu dùng 4.3.1. Bài toán tối đa hóa lợi ích 4.3.2. Bài toán tối thiểu hóa chi phí tiêu dùng 4.4. Các bài toán về sự lựa chọn của người sản xuất 4.4.1. Lựa chọn tối ưu mức sử dụng các yếu tố sản xuất 4.4.2. Lựa chọn mức sản lượng tối ưu Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		

Giải tích 1

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
9	CHƯƠNG 5: PHÉP TÍNH TÍCH PHẦN	4				10			
	5.1. Nguyên hàm và tích phân bất định 5.1.1. Nguyên hàm và tích phân bất định 5.1.2. Các phương pháp tính tích phân bất định 5.1.3. Một số dạng tích phân cơ bản 5.2. Tích phân xác định 5.2.1. Khái niệm tích phân xác định 5.2.2. Các phương pháp tính tích phân xác định Bài tập						CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lại tổng hợp lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề.	A1
10	CHƯƠNG 5: PHÉP TÍNH TÍCH PHẦN (tt)	4				10			A2
	5.2. Tích phân xác định 5.2.3. Tích phân suy rộng 5.3. Ứng dụng tích phân trong kinh tế học 5.3.1. Ứng dụng tích phân bất định 5.3.2. Ứng dụng tích phân xác định Bài tập						CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A3
11-12	ÔN TẬP TỔNG HỢP	5				5			
	1. Tổng hợp kiến thức cốt lõi 2. Hướng dẫn giải những bài tập điển hình 3. Vấn đáp và trả lời 4. Thực hành một số bài tập tổng hợp Bài tập						CLO3 CLO4 CLO5		
Tổng		45				105			

Giải tích 1

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu:</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

Giải tích 1

- Tài liệu học tập chính:

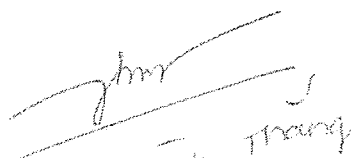
[1]. LÊ ĐÌNH THÚY, NGUYỄN QUỲNH LAN (2012), *Toán cao cấp cho các nhà kinh tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

- Sách tham khảo:

[2]. NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐÌNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2008), *Toán cao cấp*, tập 2, NXB Giáo dục,

[3]. NGUYỄN ĐÌNH TRÍ, TẠ VĂN ĐÌNH, NGUYỄN HỒ QUỲNH (2000), *Bài tập toán cao cấp*, tập 2, NXB Giáo dục.

KHOA CNTT



Minh Đình Trang

GIÁM ĐỐC CTĐT

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN



Phan Trần Uyên Phương

Trang trí cơ bản



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRANG TRÍ CƠ BẢN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Trang trí cơ bản
Tên học phần Tiếng Anh:	Basic Decoration
Mã học phần:	06CQ1129
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	15 tiết
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Trang trí cơ bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản để nhận biết màu sắc, hình khối, tập cách thể hiện những tông màu nóng- lạnh, tập cách sắp xếp bố cục các hình khối có hiệu quả, làm quen với việc biến hình thể thật của sự vật thành ngôn ngữ trang trí, trang trí được những bài tập cơ bản như hình vuông, đường diềm ..., là tiền đề để phát triển ý tưởng thiết kế.

3 CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Trang trí cơ bản

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Xác định và phân biệt các nguyên lý thiết kế đồ họa và nguyên lý màu sắc.	2.0	PLO4
CLO2	Giải thích và áp dụng nguyên lý thiết kế đồ họa vào thiết kế sản phẩm.	2.0	PLO1
CLO3	Phân tích , so sánh các phương án thiết kế phù hợp với từng bối cảnh.	4.0	PLO3
CLO4	Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian.	6.0	PLO4
CLO5	Vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thiết kế in ấn, bao bì, quảng cáo.	3.0	PLO2

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	T L				
1	CHƯƠNG 1: MÀU SẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHA MÀU	4				5	CLO 1 CLO 2 CLO 5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	1.1. Khái niệm màu mỹ thuật 1.2 Các nguyên tắc pha màu Bài tập								A3
2	CHƯƠNG 1: MÀU SẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHA MÀU (TT)			4		10			
	Hướng dẫn BT Vòng thuần sắc Bài tập								
3	CHƯƠNG 1: MÀU SẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP PHA MÀU (TT)			4		5			

Trang trí cơ bản

Tu ần (Bu ổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				T ự họ c	Chuẩ n đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	T L				
	1.3 Hòa sắc nóng 1.4 Hòa sắc lạnh 1.5 Hòa sắc tương phản Bài tập							- Làm bài tập về nhà.	
5	CHƯƠNG 2: CHÉP- ĐƠN GIẢN - CÁCH ĐIỀU HOA LÁ, ĐỘNG VẬT, CÔN TRÙNG	4				10	CLO 1 CLO 3 CLO 5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bài giảng thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	2.1 Khái niệm cách điệu 2.2 Các bước thực hiện một bài cách điệu								A2
6-7	CHƯƠNG 2: CHÉP- ĐƠN GIẢN - CÁCH ĐIỀU HOA LÁ, ĐỘNG VẬT, CÔN TRÙNG			8		10			A3
	2.2 Các bước thực hiện một bài cách điệu Bước 1: Chép và lựa chọn mẫu Bước 2: Đơn giản Bước 3: Cách điệu nét								
8-9	CHƯƠNG 2: CHÉP- ĐƠN GIẢN - CÁCH ĐIỀU HOA LÁ, ĐỘNG VẬT, CÔN TRÙNG (TT)			8		5			
	2.2 Các bước thực hiện một bài cách điệu (tt) Bước 4: Thể hiện trắng đen Bước 5: Vẽ màu và hoàn thiện bài						CLO 5		
10	CHƯƠNG 3: TRANG TRÍ HÌNH CƠ BẢN	4				5			
	3.1 Khái niệm trang trí hình cơ bản								

Trang trí cơ bản

Tu ần (Bu ổi)	Nội dung	Tổ chức giảng day				T ự họ c	Chuẩ n đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	T L				
	3.2 Trang trí hình vuông								
12	CHƯƠNG 3: TRANG TRÍ HÌNH CƠ BẢN (TT)			4		5			
	3.2 Trang trí hình vuông (tt)								
13 - 14	CHƯƠNG 3: TRANG TRÍ HÌNH CƠ BẢN (TT)			8		5	CLO 1 CLO 4 CLO 5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	3.3 Trang trí hình tròn								A2
15 - 16	CHƯƠNG 3: TRANG TRÍ HÌNH CƠ BẢN (TT)			8		5			A3
	3.4 Trang trí đường điềm								
16	CHƯƠNG 3: TRANG TRÍ HÌNH CƠ BẢN (TT)			4		5			
	3.4 Trang trí hình tam giác								
17- 18	CHƯƠNG 4: TRANG TRÍ ỨNG DỤNG	3		1		5			
	4.1 Trang trí ứng dụng 4.2 Vai trò trang trí ứng dụng trong cuộc sống								
19	CHƯƠNG 4: TRANG TRÍ ỨNG DỤNG (TT)			8					
	4.4 Các bước thực hiện trang trí ứng dụng Vật dụng 1								
20	CHƯƠNG 4: TRANG TRÍ ỨNG DỤNG (TT)			8					

Trang trí cơ bản

Tu ần (Bu ổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				T ự họ c	Chuẩ n đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	T L				
	4.3 Các bước thực hiện trang trí ứng dụng (tt) Vật dụng 2								
	Tổng	1 5		6 0		75			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Nội dung					
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0

Trang trí cơ bản

Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Trần Giang, Trung Quốc, 2001, *Nhập môn phương pháp kỹ năng trang trí cách điệu hoa lá, động vật, phong cảnh*, Học viện Mỹ thuật Trung Quốc.

[2]. Lại Tiểu Quân, Lâm Húc, *Thiết kế trang trí hiện đại: Trang trí cách điệu*.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. Trịnh Quân, Lý Hán, 2001, *Chỉ nam mỹ thuật cao cấp trang trí cách điệu người: Hình vẽ, trang trí*, Thượng Hải.

[4]. *Thiết kế trang trí*, 2003 Trung Quốc.

[5]. *Trang trí cách điệu*, 2003, Trung Quốc.

[6]. *Thiết kế trang trí: Design*, 2000, Giang Tây: Mỹ thuật.

[7]. *Trang trí cách điệu người*, 2007, Quảng Tây: Mỹ thuật.

KHOA CNTT

Thị Bình Hằng

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN

Trần Thị Nhã Vi

Nhập môn Thiết kế đồ họa



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NHẬP MÔN THIẾT KẾ ĐỒ HOẠ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Nhập môn thiết kế đồ họa
Tên học phần Tiếng Anh:	Introduction to Graphic Design
Mã học phần:	06CQ1130
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Nhập môn thiết kế đồ họa được thiết kế để giúp sinh viên năm thứ nhất làm quen với môi trường mới và tiến bước thành công trên con đường trở thành Cử nhân Thiết kế đồ họa tại Trường Đại học Công nghệ Miền Đông. Học phần này trang bị cho sinh viên về định hướng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm cũng như nền tảng đạo đức nghề nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Nhập môn Thiết kế đồ họa

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và mỹ thuật.	2.0	PLO2
CLO2	Thảo luận và mở rộng các tri thức để mở rộng hiểu biết trong lĩnh vực thiết kế.	2.0	PLO2
CLO3	Hình thành và phát triển kỹ năng cá nhân, tư duy sáng tạo và thái độ chuyên nghiệp.	2.0	PLO4
CLO4	Giải quyết vấn đề hiệu quả bằng nhiều hình thức và làm việc nhóm trong môi trường đa ngành.	3.0	PLO5
CLO5	Vận dụng tiếng Anh chuyên ngành để tra cứu tài liệu và nâng cao năng lực học tập.	4.0	PLO6

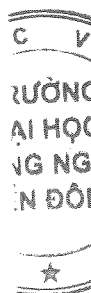
4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Phần 1: Giới thiệu chung Chương 2: Các ngành nghề và kiến thức liên quan	4				10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
	2.1 Khái niệm về Mỹ thuật và Thiết kế đồ họa. 2.2 Người Cử nhân Thiết kế đồ họa sẽ làm gì? Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		
2	Chương 3. Phương pháp học tập hiệu quả tại đại học	4				10			
	3.1 Xác định mục đích và động cơ học tập đúng đắn. 3.2 Giới thiệu các phương pháp học tập hiệu quả. 3.3 Giới thiệu một số kỹ năng hỗ trợ quá trình học tập. Bài tập								
3	Chương 4. Kỹ năng làm việc đồng đội (team work skills)	4				10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép	A1

Nhập môn Thiết kế đồ họa

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	4.1 Định nghĩa nhóm. 4.2 Tầm quan trọng của kỹ năng làm việc nhóm. 4.3 Các nguyên tắc làm việc nhóm. 4.4 Kỹ năng làm việc nhóm 4.5 Thông tin trong nhóm. 4.6 Quá trình làm việc theo nhóm. 4.7 Đào tạo và phát triển nhóm Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A3
4	CHƯƠNG 5: KỸ NĂNG GIAO TIẾP	4				10	CLO1 CLO3 CLO5	- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	5.1 Tổng quan về giao tiếp. 5.2 Kỹ năng giao tiếp bằng lời. 5.3 Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản 5.4 Kỹ năng viết báo cáo khoa học. 5.5 Một số thuộc tính cơ bản. Bài tập							- Làm bài tập về nhà.	A2
5	Chương 6. Đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên ngành thiết kế đồ họa	4				10	CLO1 CLO4 CLO5		A3
	5.1 Tổng quan về đạo đức. 5.2 Tầm quan trọng của việc đảm bảo đạo đức nghề đến hiệu quả học tập và làm việc. 5.3 Đạo đức nghề nghiệp của Cử nhân Thiết kế đồ họa. 5.4 Các tình huống ứng xử Bài tập								
6	Phần 2. Lịch sử thiết kế đồ họa Chương 1. Khái niệm	4				10			
	1.1 Khái niệm thiết kế 1.2 Khái niệm đồ họa 1.3 Thiết kế sản phẩm và thiết						CLO1 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép	A1



Nhập môn Thiết kế đồ họa

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	kế đồ họa 1.4 Tiến trình Design phụ thuộc vào sản phẩm cụ thể 1.5 Các chức năng và tiêu chí của một Designer 1.6 Lịch sử Design Bài tập						CLO5	tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2 A3
7	Chương 2. Những phong cách lớn trong lịch sử design	4				10	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5		
	2.1 Gothic 2.2 Phục Hưng 2.3 Baroque Bài tập								
8	Chương 3. Phong cách trẻ- nghệ thuật mới	4				10	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5		
	3.1 Sự ra đời của phong cách trẻ- Nghệ thuật mới (Art Nouveau) 3.2 Các ảnh hưởng của nghệ thuật Celtic 3.3 Các ảnh hưởng của nghệ thuật Nhật Bản 3.4 Phong cách trẻ Anh 3.5 Phong cách trẻ Đức 3.6 Nghệ thuật mới Pháp 3.7 Nghệ thuật mới Bỉ Bài tập								
9	Chương 4. Nghệ thuật và công nghiệp	4				10	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối	A1
	4.1 Phong cách trẻ giữa nghệ thuật và công nghiệp 4.2 Con đường đi đến hiện đại 4.3 Design theo phong cách hiện đại 4.4 Xu hướng design tại VN Bài tập								
10	Chương 5. Phần tổng hợp	4				10	CLO1 CLO3		
	5.1 Bài tập thiết kế lấy cảm hứng từ một trong những phong								

Nhập môn Thiết kế đồ họa

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	cách lớn trong lịch sử Design						CLO4 CLO5		
11-12	Ôn tập	5				5			
	5.2 Bài tập thiết kế theo phong cách hiện đại 5.3 Nhận xét ngắn về ngành thiết kế đồ họa tại Việt Nam hiện nay (300 chữ). Bài tập Ôn tập kiến thức						CLO3 CLO4 CLO5	cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống	A2 A3
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nhập môn Thiết kế đồ họa

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Sách, giáo trình chính:

- [1]. Tập bài giảng: Tất cả bài giảng, bài tập, và những file liên quan.
- [2]. Sổ tay hướng dẫn sinh viên.
- [3]. Khung chương trình đào tạo Ngành Thiết kế đồ họa MIT.

- Sách (TLTK) tham khảo:

- [4]. Nguyễn Phi Hoanh, 1984, *Lịch sử mỹ thuật Việt Nam*, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.
- [5]. Nguyễn Trân, 1993, *Lịch sử mỹ thuật thế giới*, NXB Trường ĐH Mỹ thuật Hà Nội.
- [6]. Lê Huy Văn, 2000, *Lịch sử Mỹ thuật công nghiệp*, Đại học quốc gia Tp.HCM.

KHOA CNTT

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

gln
Minh Đức Thắng

gln
Minh Đức Thắng



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
Tên học phần Tiếng Anh:	Political Economics of Marxism and Leninism
Mã học phần:	06CQ0002
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	06CQ0001
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Kinh tế chính trị Mác - Lênin là học phần cơ sở bắt buộc trong Chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong học phần Triết học Mác – Lênin. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Giúp sinh viên có những hiểu biết có tính hệ thống về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư và những vấn đề cơ bản về kinh tế thị trường, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế trong giai đoạn hiện nay.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học tư tưởng Kinh tế chính trị Mác - Lênin (khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học)	1.0	PLO1
CLO1	Hiểu rõ được hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	2.0	PLO2
CLO1	Nắm và phân tích được những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin: giá trị thặng dư, bản chất, nguồn gốc của giá trị thặng dư, tích lũy tư bản, các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	3.0	PLO1
CLO1	Trình bày được nguyên nhân hình thành và đặc điểm kinh tế cơ bản của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản. Nhưng biểu hiện mới về kinh tế của độc quyền trong chủ nghĩa tư bản ngày nay.	2.0	PLO2
CLO1	Phân tích được nguyên nhân hình thành và đặc điểm của độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường thị tư bản chủ nghĩa. Vai trò lịch sử và hạn chế phát triển của chủ nghĩa tư bản ngày nay.	3.0	PLO2 PLO9
CLO2	Phân tích, giải thích được tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;	3.0	PLO9
CLO2	Phân tích được nội dung cơ bản, quan điểm giải pháp để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	3.0	PLO9
CLO3	Phân tích được tính tất yếu, những tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển ở Việt Nam.	3.0	PLO9
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	2.0	PLO10
CLO3	Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn các hoạt động kinh tế - xã hội trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.	3.0	PLO10 PLO13
CLO4	Thấy rõ vai trò, trách nhiệm của mình để góp phần hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đóng góp vào sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	3.0	PLO14

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin Bài tập								
Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia Thị trường		4				10			
2	2.1 Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa 2.2 Thị trường và nền kinh tế thị trường 2.3 Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường Bài tập								
Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường		4				10			
3	3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 3.2. Tích lũy tư bản 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4 : Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
4	Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.2. Lý luận của V.I Lênin về các đặc điểm kinh tế độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản. Bài tập								
Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam		7				15			
5+6	5.1 Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN. 5.2 Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam. 5.3 Các quan hệ lợi ích kinh tế ở VN. Bài tập								
Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của VN		7				15			
7+8	6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam Bài tập								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung \ Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỷ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

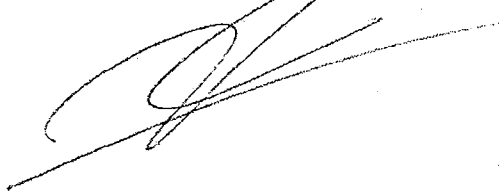
Giáo trình

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

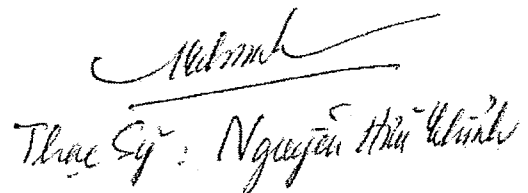
- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc Sĩ: Nguyễn Hữu Chinh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Chủ nghĩa xã hội khoa học
Tên học phần Tiếng Anh:	Scientific Socialism
Mã học phần:	06CQ0003
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0002
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong môn học Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội; những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học (sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu)	1.0	PLO1
CLO1	Những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung, biểu hiện và ý nghĩa của sứ mệnh đó trong bối cảnh hiện nay	2.0	PLO1
CLO1	Kiến thức cơ bản những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào điều kiện cụ thể Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa nói chung và ở Việt Nam nói riêng.	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được những kiến thức nền tảng về cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được quan điểm cơ bản CN Mác – Lênin về vấn đề dân tộc, tôn giáo; mối quan hệ dân tộc – tôn giáo và quan điểm, nội dung, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước VN hiện nay.	2.0	PLO1
CLO1	Nắm được quan điểm cơ bản chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về gia đình, xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay.	3.0	PLO1
CLO2	Phân tích được các điều kiện kinh tế - xã hội và vai trò của C. Mác và Ph.Ăngghen trong việc hình thành CNXHKKH vai trò của Lênin trong vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học; đối tượng nghiên cứu của CNXHKKH; những đóng góp về lý luận chính trị - xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam qua 35 năm đổi mới.	4.0	PLO1
CLO2	Trình bày và phân tích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, nội dung sứ mệnh lịch sử củagiai cấp công nhân; những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay theo quan điểm của ĐCSVN.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được điều kiện ra đời, đặc trưng của CNXH; tính tất yếu, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên CNXH; luận điểm của ĐCSVN về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư TBCN.	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; vị trí, vai trò, nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay.	4.0	PLO1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO2	Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc và giải quyết dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp, tầng lớp cơ bản trong cơ cấu xã hội – giai cấp Việt Nam; nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường khối liên minh giai cấp, tầng lớp ở nước ta hiện nay.	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc và giải quyết dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích, làm rõ được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN; quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; Phân tích được mối quan hệ giữa dân tộc với tôn giáo ở Việt Nam, ảnh hưởng của mối quan hệ đó đến sự ổn định chính trị - xã hội của đất nước, đến độc lập, chủ quyền của Tổ quốc.	4.0	PLO1
CLO2	Trình bày và phân tích được vị trí, chức năng của gia đình, cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; những biến đổi cơ bản của gia đình Việt Nam và phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	4.0	PLO1
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn CNXHKH	2.0	PLO1
CLO3	Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	3.0	PLO1 PLO8
CLO3	Vận dụng những nội dung đã học để phân tích, giải thích những vấn đề trong thực tiễn liên quan một cách khoa học.	4.0	PLO1
CLO4	Có thái độ tích cực đối với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của công cuộc đổi mới do ĐCS khởi xướng và lãnh đạo.	3.0	PLO1 PLO10
CLO4	Củng cố niềm tin khoa học, lập trường giai cấp công nhân đối với sự nghiệp xây dựng CNXH trên thế giới cũng như Việt Nam.	3.0	PLO1 PLO10
CLO4	Có niềm tin vào chế độ XHCN, luôn tin tưởng và ủng hộ đường lối đổi mới theo định hướng CNXH dưới sự lãnh đạo của ĐCSVN	3.0	PLO1 PLO10
CLO4	Củng cố niềm tin vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Có phương pháp tư duy mới trong học tập. Tự mình biết đào sâu lý luận gắn với thực tiễn với tinh thần độc lập, sáng tạo	4.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY – COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa XHKH		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A2 A3
1	Sự ra đời của chủ nghĩa XHKH Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH Bài tập								
Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của G/c công nhân		4				10			
2	1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân VN Bài tập								
Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		5				10			
3	1. Chủ nghĩa xã hội 2. Thời kỳ quá độ lên CNXH 3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam Bài tập								
Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa		5				10			
4	1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam Bài tập								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Chương 5: Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH	4				10			
5	Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu ND bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4				10			A2
6	Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam Bài tập								A3
	Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4				10			
7	Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội . Xây dựng gia đình việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bài tập								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống		30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 7 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 6</i> <i>Tỉ lệ 60%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Tài liệu/giáo trình chính

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc Sĩ Nguyễn Hữu Vĩnh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH 1

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

- Tên học phần: Tiếng Anh 1
- Mã học phần: 06CQ1099
- Số tín chỉ: 04
- Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ nhất
- Môn học tiên quyết: Không
- Môn học song hành: Không
- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: (không)
- Môn học thuộc khối kiến thức:

☐ Đại cương ☐

☒ Chuyên nghiệp ☐

☒ Cơ sở ngành ☐

☐ Chuyên ngành ☐

☐ Bổ trợ ☐

☐ Bắt buộc ☐

☐ Tự chọn ☐

☒ Bắt buộc ☐

☐ Tự chọn ☐

☐ Bắt buộc ☐

☐ Tự chọn ☐

☐ Tự chọn ☐

- Phân tích thời lượng làm việc của GV và SV:

TỔNG SỐ TIẾT LÊN LỚP	60	tiết	TỔNG SỐ TIẾT TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN	140	tiết
Lý thuyết:	60	tiết	Đọc tài liệu ở nhà:		tiết
Thực hành:	0	tiết	Làm bài tập ở nhà:		tiết
Thảo luận / Thuyết trình:	0	tiết	Làm việc nhóm:		tiết
Hoạt động khác:	0	tiết			

1.

2. MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

- Học phần Tiếng anh tổng quát sử dụng giáo trình cấp độ sơ cấp và tiền trung cấp (level A2) theo khung CEFR (Common European Framework of Reference for Languages). Giáo trình này gồm 14 bài, mỗi đơn vị bài học bao quát 5 nội dung chính bao gồm: (A) Kỹ năng nghe, (B) Kỹ năng ngữ pháp, (C) Cung cố vốn từ vựng, (D) Kỹ năng nói, (E) Kỹ năng viết.

- Học phần Tiếng Anh 1, người học tập trung 14 nội dung chính từ bài 1 đến bài 14, bao gồm các chủ đề sau:

- | | |
|-------------------------|----------------------------------|
| 1. Daily life | 8. Technology |
| 2. House and home | 9. Entertainment and Media |
| 3. Food and drinks | 10. The natural world |
| 4. Clothes | 11. Health and Fitness |
| 5. Sports | 12. Travel and Holidays |
| 6. School and study | 13. She might be a vet |
| 7. Places and Buildings | 14. Can you repeat that, please? |

Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ chức năng dùng trong một cuộc hội thoại như hỏi lặp lại, trao đổi các thông tin về sở thích, việc học tập, thể thao, miêu tả hình dáng, tính cách, hỏi đáp và đưa ra ý kiến, nói về hoạt động và nơi tham quan ưa thích.

- Học phần này cung cấp những kiến thức bắt buộc phải nắm được và vận dụng kiến thức trong giao tiếp và hành văn. Môn học trang bị kỹ năng và thói quen để sinh viên chủ động tự đọc thêm tài liệu, tập trung vào kỹ năng giao tiếp và nguồn tài liệu tham khảo để nâng cao hiểu biết tiếng Anh.
- Học phần có chuẩn đầu ra tương đương trình độ tiên trung cấp cấp độ A2 (Bậc 2 – Khung NLNN 6 bậc của BGDĐT).

3. NGUỒN HỌC LIỆU

- Tài liệu/giáo trình chính:

[1] David Mc Keegan (2017), *Complete Key for School*, Cambridge University Press.

- Tài liệu tham khảo/bổ sung:

[2] Jack C. Richards, David Bohlke (2012), *Four Corners 2B*, Cambridge University Press.

[3] Azar, B.S (2005), *Basic English Grammar*, NXB Thành Phố Hồ Chí Minh.

[4] Jim Lee, Sandy Cho (2010), *TOEIC Academy*, NXB Tổng hợp TP. HCM.

- Trang Web/CDs tham khảo:

<https://www.cambridgeenglish.org/learning-english/>

<https://www.cambridge.org/us/>

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

MT	Mô tả	CDR của CTĐT	TĐNL
G ₁	Kiến thức về từ vựng, văn phạm, và cấu trúc ở mức độ sơ cấp cơ bản về một số chủ đề liên quan đến bản thân, gia đình, con người, nơi chốn, và hoạt động thường ngày thông dụng. Kiến thức về các ngôn ngữ chức năng để đạt mục đích giao tiếp chào hỏi; hỏi thông tin cá nhân, thời gian, ngoại hình, quần áo thông tin về bạn bè, đồ vật yêu thích, và các khả năng, sở thích của bản thân. Kiến thức về các yếu tố của phát âm liên quan âm nhấn, các đuôi số nhiều, các âm yếu, cụm từ giao tiếp thường ngày, các chủ đề hội thoại quen thuộc về sở thích, thông tin cá nhân, thời tiết và địa điểm du lịch. Kiến thức về thi hiện tại đơn; hiện tại tiếp diễn, các cấu trúc ngữ pháp <i>too</i>, <i>enough</i>, <i>have to</i>, danh từ đếm được và không đếm được cách đặt câu hỏi về tính cách, hình dáng; hỏi ý kiến, hỏi số lượng để miêu tả; trình bày và thảo luận, đặt câu hỏi và trả lời.	PLO 1 PLO 2	3.0
G ₂	Khả năng sử dụng từ vựng thuộc chủ đề cá nhân và sở thích; sử dụng văn phạm theo đúng cấu trúc cụ thể để thực hiện việc giao tiếp ở mức độ cơ bản với các chủ đề quen thuộc. Khả năng đọc và nghe: lấy ý chính, thông tin cụ thể, thông tin chi tiết trong các chủ đề về sở thích, thông tin cá nhân, thời tiết và địa điểm du lịch. Khả năng trả lời phỏng vấn giới thiệu bản thân, sở thích, miêu tả tính cách các thành viên gia đình, các hoạt động thường ngày và hoạt động giải trí, tham gia đóng vai trong giao tiếp. Khả năng phát âm với nguyên âm và phụ âm phù hợp, dùng dấu nhấn trong từ và câu một cách phù hợp. Khả năng viết miêu tả sở thích, bản thân, viết email cho người bạn, và miêu tả ngôi nhà.	PLO 4 PLO 5 PLO 6	2.0
G ₃	Kỹ năng hoàn thành việc nối từ vựng với hình ảnh, điền từ vào đoạn văn theo đúng văn cảnh; Kỹ năng nhận diện chủ điểm văn phạm từ một đoạn văn hoặc đoạn hội thoại, hoàn thành các câu với chủ điểm văn phạm phù hợp, đặt câu. Sinh viên giao tiếp tốt với chủ đề đơn giản hằng ngày, mặc dù chưa thể nói dài hơn qua việc sử dụng những mẫu câu được giới thiệu trong từng chủ đề. Kỹ năng tìm kiếm, phân tích văn bản bài đọc để hoàn thành các bài tập chọn tiêu đề, chọn thông tin chi tiết, chọn hình ảnh phù hợp. Kỹ năng nghe chọn hình ảnh được đề cập, chọn đáp án true/ false, chọn câu hỏi trắc nghiệm nhiều đáp án, điền từ còn thiếu. Kỹ năng phân tích lên ý tưởng, lập danh sách câu hỏi; viết câu, đoạn văn ngắn; kiểm tra lại bài viết theo cặp. Kỹ năng thảo luận, trình bày ý tưởng, đưa ra nhận xét theo cặp và nhóm.	PLO7 PLO8	2.0
G ₄	Thái độ tự tin, có tinh thần vận dụng các kiến thức đã học trong giao tiếp khi sử dụng tiếng Anh	PLO9	2.0



5. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC

5.1. Yêu cầu đối với người dạy

Nội dung, lịch trình giảng dạy, và các quy định của học phần và của giảng viên phải được công khai cho sinh viên vào buổi học đầu tiên. Mọi thắc mắc hay đề xuất của sinh viên về quy định của học phần phải được giải đáp thỏa đáng. Sau khi đã công bố nội dung và thống nhất các quy định của học phần, giảng viên phải áp dụng nhất quán, không được thay đổi trong suốt quá trình giảng dạy học phần.

Trong trường hợp bất khả kháng phải thay đổi lịch trình giảng dạy, giảng viên phải thông báo trước cho sinh viên một khoảng thời gian hợp lý và sắp xếp lịch dạy bù đầy đủ. Các thay đổi về học vụ, nội dung, các yêu cầu của học phần (đặc biệt là các nội dung có liên quan đến quyền lợi của sinh viên) đều phải báo cáo và được ban chủ nhiệm Khoa thông qua trước khi bắt đầu giảng dạy.

Phương pháp giảng dạy : Triển khai phương pháp lấy người học làm trung tâm, tổ chức nhiều hoạt động đa dạng, phát huy tối đa sự sáng tạo chủ động và khả năng tư duy của người học. Phối kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy hiện đại, với kiến thức cập nhật thú vị để thu hút và tạo động lực cho người học. Sử dụng các phương pháp hoạt động nhóm, đôi, hoán đổi vai trò nhằm giảm thiểu hạn chế của lớp lớn, mà vẫn mang lại hiệu quả cho người học

5.2. Yêu cầu đối với người học

Tham gia tích cực, nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động trên lớp cũng như các bài tập trước và sau giờ lên lớp. Tăng cường khả năng sử dụng các phương tiện học tập hiện đại như internet, truyền hình kỹ thuật số, báo, đài để tiếp thu nguồn kiến thức đa dạng, nhiều chiều, tạo tính chủ động và tư duy rõ ràng. Phát triển năng lực làm việc đôi, làm việc nhóm, tư vấn chuyên gia, giáo viên và bạn bè.

Các thắc mắc và đề xuất của sinh viên về các yêu cầu của môn học phải được đưa ra vào buổi học đầu tiên. Sau khi các yêu cầu của môn học và của giảng viên đã được công khai và đã được thống nhất, sinh viên phải tuyệt đối tuân thủ các quy định của môn học và của giảng viên đề ra trong suốt quá trình học tập.

Nếu sinh viên nào vì lý do bất khả kháng hoặc hoàn cảnh đặc biệt (ví dụ bị bệnh) mà không thể tuân thủ các yêu cầu của môn học và của giảng viên đề ra thì phải có đơn xin phép và minh chứng để giảng viên xem xét các hình thức hỗ trợ.

Sinh viên phải chuẩn bị kỹ bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên.

Sinh viên phải đi học đúng giờ. Sinh viên đi trễ 30 phút sau khi bài giảng đã bắt đầu sẽ không được vào lớp.

Sinh viên vắng học không có lý do từ 80% trở lên đều bị coi như không hoàn thành khóa học và phải đăng ký học lại vào học kỳ sau.

6. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa CĐR học phần Tiếng Anh 1 với CĐR Chương trình đào tạo.

Bảng 1: Mô tả phân nhiệm chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo các ngành ngoài Ngôn Ngữ Anh cho học phần Tiếng Anh 1 .

Học phần Tiếng Anh 1	Các chuẩn đầu ra cấp độ ITU của Chương trình đào tạo ngành phân nhiệm cho học phần Tiếng Anh 1								
	PLO1	PLO 2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Trình độ năng lực	3.0	3.0	3.0	3.0	3.0	2.0	2.0	2.0	2.0
Mức độ giảng dạy ITU	TU3	TU3	TU3	TU3	TU3	TU2	TU2	TU2	TU2

Chuẩn đầu ra chi tiết của học phần Tiếng Anh 1 được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Mô tả danh mục chuẩn đầu ra học phần Tiếng Anh 1 đáp ứng chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo

Kí hiệu CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	TĐNL	CĐR CTĐT tương ứng
G1.1	Hiểu từ vựng ở các chủ đề giao tiếp cơ bản về số đếm, thời gian, giá cả, con người, nơi chốn, đồ vật, sinh hoạt hằng ngày, sở thích, ở trình độ sơ cấp cơ bản; hiểu các chủ điểm văn phạm bao gồm thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, các cấu trúc so sánh bằng, kém hơn, so sánh hơn, cấu trúc <i>too, enough</i> ...	3.0	PLO 1 PLO 2
G1.2	Phân biệt các thể loại nội dung bài đọc khác nhau gồm khảo sát, trang blog, trang web, brochure, bài báo.	3.0	PLO 4
G1.3	Phân biệt các thể loại bài nghe khác nhau như hỏi thông tin cá nhân, điền mẫu đơn, bài hội thoại, bài độc thoại, cuộc gọi điện thoại.	3.0	PLO 5
G1.4	Phân biệt được bài viết miêu tả sở thích, miêu tả bản thân, email, miêu tả về ngôi nhà mơ ước; phân biệt được các giai đoạn gồm lên ý tưởng, khảo sát, lấy ý tưởng, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, viết bài, thảo luận về bài viết với người cùng học, chỉnh sửa	2.0	PLO 6

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	TĐNL	CDR CTĐT tương ứng
	Bài viết.		
G1.5	Nhận diện các loại câu hỏi, thì sử dụng trong giao tiếp như cách đặt câu hỏi với yes/ no questions, wh-questions để hỏi về tên, tuổi, thông tin cá nhân và cách trả lời; các câu hỏi về đồ vật, sở hữu và cách trả lời; các câu hỏi về phương tiện đi lại, thời gian, hoạt động thường ngày, giá cả, trang web, công việc, kỹ năng của bản thân và cách trả lời; cách phát âm rút gọn của động từ to be và can't, dấu nhấn, và hình thức số nhiều.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7
G2.1	Vận dụng từ vựng thuộc các chủ đề thường ngày để đọc hiểu các bài đọc ngắn, nghe hiểu các đoạn hội thoại ngắn trong văn cảnh thường nhật, viết các câu và đoạn văn ngắn. Vận dụng cấu trúc văn phạm phù hợp để viết câu, đoạn văn ngắn và giao tiếp cơ bản.	3.0	PLO 1 PLO 2
G2.2	Phát triển các kỹ năng dự đoán nội dung bài đọc, đọc lấy ý chính, thông tin chi tiết, thông tin cụ thể.	3.0	PLO 4
G2.3	Phát triển kỹ năng dự đoán thông tin bài nghe, nghe lấy ý chính và thông tin chi tiết.	3.0	PLO 5
G2.4	Vận dụng viết câu hoặc đoạn văn ngắn, phân tích, tổng hợp, lên ý tưởng, bố cục để lấy ý kiến cho bài viết; viết và sửa lỗi với bạn học theo cặp, nhóm.	3.0 2.0	PLO 4 PLO 6
G2.5	Vận dụng kỹ năng nói để giới thiệu bản thân và một ai đó, đề cập đến số, giá cả, thời gian; lên ý tưởng, chuẩn bị đặt câu hỏi và trả lời với cấu trúc hiện tại đơn; tự mở đầu hoặc đối đáp với những câu khẳng định hiện tại đơn về chủ đề bạn bè, nơi chốn, đồ vật, hoạt động thường ngày, công việc và kỹ năng cá nhân. Vận dụng phát âm với nguyên âm và phụ âm phù hợp, sử dụng dấu nhấn trong từ và câu phù hợp.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7
G3.1	Vận dụng từ vựng, cụm từ để nói nghĩa, diễn từ; trả lời câu hỏi trắc nghiệm, diễn từ. Vận dụng cấu trúc văn phạm thì hiện tại đơn, sở hữu, đặt câu hỏi, câu đơn, và câu ghép để hoàn thành các bài tập hoàn thành các bài trắc nghiệm, đúng sai, hỏi đáp, lựa chọn nhiều đáp án...	3.0 2.0	PLO 1 PLO 2 PLO 8
G3.2	Vận dụng kỹ năng đọc để hoàn thành dạng bài chọn tiêu đề phù hợp, chọn hình ảnh hoặc thông tin liên hệ được đề cập trong bài, diễn từ trong bài đọc, trả lời câu hỏi.	3.0 2.0	PLO 4 PLO 8

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	TĐNL	CDR CTĐT tương ứng
G3.3	Vận dụng kỹ năng nghe để hiểu nội dung và trả lời các loại câu hỏi các bài luyện tập nghe điền từ, tô tròn, chọn hình ảnh, chọn nhiều đáp án, tìm từ sai.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 5 PLO 8
G3.4	Phát triển kỹ năng viết các câu ngắn, đoạn văn ngắn được thực hiện qua các bước gồm việc thu thập thông tin, khảo sát, viết bài, tự đánh giá, kiểm tra lại bài theo cặp và nhóm với các chủ đề về sở thích cá nhân, miêu tả bản thân, người thân trong gia đình, bạn bè, một ngôi nhà mơ ước.	2.0	PLO 6 PLO 8
G3.5	Phát triển kỹ năng giao tiếp qua việc đóng vai, tương tác bằng tiếng Anh theo cặp và theo nhóm, trình bày trước tập thể. Sử dụng các kỹ thuật phát âm để phát âm nguyên âm, phụ âm và các dấu nhấn phù hợp.	3.0 2.0	PLO 3 PLO 7 PLO 8
G4.1	Có thái độ khách quan, trung thực, tình thân hợp tác. Có ý thức chủ động tìm kiếm thông tin, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.	2.0	PLO 9

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHI TIẾT

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Unit 1: What's your name? Listening: numbers Grammar: present simple – things always true or happen regularly Vocabulary: family tree Speaking: personal information/ daily life/people Writing: an email (35 words) about yourself	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm	
2	Unit 2: Are you coming to the party? Listening: identify numbers, words or time Grammar: present continuous – things happening now – have got Vocabulary: parts of a house, furniture Reading: main ideas Speaking: A house party Writing: Describe your house/ favorite room (2 minutes or 100 words)	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
3	Unit 3: I'm hungry. Reading: multiple-choice questions	4	0	0	0	8	G 1 G2	GV trình bày lý thuyết, phân tích,	

Tuần	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự	Chuẩn	Hoạt động	Đánh
	Vocabulary: food, food phrases Grammar: countable & uncountable How much/many; a few, a little, a lot Listening: fill missing words, numbers, dates, times, names or prices Writing: a letter or email to invite your friends to have dinner at your home Speaking: make a conversation with a partner like an interview to get information about something						G3	đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà SV nghe và trả lời câu hỏi SV làm bài tập theo nhóm	
4	Unit 4: You look great! Listening: hear a conversation then matching Grammar: present continuous & present simple Vocabulary: Adjectives, shops Grammar: too and enough Reading: multiplied choices Speaking: Clothes and Fashion Writing: a message about a shopping trip	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1 G1 G2 G3 G4	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
5	Unit 5: She's the winner. Reading: for details Grammar: comparatives & superlatives, prepositions of time Vocabulary: do/play/go – Nationalities Listening: for prices, time Speaking: talk about hobbies Writing: a note of notice	4	0	0	0	8	G1 G2 G3	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
6	Unit 6: I have to do my homework Grammar: have to, object pronouns Vocabulary: school subjects Reading: Multiple choice Writing: make a poster of a event Speaking: Talk about your trip	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
7	Unit 7: Let's go to the mountain. Reading Grammar: Simple past, imperative Vocabulary: buildings, directions Listening: words, number Speaking: holidays Writing: a message about a holiday Mini test 1	4	0	0	0	8	G1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập theo nhóm. SV làm bài kiểm tra kỹ năng văn phạm, từ vựng, nghe, đọc trong th.gian 45 phút.	
8	Unit 8: You have one new message. Listening: Listen to detail Vocabulary: technology verbs Grammar: Past continuous, can/can't, could, couldn't. Reading: Writing: a email about your last trip Speaking: talk about a popular place	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	

Tuần	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự	Chuẩn	Hoạt động	Đánh
9	Unit 9: Let's have some fun. Reading: Film fan Grammar: verbs with -ing or to infinitive Vocabulary: suggesing, accepting, refusing Listening: Great prizes Grammar: Will Writing: an advertisement about entertainment/ media Speaking: converstion about hanging out.	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm	
10	Unit 10: What a sunny day! Listening: words, numbers Vocabulary: weather Grammar: Going to Reading: Vocabulary: places Writing: an email about your terrible trip Speaking: talk about your future plans	4	0	0	0	8	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm.	
11	Unit 11: I've got a cold Reading: a new timetable at school Grammar: First conditional Vocabulary: parts of body Listening: short conversations Grammar: something, anything, nothing, ect.	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
12	Unit 12: Has he been on holiday. Reading: a conversation about a holiday in Greece Grammar: the present perfect; should/ shouldn't Vocabulary: travel, holidays	4	0	0	0	8	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
13	Unit 12: Has he been on holiday. Listening: a conversation about a Speaking: Means of transport Writing: a short description about your favorite trip Mini test 2	4	0	0	0	12	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV nhận xét và phản hồi về kết quả bài của các nhóm. Write an email and a short paragraph about a topic (30 minutes)	

Tuần	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự	Chuẩn	Hoạt động	Đánh
14	Unit 13: You might be a vet Reading: notices about clubs, exhibitions and courses Grammar: present perfect tense; may/might Vocabulary: hobbies/jobs Listening: conversations about learning to sail Speaking: parkour Writing: notes	4	0	0	0	12	G 1 G2 G3 G1.4 G2.4 G3.5 G4.1	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm.	
15	Unit 14: Can you repeat that, please? Reading: a conversation about a language course Grammar: passive voice in present perfect Vocabulary: communication verbs Listening: a conversation about people at a party Speaking: personal details Writing: an email REVISION FOR THE FINAL TEST <i>Introduce yourself (2-3 minutes)</i> DESCRIBE PICTURES SPEAKING TOPICS ✓ Your favorite trip ✓ A popular place/site ✓ Hanging out ✓ Your good and bad habits ✓ Your future plans ✓ How to keep body fit and healthy ✓ A current entertainment event ✓ The weather in your place/ your country	4	0	0	0	20	G1.4 G2.4 G3.5 G4.1 G 1 G2 G3	GV trình bày lý thuyết, phân tích, đưa ra ví dụ SV chuẩn bị bài ở nhà. SV nghe và trả lời câu hỏi. SV làm bài tập thực hành theo nhóm GV hướng dẫn SV chuẩn bị thuyết trình theo nhóm và trình bày bài viết theo nhóm. GV GV hướng dẫn SV chuẩn bị nội dung ôn thi các chủ đề. GV giải đáp các thắc mắc và các câu hỏi của SV về nội dung ôn tập. SV thi thử demo. GV nhận xét và phản hồi về kết quả, nhắc nhở các lỗi SV hay mắc phải trong quá trình thi demo.	
	Tổng	60	0	0	0	140			

8. MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA BẬC 2 (A2)

8.1 Mô tả tổng quát

Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản. Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc hàng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

8.2 Mô tả các kỹ năng

Đặc tả kỹ năng nghe	
Đặc tả tổng quát kỹ năng nghe	- Có thể hiểu những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày (về gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập và làm việc...) khi được diễn đạt chậm và rõ ràng. - Có thể hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.
Nghe hội thoại	- Có thể xác định được chủ đề của các hội thoại diễn ra tương đối và rõ ràng.
Nghe thông báo, hướng dẫn chỉ dẫn	- Có thể hiểu được ý chính trong các thông báo hay tin nhắn thoại ngắn. - Có thể hiểu những hướng dẫn chỉ đường, sử dụng phương tiện giao thông công cộng.
Đặc tả kỹ năng nói	
Nói độc thoại	- Có thể giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan đến công việc và thời gian rảnh rỗi. - Có thể truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao ngắn và tương đối dài.
Mô tả kinh nghiệm	- Có thể mô tả về gia đình, điều kiện sống, trình độ học vấn, công việc hiện tại và công việc gần nhất trước đó. - Có thể mô tả những những hoạt động trong cuộc sống thường ngày như tả người, địa điểm, công việc và kinh nghiệm học tập. - Có thể mô tả các kế hoạch, thói quen hằng ngày, các hoạt động trong quá khứ và kinh nghiệm cá nhân. - Có thể diễn đạt đơn giản về điều mình thích hay không thích.
Trình bày trước người nghe	- Có thể trình bày ngắn gọn thông tin đã được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc thường ngày, trình bày được lý do và lý giải một cách ngắn gọn cho những quan điểm, kế hoạch và hành động. - Có thể trả lời những câu hỏi trực tiếp với điều kiện có thể được hỏi lại và người nghe hỗ trợ giúp diễn đạt cách trả lời.
Nói tương tác	- Có thể giao tiếp về những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề quen thuộc liên quan tới công việc và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thể duy trì hội thoại theo cách riêng của mình. - Có thể giao tiếp một cách dễ dàng bằng những hội thoại ngắn trong những tình huống giao tiếp xác định mà không cần nỗ lực quá mức.
Nói tương tác hội thoại	- Có thể xử lý các giao tiếp xã hội ngắn nhưng chưa duy trì được hội thoại theo cách riêng của mình. - Có thể sử dụng cách chào hỏi lịch sự, đơn giản thường ngày. - Có thể mời, đề nghị, xin lỗi, cảm ơn và trả lời lời mời, đề nghị và xin lỗi. - Có thể nói điều mình thích và không thích. - Có thể tham gia những hội thoại ngắn trong những ngữ cảnh quen thuộc và về những chủ đề quan tâm.

Giao dịch hàng hóa và dịch vụ	- Có thể yêu cầu và cung cấp hàng hóa và dịch vụ hằng ngày như gọi món ăn trong nhà hàng. - Có thể lấy những thông tin cơ bản về hàng hóa và dịch vụ tại các cửa hàng, bưu điện hoặc ngân hàng. - Có thể cung cấp và hiểu các thông tin liên quan tới số lượng, con số, giá cả cho các hàng hóa, dịch vụ.
Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn	- Có thể trả lời và khẳng định quan điểm của mình bằng diễn ngôn tương đối khi trả lời phỏng vấn. - Có thể làm cho người phỏng vấn hiểu được và trao đổi ý kiến, thông tin về những chủ đề quen thuộc, đôi khi vẫn cần nhắc lại câu hỏi hoặc tìm cách diễn đạt dễ hiểu hơn.
Phát âm và độ lưu loát	- Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu ngắn tuy người đối thoại đôi khi vẫn phải yêu cầu nhắc lại. - Có thể làm người đối thoại hiểu ý mình bằng cách bổ sung các chi tiết nhỏ, mặc dù còn ngập ngừng, cắt ngắn ý và khó khăn tìm cách diễn đạt lại.
Độ chuẩn xác và phù hợp về mặt ngôn ngữ xã hội	- Có thể sử dụng một số cách diễn đạt phù hợp liên quan đến các chủ đề hằng ngày. - Có thể giao tiếp phù hợp với vai và hoàn cảnh giao tiếp trong gia đình, lớp học, công việc thông thường.
Mức độ hoàn thành nhiệm vụ bài thi	- Có thể hoàn thành phần của nhiệm vụ bài thi (trả lời các gợi ý từ mức độ đơn giản đến phức tạp) ở mức tương đối; phần lớn các câu trả lời cần phù hợp, có thể suy đoán ý của người nói hoặc văn bản ở mức tương đối.
Đặc tả kỹ năng đọc	
Đặc tả tổng quát kỹ năng đọc	- Có thể hiểu các đoạn văn bản ngắn về các vấn đề quen thuộc và cụ thể, có thể sử dụng những từ thường gặp trong công việc hoặc đời sống hằng ngày.
Đọc lấy thông tin và lập luận	- Có thể xác định được thông tin cụ thể trong các văn bản đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.
Đọc tìm thông tin	- Có thể tìm được các thông tin cụ thể, có thể suy đoán ở mức không quá phức tạp trong các văn bản thường gặp hằng ngày như quảng cáo, thực đơn, danh mục tham khảo và thời gian biểu. - Có thể định vị thông tin cụ thể trong các danh sách và tìm được thông tin mong muốn (ví dụ: sử dụng danh bạ điện thoại để tìm ra số điện thoại một loại hình dịch vụ nào đó).
Đọc văn bản giao dịch	- Có thể hiểu các loại thư từ và văn bản điện tử cơ bản (thư hỏi đáp, đơn đặt hàng, thư xác nhận, v.v...) về các chủ đề quen thuộc. - Có thể hiểu các loại thư từ cá nhân ngắn gọn, đơn giản. - Có thể hiểu các quy định, ví dụ quy định về an toàn, khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản. - Có thể hiểu các hướng dẫn sử dụng đơn giản cho các thiết bị trong đời sống hằng ngày như điện thoại công cộng.
Đọc xử lý văn bản	- Có thể nhận ra và tái hiện các từ và cụm từ hoặc các câu ngắn hoặc dài tương đối từ một văn bản. - Có thể sao chép các văn bản có độ dài tương đối được trình bày dạng in hoặc viết tay.

Đặc tả kỹ năng viết	
Đặc tả tổng quát kỹ năng viết sản sinh	- Có thể viết các mệnh đề, câu đơn giản hoặc câu phức nối với nhau bằng các liên từ như: và, nhưng, vì.
Viết sáng tạo	- Có thể viết những cụm từ hay những câu đơn giản về gia đình, điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại. - Có thể viết tiểu sử giả tưởng một cách ngắn gọn.
Đặc tả tổng quát kỹ năng viết tương tác	- Có thể viết những ghi chú ngắn, sử dụng biểu mẫu về những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.
Thư từ giao dịch	- Có thể viết thư cá nhân mô tả chi tiết kinh nghiệm, cảm xúc, sự kiện. - Có thể viết thư từ giao dịch nhằm cung cấp thông tin cá nhân, trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan đến công việc, học tập và các chủ đề về văn hóa, âm nhạc, phim ảnh.
Ghi chép, tin nhắn, điền biểu mẫu	- Có thể hiểu được những tin nhắn ngắn. - Có thể viết các tin nhắn ngắn liên quan tới những vấn đề thuộc lĩnh vực quan tâm.
Xử lý văn bản	- Có thể lựa chọn và tái tạo những từ, cụm từ quan trọng, hay những câu ngắn từ một đoạn văn ngắn trong khả năng và kinh nghiệm giới hạn của bản thân. Có thể chép lại những đoạn văn bản ngắn.
Tiêu chí ngôn ngữ chung	- Có vốn ngôn ngữ cơ bản để xử lý các tình huống hằng ngày với nội dung có thể đoán trước, mặc dù người viết vẫn phải điều chỉnh nội dung thông điệp và tìm từ. Có thể diễn đạt ngắn gọn những nhu cầu đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày cụ thể như thông tin cá nhân, thói quen hằng ngày, mong muốn, nhu cầu, hỏi thông tin. Có thể sử dụng những kiểu câu đơn giản, những đoạn ngữ, cụm từ ngắn được ghi nhớ, những mô thức giao tiếp để diễn đạt về bản thân, về người khác, công việc, địa danh, vật sở hữu v.v... Có vốn từ hạn chế gồm những cụm từ ngắn được ghi nhớ về những tình huống cấp thiết có thể đoán trước; trong những tình huống không quen thuộc, vẫn thường xảy ra những hiểu nhầm và gián đoạn giao tiếp.
Phạm vi từ vựng	- Có đủ vốn từ để thực hiện các giao dịch thường nhật liên quan đến các tình huống và chủ đề quen thuộc. Có đủ vốn từ để diễn đạt những nhu cầu giao tiếp cơ bản và để xử lý những nhu cầu tối giản.
Kiểm soát từ vựng	- Có khả năng kiểm soát được vốn từ hẹp thuộc các nhu cầu cụ thể hằng ngày.
Độ chính xác về ngữ pháp	- Sử dụng chính xác một số cấu trúc đơn giản nhưng vẫn mắc các lỗi cơ bản một cách hệ thống như có thiên hướng nhầm lẫn giữa các thì, không sử dụng dạng thích hợp của động từ với chủ ngữ. Tuy nhiên, người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt.
Độ chính xác về chính tả	- Có thể chép các câu ngắn về các chủ đề hằng ngày, ví dụ các câu chỉ đường. Có thể viết chính xác âm tiết của các từ ngắn (không nhất thiết chuẩn mực tuyệt đối) sẵn có trong vốn từ khẩu ngữ của người học.

9. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Theo quy chế đào tạo 103/ĐHCNMB

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	CDR môn học	Tiêu chí đánh giá	Chuẩn đánh giá	Tỷ lệ
A1. Đánh giá chuyên cần	A1. Đánh giá chuyên cần	G3 G4	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. Thời gian tham dự buổi học từ 80% trở lên. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm.	Tham dự đúng, đủ giờ học. Tích cực tham gia thảo luận, đóng góp xây dựng bài	10%
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1. Tham gia hoạt động của lớp	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G4.1	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề thuyết trình nhóm <u>Kỹ năng</u> : nói và phát âm rõ, trôi chảy <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài (ý tưởng) Sử dụng ngữ pháp chuẩn, hạn chế tối đa các lỗi. Phát âm và sử dụng các đặc điểm của phát âm đúng chuẩn. Sử dụng ngữ điệu. Thông tin trình bày rõ ràng, tự tin.	10%
	A2.2. Bài kiểm tra tích hợp các kỹ năng dạng trắc nghiệm & tự luận (văn phạm, từ vựng, nghe + đọc + viết)		<u>Kiến thức</u> : từ vựng, văn phạm, ngữ âm, âm nhấn và nội dung các bài 1-3 <u>Kỹ năng</u> : từ vựng, ngữ pháp, đọc, nghe, viết <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, trung thực, cẩn thận	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài Trung thực, cẩn thận, hạn chế các lỗi.	30 %
A3. Đánh giá kết thúc	A3.1. Thi kết thúc học phần (vấn đáp)	G1 G2 G3 G4	<u>Kiến thức</u> : các chủ đề bám theo các đơn vị bài học và nội dung ôn tập <u>Kỹ năng</u> : nói và phát âm rõ, trôi chảy, nối từ, câu, sử dụng những đặc điểm trong phát âm tiếng Anh <u>Thái độ</u> : tự tin, độc lập, có sự chuẩn bị	Giải quyết đúng yêu cầu đề bài (ý tưởng) Đảm bảo cách sử dụng vốn từ linh hoạt, tránh lặp từ quá nhiều. Sử dụng ngữ pháp chuẩn, hạn chế tối đa các lỗi. Phát âm và sử dụng các đặc điểm của phát âm đúng chuẩn. Sử dụng ngữ điệu. Thông tin trình bày rõ ràng. Lời nói trôi chảy.	50%

10. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Mục đánh giá A2.

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Phần thi Văn phạm, Từ vựng (Trắc nghiệm)					
Từ vựng	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR
<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Văn phạm	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR
<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 10 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 6</i> <i>Tỉ lệ: 60%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>
Phần thi Đọc					
Phần 1 Trắc nghiệm. Đọc hiểu và trả lời câu hỏi.	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
<i>Số câu: 15</i> <i>Tỉ lệ: 75 %</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 5</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 2</i>
Phần 2 Cloze test	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
<i>Số câu: 5</i> <i>Tỉ lệ: 25 %</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng số câu: 20 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 7</i> <i>Tỉ lệ: 35%</i>	<i>Số câu: 6</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ: 15%</i>
Phần thi Viết (30 minutes)					
Phần 3 (Viết 1 đoạn văn ngắn và email)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)
Email	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	
Đoạn văn ngắn	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>
Tổng số câu: 2 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 50%</i>
Phần thi Nghe					
Phần 1 (Chọn hình ảnh)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 4</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 3</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Phần 2 (Trắc nghiệm)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
<i>Số câu: 3</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>

Phần 3 (Chọn True/ False)	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
Số câu: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 0	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 1	Số câu: 0
Tổng số câu: 10 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 5 Tỉ lệ: 50%	Số câu: 3 Tỉ lệ: 30%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0 %

Mục đánh giá A3.

Phần thi vấn đáp Các thí sinh dự thi theo cá nhân.					
Phần 1 (2,5 điểm)	Giới thiệu bản thân (Thí sinh trả lời các câu hỏi về các thông tin cơ bản: tên, tuổi, nơi ở, quê hương, gia đình, công việc...)				
Số câu: 5 Tỉ lệ: 25%	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR	CĐR
	Số câu: 0	Số câu: 5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Phần 2 (2,5 điểm)	Phần thi bốc thăm chủ đề (có 5 chủ đề liên quan đến nội dung học phần. Thí sinh dựa vào 5 câu hỏi gợi ý để trình bày một bài nói ngắn về chủ đề đã bốc thăm. Thí sinh có thể được yêu cầu trả lời một đến 2 câu hỏi phụ liên quan đến chủ đề từ giám khảo sau khi kết thúc phần trình bày.)				
Số câu: 5 Tỉ lệ: 25%	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)	CĐR (L)
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 3	Số câu: 2	Số câu: 0
Phần 3 (5,0 điểm)	Miêu tả tranh (thí sinh bốc thăm phần miêu tả bức tranh, có 5 chủ đề theo hình ảnh, mỗi bức tranh cần miêu tả 5 ý chính: what-when-where-how- your feelings)				
Số câu: 1 Tỉ lệ: 50%	CĐR	CĐR	CĐR (L)	CĐR (L)	CĐR (L)
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 1
Tổng số câu: 11 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%	Số câu: 5 Tỉ lệ: 25%	Số câu: 3 Tỉ lệ: 15%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 50%

P.TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Thành Trung

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



ThS. Trần Nữ Diễm My

Hình Họa Cơ Bản 1



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN HÌNH HỌA CƠ BẢN 1

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Hình họa cơ bản 1
Tên học phần Tiếng Anh:	Basic Graphics 1
Mã học phần:	06CQ1131
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học Hình họa cơ bản 1 là môn học thuộc nhóm kiến thức giáo dục đại cương nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bố cục trong hình họa khối; được hướng dẫn phương pháp nghiên cứu và vẽ các hình khối cơ bản, các đầu tượng và tượng bán thân thạch cao. Đồng thời cung cấp cho sinh viên các cách thức xây dựng hình và cách lên bóng, vẽ hình họa khối cơ bản và đồ vật.

3 CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CĐR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CĐR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được kiến thức nền tảng về mỹ thuật và kỹ thuật vẽ tay.	2.0	PLO2
CLO2	Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu và thực nghiệm trong thiết kế đồ họa.	6.0	PLO6
CLO3	Đáp ứng năng lực làm việc chuyên nghiệp, nâng cao kỹ năng cập nhật thông tin.	3.0	PLO6
CLO4	Sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong học tập, giao tiếp và công việc chuyên ngành.	3.0	PLO5
CLO5	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện tác phong công nghiệp và kỹ năng phác thảo ý tưởng.	3.0	PLO2

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tư ấn (Bu ổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				T r họ c	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	T L				
1-3	Chương 1: Tổng quan	6		6		15	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề.	A1
	1.1 Những kiến thức chung về vẽ hình họa. 1.2 Kiến thức căn bản về phác họa: kết cấu hình thể, độ sáng tối, luật phối cảnh xa gần. 1.3 Cách sắp xếp bố cục hình vẽ trên tờ giấy. 1.4 Cách dùng que đo, dây dọi. 1.5 Cách tạo khối bằng bóng và nét với chất liệu chì. 1.6 Quá trình tiến hành vẽ một bài hình họa. Vẽ các khối cơ bản							Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A3

Hình Họa Cơ Bản 1

Tu ần (Bu ổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				T ự họ c	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá	
		L T	B T	T H	T L					
	Bài tập									
4-8	Chương 2: Vẽ tĩnh vật	1 0		1 0		25	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở lớp: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.		
	2.1 Tổng quan vẽ tĩnh vật 2.2 Vẽ tĩnh vật. Bài tập									
9-12	Chương 3: Vẽ khối ngũ quan	8		8		2 0	CLO2 CLO3 CLO4			A1
	3.1 Khối mắt 3.2 Khối môi 3.3 Khối mũi 3.4 Khối tai Bài tập									A3
13-15	Chương 4: Vẽ tượng vật mảng.	6		6		15	CLO3 CLO4 CLO5			A1
	4.1 Cách sắp xếp bố cục hình đầu tượng trên tờ giấy. 4.2 Hướng dẫn cách dùng que đo, dây dọi để dựng hình. 4.3 Phân tích cách phân mảng sáng tối của mẫu. 4.4 Phân tích cấu trúc mẫu nam theo giải phẫu. 4.5 Phân tích các sắc độ sáng tối phức tạp của mẫu gồm: sáng tối chính, phản quang, bóng đổ.									A2 A3

Hình Họa Cơ Bản 1

Tu ần (Bu ổi)	Nội dung	Tổ chức giảng day				T ự họ c	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		L T	B T	T H	T L				
	4.6 Gợi nền Bài tập								
	Tổng	3 0		3 0		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi Thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Nội dung					
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0

Hình Họa Cơ Bản 1

		0.5			
Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 7 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Nguyễn Văn Ty, 2004, *Hình họa cơ bản*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.

[2]. Triệu Khắc Lễ, 2004, *Hình họa 1*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

- Sách (TLTK) tham khảo:

[3]. Đỗ Duy Ngọc, 1996, *Những điều cơ bản dành cho người học vẽ*, Nhà xuất bản Đồng Nai.

[4]. Phạm Công Thành, 2002, *Luật xa gần*, NXB Văn hóa Thông tin.

[5.] Gia Bảo, 2004, *Mỹ thuật cơ bản và nâng cao: Tĩnh vật ngũ quan thạch cao*, Nhà xuất bản Mỹ thuật.

[6]. Lê Thanh Lộc, 2003, *Giải phẫu học: Hình họa căn bản tập 12*, NXB Văn hóa Thông tin.

KHOA CNTT

Minh Đình Thành

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN

Tiến Thị Nhã Vi

Hình Họa Cơ Bản 1

Hình Hoa Cơ Bản 2



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN HÌNH HOẠ CƠ BẢN 2

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Hình Hoa Cơ Bản 2
Tên học phần Tiếng Anh:	Basic Graphics 2
Mã học phần:	06CQ1132
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Hình họa 1
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần giúp sinh viên phương pháp nghiên cứu sâu về cơ thể người, ...Từ đó, giúp sinh viên dễ dàng hơn khi phác cấu trúc, dáng người, ứng dụng vào việc xây dựng storyboard, vẽ truyện tranh...

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Hình Họa Cơ Bản 2

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Mô tả được kiến thức nền tảng về mỹ thuật và cấu trúc cơ thể người.	2.0	PLO2
CLO2	Phát triển tư duy hệ thống trong việc xây dựng hình thể trên mặt giấy 2D.	6.0	PLO6
CLO3	Ứng dụng kỹ năng vẽ tay để phân tích và khắc phục khó khăn trong diễn tả cơ thể người.	3.0	PLO2
CLO4	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, trao đổi và đánh giá bài vẽ.	6.0	PLO5
CLO5	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp và nâng cao khả năng phác thảo tay.	2.0	PLO2

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1-2	Chương 1: Vẽ chân dung nam	4		4		10			
	2.1 Nhắc lại cách sắp xếp bố cục hình vẽ trên tờ giấy. 2.2 Hướng dẫn cách dùng que đo, dây dọi để dựng hình. 2.3 Phân tích cách phân mảng sáng tối của mẫu. 2.4 Phân tích cấu trúc mẫu nam theo giải phẫu. 2.5 Phân tích các sắc độ sáng tối phức tạp của mẫu gồm: sáng tối chính, phản quang, bóng đổ. 2.6 Gọi nền Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
3-4	Chương 2: Vẽ chân dung nữ	4		4		15			

Hình Họa Cơ Bản 2

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	3.1 Nhắc lại cách sắp xếp bố cục hình vẽ trên tờ giấy. 3.2 Hướng dẫn cách dùng que đo, dây dọi để dựng hình. 3.3 Phân tích cách phân mảng sáng tối của mẫu. 3.4 Phân tích cấu trúc mẫu nữ theo giải phẫu. 3.5 Phân tích các sắc độ sáng tối phức tạp của mẫu gồm: sáng tối chính, phản quang, bóng đổ. 3.6 Gọi nền. Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
5-6	Chương 3: Vẽ tượng bán thân nam	4		4		15	CLO1 CLO2 CLO5		
	3.1 Giới thiệu về vẽ tượng bán thân nam 3.2 Phân tích hình khối và tỉ lệ 3.3 Phác thảo hình dáng ban đầu 3.4 Phân tích khối sáng – tối 3.5 Hoàn thiện bài vẽ Bài tập								
7-9	Chương 4: Vẽ tượng bán thân nữ	6		6		15			
	3.1 Giới thiệu về vẽ tượng bán thân nữ 3.2 Phân tích hình khối và tỉ lệ 3.3 Phác thảo hình dáng ban đầu 3.4 Phân tích khối sáng – tối 3.5 Hoàn thiện bài vẽ Bài tập								
10-12	Chương 5: Vẽ toàn thân nam	6		6		15	CLO1	Dạy: GV giảng lý	A1

Hình Họa Cơ Bản 2

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	4.1 Nhắc lại cách sắp xếp bố cục hình vẽ trên tờ giấy. 4.2 Hướng dẫn cách dùng que đo, dây dọi để dựng hình. 4.3 Phân tích cách phân mảng sáng tối của mẫu. 4.4 Phân tích cấu trúc mẫu nữ theo giải phẫu. 4.5 Phân tích các sắc độ sáng tối phức tạp của mẫu gồm: sáng tối chính, phản quang, bóng đổ. 4.6 Gọi nền. Bài tập							thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	
13-15	Chương 6: Vẽ toàn thân nữ.	6		6		20	CLO3 CLO5	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2
	5.1 Nhắc lại cách sắp xếp bố cục hình vẽ trên tờ giấy. 5.2 Hướng dẫn cách dùng que đo, dây dọi để dựng hình. 5.3 Phân tích cách phân mảng sáng tối của mẫu. 5.4 Phân tích cấu trúc mẫu nữ theo giải phẫu. 5.5 Phân tích các sắc độ sáng tối phức tạp của mẫu gồm: sáng tối chính, phản quang, bóng đổ. 5.6 Gọi nền. Bài tập								A3
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Hình Hạ Cơ Bản 2

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi Thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung	Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	CDR					
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0	
Chương 2 Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	CDR					
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	
Chương 3 Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	CDR					
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	
Chương 4 Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	CDR					
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	
Chương 5 Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	CDR					
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	
Tổng số câu: 5 Tỷ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỷ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	Số câu: Tỷ lệ: 0%	

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Sách, giáo trình chính:

Hình Họa Cơ Bản 2

[1]. Triệu Khắc Lễ, 2004, *Hình họa 2*, NXB Đại học Sư phạm.

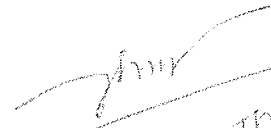
- Tài liệu tham khảo:

[2]. Đỗ Duy Ngọc, 1996, *Những điều cơ bản dành cho người học vẽ*, Nhà xuất bản Đồng Nai.

[3]. Gia Bảo, 2004, *Mỹ thuật cơ bản và nâng cao: Tĩnh vật ngũ quan thạch cao*, NXB Mỹ thuật.

[4]. Lê Thanh Lộc, 2003, *Giải phẫu học: Hình họa căn bản tập 12*, NXB Văn hóa Thông tin.

KHOA CNTT


Minh Đình Thang

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Thảo Thuỳ Như Vũ

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
Tên học phần Tiếng Anh:	History of Vietnamese Communist Party
Mã học phần:	06CQ0004
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	06CQ0003
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình ra đời và lãnh đạo đấu tranh qua các thời kỳ lịch sử (1930-1975); quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội từ 1975 đến nay.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học).	2.0	PLO1
CLO1	Những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945).	2.0	PLO1
CLO1	Kiến thức về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ (1945-1975);	2.0	PLO1
CLO1	Kiến thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được những điều kiện cần thiết dẫn tới sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được những nội dung cơ bản, ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc gđ 1930 -1945.	4.0	PLO1
CLO2	Phân tích được đường lối và sự chỉ đạo, ý nghĩa lịch sử, kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ giai đoạn 1945 – 1975; cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc 1954- 1975.	4.0	PLO1
CLO2	Khái quát được quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước và quá trình tìm con đường đổi mới đất nước; nội dung đường lối đổi mới toàn diện Đại hội VI của Đảng (12/1986) và quá trình thực hiện.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được nội dung Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991 và bổ sung, phát triển năm 2011); vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập	4.0	PLO1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
	quốc tế; thành tựu, ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới.		
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	3.0	PLO1 PLO8
CLO3	Có khả năng nhận thức và phân bác được những luận điểm xuyên tạc đường lối lãnh đạo của Đảng. Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn cuộc sống trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1 PLO8
CLO4	Củng cố niềm tin vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc. Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Có phương pháp tư duy mới trong học tập. Tự mình biết đào sâu lý luận gắn với thực tiễn với tinh thần độc lập, sáng tạo.	3.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử ĐCSVN.		6				15	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đạy: GV. giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	Đối tượng nghiên cứu Chức năng, nhiệm vụ PP nghiên cứu, học tập Mục đích, yêu cầu								
Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)		8				20			

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2+3	1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) 2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)								
Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975)		8				20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
4+5	1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)								
Chương 3: Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)		8				25			
6+7	1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) Lãnh đạo công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ 1986 đến nay)								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 4 (Tỷ lệ: 40%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 4 (Tỷ lệ: 40%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 2</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỷ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

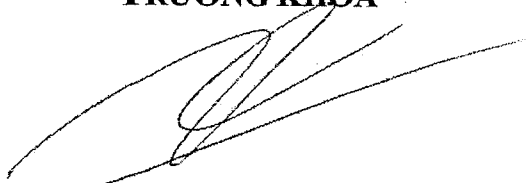
Tài liệu/giáo trình chính

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2012), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc sĩ: Nguyễn Hữu Khánh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tư tưởng Hồ Chí Minh
Tên học phần Tiếng Anh:	Hochiminh Ideology
Mã học phần:	06CQ0005
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	06CQ0003
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau khi sinh viên học xong các môn học thuộc Chủ nghĩa Mác – Lênin bao gồm: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận, nhân tố chủ quan hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh; hiểu rõ các giai đoạn trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập và cách mạng giải phóng dân tộc; nắm được tính quy luật của cách mạng Việt Nam: độc lập

dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh (khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn học)	2.0	PLO1
CLO1	Hiểu rõ cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận, nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn cơ bản trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	2.0	PLO1
CLO2	Nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng và những sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; nắm được tính quy luật của cách mạng Việt Nam; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.	3.0	PLO1
CLO2	Nắm được những kiến thức cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐCSVN, về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì dân dân. Phân tích, vận dụng vào giải thích các vấn đề phòng, chống các tiêu cực trong Đảng, trong Nhà nước ta hiện nay.	3.0	PLO1
CLO2	Nắm và phân tích được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về văn hóa, đạo đức, con người. Vận dụng vào thực tiễn trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1
CLO3	Phân tích, giải thích được tính đúng đắn và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, những yếu tố tác động đến việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1 PLO8
CLO3	Tìm kiếm, đọc và thu thập tài liệu liên quan đến môn Tư tưởng Hồ Chí Minh. Rèn luyện kỹ năng tuyệt trình, làm việc nhóm hiệu quả.	2.0	PLO1 PLO8
CLO3	Có khả năng nhận thức và phân bác được những luận điểm xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh. Biết vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích thực tiễn cuộc sống trong giai đoạn hiện nay.	3.0	PLO1 PLO8
CLO4	Thấy rõ vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển của dân tộc Việt Nam; tin tưởng vào chế độ chính trị xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu cho mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.	2.0	PLO1 PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1	Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh Đối tượng nghiên cứu								
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng HCM		4				10			
2	2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh								
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và CNXH		4				10			
3	3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam								

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Chương 4 : Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân		4				10	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
4	4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước.								
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế		7				15			
5+6	5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết toàn dân tộc 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.3.Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay.								
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người		7				15			
7+8	6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng HCM								
Tổng		30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỷ lệ: 10%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 2 (Tỷ lệ: 20%)</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 10 câu (Tỷ lệ: 100%)	<i>Số câu: 3</i> <i>Tỷ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 5</i> <i>Tỷ lệ 50%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

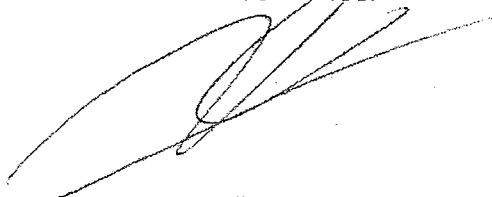
Tài liệu/giáo trình chính

- [1] Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo/bổ sung

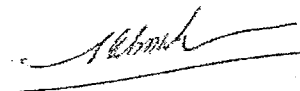
- [2] Bộ Giáo dục và đào tạo (2005), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2017), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
- [4] Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh – Khoa Lý luận Chính trị - Bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh (2020), *Tài liệu hướng dẫn ôn tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Thạc sĩ: Nguyễn Hữu Chinh

Đại số tuyến tính



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐẠI SỐ TUYẾN TÍNH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Đại số tuyến tính
Tên học phần Tiếng Anh:	Linear algebra
Mã học phần:	06CQ0678
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Đại số tuyến tính là một trong những học phần bắt buộc của kiến thức giáo dục đại cương theo khung chương trình đào tạo. Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ sở về toán học làm nền tảng cho các môn học chuyên ngành về sau. Nội dung học phần được chia thành 5 chương với 2 tín chỉ (Chương 1: Ma trận và định thức; Chương 2: Hệ phương trình tuyến tính; Chương 3: Không gian véc tơ; Chương 4: Ánh xạ tuyến tính; Chương 5: Giá trị riêng, véc tơ riêng và dạng toàn phương).

Đại số tuyến tính

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản của đại số tuyến tính như ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính.	2.0	PLO1
CLO2	Giải thích các phép biến đổi ma trận, ánh xạ tuyến tính và các phương pháp chéo hóa ma trận	2.0	PLO1
CLO3	Áp dụng các quy tắc đại số tuyến tính để giải hệ phương trình, tìm cơ sở không gian véc tơ và chéo hóa ma trận. Phát huy tinh thần tự học tự nghiên cứu.	3.0	PLO1 PLO9
CLO4	Phân tích và so sánh các phương pháp giải bài toán đại số tuyến tính, xử lý bài toán có tham số.	4.0	PLO1
CLO5	Phân tích hiệu quả của các phương pháp đại số tuyến tính trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn.	4.0	PLO1

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1. MA TRẬN - ĐỊNH THỨC	4				10			
	1.1. Ma trận 1.1.1. Các định nghĩa về ma trận 1.1.2. Các phép toán về ma trận 1.1.3. Các phép biến đổi sơ cấp. Ma trận bậc thang 1.2. Định thức 1.2.1. Định nghĩa về định thức 1.2.2. Các tính chất của định thức 1.2.3. Các PP tính định thức Bài tập						CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3

Đại số tuyến tính

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 1. MA TRẬN - ĐỊNH THỨC (tt)	4				10	CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	1.3. Ma trận nghịch đảo 1.3.1. Định nghĩa về ma trận nghịch đảo, điều kiện tồn tại ma trận nghịch đảo. 1.3.2. Cách tìm ma trận nghịch đảo. 1.4. Hạng của ma trận 1.4.1. Khái niệm hạng của ma trận 1.4.2. Các phương pháp tìm hạng ma trận Bài tập								
3	Chương 2. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH	4				10	CLO1 CLO2 CLO5		A1 A2 A3
	2.1. Khái niệm về hệ phương trình tuyến tính 2.1.1. Dạng tổng quát của hệ phương trình tuyến tính 2.1.2. Dạng ma trận của hệ phương trình tuyến tính 2.2. Hệ phương trình Cramer 2.2.1. Định nghĩa về hệ phương trình Cramer 2.2.2. Phương pháp Cramer Bài tập								

Đại số tuyến tính

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
4	Chương 2. HỆ PHƯƠNG TRÌNH TUYẾN TÍNH (tt)	4				10			
	2.2.3. Phương pháp Gauss 2.3. Hệ phương trình tuyến tính tổng quát 2.3.1. Điều kiện tồn tại nghiệm 2.3.2 Hệ phương trình tuyến tính thuần nhất Bài tập + Chữa bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
5	Chương 3: KHÔNG GIAN VÉC TƠ	4				10			
	3.1. Khái niệm về không gian véc tơ 3.1.1. Định nghĩa không gian véc tơ 3.1.2. Các tính chất của không gian véc tơ 3.1.3 Không gian con 3.2. Hệ véc tơ phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính 3.2.1. Tổ hợp tuyến tính 3.2.2. Sự phụ thuộc tuyến tính và độc lập tuyến tính của một hệ véc tơ 3.2.3. Các định lý cơ bản về sự phụ thuộc tuyến tính Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		A1 A2 A3

Đại số tuyến tính

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
6	Chương 3: KHÔNG GIAN VÉC TƠ (tt)	4				10			
	3.3. Cơ sở và số chiều của không gian véc tơ 3.3.1. Định nghĩa về hệ sinh và cơ sở 3.3.2 Không gian hữu hạn chiều 3.3.3. Cơ sở của một không gian véc tơ 3.4. Tọa độ của véc tơ 3.4.1. Tọa độ của một véc tơ đối với một cơ sở 3.4.2. Ma trận chuyển cơ sở. Công thức biến đổi tọa độ 3.5 Hạng của hệ véc tơ 3.5.1 Định nghĩa hạng của một hệ véc tơ 3.5.2 Các định lý cơ bản về hạng của hệ véc tơ 3.5.3 Cách tính hạng và cơ sở của không gian sinh bởi một hệ véc tơ Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
7	Chương 4: ẢNH XẠ TUYẾN TÍNH (AXTT)	4				10			
	4.1. Định nghĩa 4.1.1. Định nghĩa AXTT 4.1.2. Nhân và ảnh của AXTT 4.1.3. Hạng của AXTT 4.2. Ma trận của AXTT 4.2.1. Định nghĩa ma trận của AXTT Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		

Đại số tuyến tính

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
8	Chương 4: ẢNH XẠ TUYẾN TÍNH (tt)	4				10			
	4.3 Sự đồng dạng 4.3.1. Ma trận đồng dạng 4.3.2. Ma trận của ánh xạ tuyến tính khi chuyển cơ sở Bài tập + Chữa bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		
9	Chương 5: DẠNG TOÀN PHƯƠNG (DTP)	4				10			
	5.1 Giá trị riêng, véc tơ riêng 5.1.1. Định nghĩa về giá trị riêng, véc tơ riêng của ma trận 5.1.2. PT đặc trưng. Cách tìm giá trị riêng và véc tơ riêng 5.2. Chéo hoá ma trận 5.2.1. Điều kiện cần và đủ để ma trận vuông chéo hóa được 5.2.2. Các phương pháp chéo hóa ma trận 5.3 Dạng toàn phương 5.3.1. Dạng song tuyến tính và dạng song tuyến tính đối xứng. 5.3.2 Định nghĩa DTP 5.3.3. Ma trận của DTP 5.3.5. Hạng của DTP Bài tập						CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
10	Chương 5: DẠNG TOÀN PHƯƠNG (tt)	4				10			
	5.4. Dạng chính tắc 5.4.1. Định nghĩa 5.4.2. Đưa dạng toàn phương về dạng chính tắc bằng phép biến đổi trực giao 5.4.3. Đưa DTP về dạng chính tắc bằng phương pháp Lagrange Bài tập + Chữa bài tập						CLO1 CLO3 CLO4 CLO5		

Đại số tuyến tính

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
11-12	ÔN TẬP TỔNG HỢP	5				5			
	1. Tổng hợp kiến thức cốt lõi 2. Hướng dẫn giải những bài tập điển hình 3. Vấn đáp và trả lời 4. Thực hành một số bài tập tổng hợp Bài tập						CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Đại số tuyến tính

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu:</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Tài liệu học tập chính:

[1]. Phạm Văn Bằng, Lê Xuân Huy, Cao Thị Thanh Xuân, *Tài liệu học tập Đại số tuyến tính*, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, 2019.

- Sách tham khảo:

[2]. Nguyễn Đình Trí, *Toán cao cấp Tập 1*, NXB Giáo dục, 2018.

[3]. Nguyễn Đình Trí, *Toán cao cấp Tập 2*, NXB Giáo dục, 2018.

[4]. Lê Tuấn Hoa, *Đại số tuyến tính qua các ví dụ và bài tập*, NXB Giáo Dục, 2016.

[5]. David C. Lay, Steven R. Lay, Judi J. McDonald, *Linear Algebra and Its Applications*, Pearson, 2016.

KHOA CNTT

Thầy Đình Trọng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

Phan Trần Uyên Phương

Nguyên lý thị giác



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ THỊ GIÁC

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Nguyên lý thị giác
Tên học phần Tiếng Anh:	Principles of Visual Perception
Mã học phần:	06CQ1133
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ của các tín hiệu thị giác, các nguyên lý sáng tạo, các công thức và thủ pháp bố cục cơ bản cần thiết trong quá trình thiết kế các sản phẩm thời trang.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Nguyên lý thị giác

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các nguyên lý, định luật trong bố cục nghệ thuật.	2.0	PLO2
CLO2	Ứng dụng ngôn ngữ thị giác như hình khối, mảng hình, đường nét trong sáng tạo tác phẩm.	3.0	PLO2
CLO3	Phân tích , sắp xếp các yếu tố nghệ thuật để xây dựng bố cục hợp lý.	4.0	PLO2
CLO4	Rèn luyện tư duy sáng tạo, kiên trì và tinh thần học hỏi trong thực hành nghệ thuật.	3.0	PLO5
CLO5	Tra cứu và vận dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu tài liệu.	3.0	PLO9

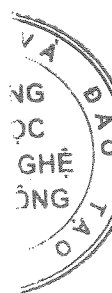
4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Các định luật thị giác	2		2		5			
	2.1. Các định luật thị giác 2.1.1. Định luật của sự gần 2.1.2. Định luật của sự đồng đều 2.1.3. Định luật hẹp và rộng Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
2	Chương 2: Các định luật thị giác	2		2		5			
	2.1. Các định luật thị giác (tt) 2.1.4. Định luật của sự khép kín 2.1.5. Định luật của đường liên tục 2.1.6. Định luật của kinh nghiệm 2.1.7. Định luật của sự nhấn Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		A2 A3

Nguyên lý thị giác

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3-5	Chương 2: Giới thiệu về luật xa gần	6		6		15			
	2.1. Giới thiệu tổng quan về luật xa gần 2.1.1 Khái niệm về luật xa gần 2.1.2 Cơ sở khoa học của Luật xa gần 2.2 Biểu hiện không gián trên mặt phẳng 2.2.1 Giới thiệu về những quy định 2.2.2 Khái niệm, cơ sở khoa học của phép chiếu xuyên tâm trong thiết kế 2.2.3 Ứng dụng phép chiếu xuyên tâm trong thiết kế Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
6-9	Chương 3: Quy trình thiết kế phối cảnh luật xa gần	8		8		20			
	3.1 Điểm nhìn và trường nhìn 3.2 Đường chân trời và Điểm tụ 3.2.1 Phối cảnh một điểm tụ 3.2.2 Phối cảnh hai điểm tụ 3.2.3 Phối cảnh ba điểm tụ Bài tập						CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		



Nguyên lý thị giác

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
10-14	Chương 3: Quy trình thiết kế phối cảnh luật xa gần	10		10		25			
	3.4 Một số hình thức phối cảnh 3.4.1 Vẽ phối cảnh hình vuông 3.4.1 Vẽ phối cảnh hình tròn 3.4.1 Vẽ phối cảnh hình lập phương 3.4.1 Vẽ phối cảnh hình bóng ngả và bóng nước 4.5 Vẽ phối cảnh căn phòng 1 điểm tụ Bài tập						CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
15	Ôn tập	2		2		15			
	Tổng hợp kiến thức trọng tâm và ôn tập kiến thức Bài tập ôn tập						CLO3 CLO4 CLO5		
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10

Nguyên lý thị giác

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0,5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

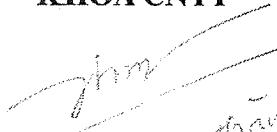
[1] Lê Huy Văn, Trần Từ Thành, 2010, *Cơ sở tạo hình*, NXB Mỹ thuật.

Nguyên lý thị giác

Tài liệu tham khảo

- [2] Nguyễn Luận, 2010, *Design thị giác*, NXB Mỹ thuật.
- [3] Nguyễn Quân, 2006, *Ngôn ngữ của hình và màu sắc*, NXB Văn hóa Thông tin.
- [4] Ocvirk, Stinson, Wigg, Bone and Cayton, 2006, *Những nền tảng cơ bản của mỹ thuật*, NXB Mỹ thuật.

KHOA CNTT


Trần Đình Hoàng

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN


Káro Rủ Nhà Vĩ

Ký họa



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KÝ HOẠ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Ký họa
Tên học phần Tiếng Anh:	Sketch
Mã học phần:	06CQ1134
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản: tỷ lệ người, cấu trúc cơ thể xương, cơ, các động tác tư thế khác nhau; phương pháp vẽ ký họa bàn tay, bàn chân, chân dung, toàn thân (đứng, ngồi, vận động, ...); và ký họa nhóm nhân vật. Nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ký họa và vận dụng chúng vào phát triển chuyên ngành thông qua các loại chất liệu khác nhau.

Ký họa

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về mỹ thuật và giải phẫu cơ thể người.	3.0	PLO2
CLO2	Phân tích, so sánh tài liệu giải phẫu với mẫu thật để xây dựng cấu trúc cơ thể người..	4.0	PLO4
CLO3	Vận dụng kỹ năng vẽ tay để thể hiện ánh sáng, phối cảnh và không gian trên mẫu thật.	3.0	PLO2
CLO4	Phát triển tinh thần làm việc chuyên nghiệp, tư duy sáng tạo và khả năng thích nghi.	6.0	PLO6
CLO5	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, trình bày ý kiến và trao đổi trong quá trình vẽ mẫu.	5.0s	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Giới thiệu môn học.	2		2		5	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	1.1 Vật liệu và phương tiện ký họa. 1.2 Khái quát cơ thể người và các chuyển động cơ bản Bài tập								
2-4	Chương 2: Ký họa chân dung.	6		6		20			
	2.1 Chân dung ký họa nhanh 2.2 Chân dung ký họa thâm diễn Bài tập								
5-8	Chương 3: Ký họa dáng tĩnh	8		8		20			
	3.1 Phương pháp ký họa dáng 3.2 Dáng ký họa nhanh. 3.3 Dáng ký họa thâm diễn Bài tập								

Ký họa

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
9-11	Chương 4: Ký họa dáng chuyển động	6		6		20	CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
12-14	Chương 5: Ký họa nhóm.	6		6		20			
	5.1 Phương pháp ký họa nhóm tĩnh. 5.2 Phương pháp ký họa nhóm động. Bài tập								
15	Chương 6: Trưng bày.	2		2		5	CLO1 CLO4 CLO5		
	6.1 Trưng bày theo thể loại. 6.2 Các cách thức trưng bày gây hiệu ứng thị giác Ôn tập - Bài tập								
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CBĐ môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi Thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

Ký họa

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

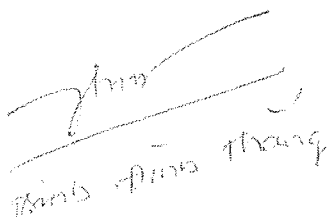
- Sách, giáo trình chính:

- [1]. Tu Bình, 2007, *Kim Quang Ký họa nhân vật*, NXB Mỹ Thuật MACHINCO.
 [2]. Gia Bảo, 2004, *Hàn Vĩ Vẽ ký họa nét*, NXB Mỹ Thuật Hà Nội.

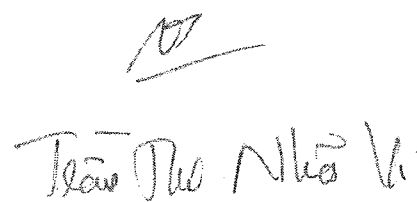
- Tài liệu tham khảo:

- [3]. Hồng Thúy, *Art-Phác họa cơ thể người*, NXB thông tin.
 [4]. Nhiều tác giả, *Vẽ vật thực-Phác họa nhân vật*, NXB Mỹ thuật.
 [5]. Uyên Huy, *Phương pháp vẽ chân dung*, NXB tổng hợp TP.HCM.

KHOA CNTT


 Trần Bình Phương

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


 Trần Đức Nghĩa

Trang trí nâng cao



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRANG TRÍ NÂNG CAO

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Trang trí nâng cao
Tên học phần Tiếng Anh:	Advanced Decoration
Mã học phần:	06CQ1135
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	Trang trí cơ bản
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Trang trí nâng cao chuyên ngành Thiết kế đồ họa cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao trong lĩnh vực trang trí chuyên ngành đồ họa. Luyện tập kỹ năng tạo hình trang trí nhân vật, sử dụng các hiệu quả của màu sắc trong nghệ thuật thị giác, ứng dụng một số chất liệu trang trí để tạo hiệu quả trong thiết kế bố cục, đồng thời phát triển ý tưởng sáng tạo trong thiết kế ...

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Trang trí nâng cao

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Mô tả được kiến thức mỹ thuật và cấu trúc cơ thể người.	2.0	PLO2
CLO2	Phân tích, thực nghiệm và sáng tạo trong xây dựng hình thể.	4.0	PLO6
CLO3	Ứng dụng kỹ năng vẽ tay, vẽ máy để giải quyết vấn đề trong trang trí.	3.0	PLO5
CLO4	Phát triển kỹ năng giao tiếp, trình bày và tư duy phản biện trong đánh giá bài vẽ.	6.0	PLO7
CLO5	Rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật và nâng cao khả năng phác thảo tay.	2.0	PLO2

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1-5	Chương 1: Hình học trong nghệ thuật trang trí.	10		10		30			
	1.1 Các motif hình học 1.2 Cách sử dụng motif hình học trong trang trí. Bài tập								
6-10	Chương 2: Nghệ thuật trang trí ảo thị giác (Optical Illusion)	10		10		30	CLO1 CLO2 CLO5		
	2.1 Các motif trang trí hình học tạo ảo thị giác 2.2 Một số phương pháp gây ảo thị giác. Bài tập								
11-15	Chương 3: Nghệ thuật trang trí chất liệu	10		10		30			
	2.1 Một số chất liệu dùng trong trang trí 2.2 Cách điệu trang trí chân dung - Cách điệu chân dung tự họa thể hiện trên máy - Cách điệu chân dung nhân vật nổi tiếng theo chất liệu tự chọn Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		
	Tổng	30		30		70			

Trang trí nâng cao

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Nội dung \ Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 2 Tỷ lệ: 40%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 2 Tỷ lệ: 40%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỷ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỷ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	Số câu: Tỷ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

Trang trí nâng cao

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Lại Tiểu Quân, Lâm Húc, *Thiết kế trang trí hiện đại: Trang trí cách điệu*

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Trịnh Quân, Lý Hán, 2001, *Chỉ nam mỹ thuật cao cấp trang trí cách điệu người: Hình vẽ, trang trí*, Thượng Hải.

[3]. *Thiết kế trang trí*, 2003, Trung Quốc.

[4]. *Trang trí cách điệu*, 2003, Trung Quốc.

[5]. *Thiết kế trang trí: Design*, 2000, Giang Tây: Mỹ thuật.

[6]. *Trang trí cách điệu người*, 2007, Quảng Tây: Mỹ thuật.

KHOA CNTT


Đinh Tuấn Mạnh

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Teào Thị Nhàn Vi

Mỹ học



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN MỸ HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Mỹ học
Tên học phần Tiếng Anh:	Aesthetics
Mã học phần:	06CQ1138
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	ThS.
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách nhìn nhận, đánh giá thế nào là cái đẹp, mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức, về thị hiếu thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ... Từ đó, áp dụng vào chuyên môn, cuộc sống để phân tích, đánh giá các sản phẩm nghệ thuật mang tính thuyết phục cao.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Mỹ học

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhận diện và ứng dụng các yếu tố tạo nên cái đẹp trong thiết kế, từ đó áp dụng vào thực tiễn đời sống và nghệ thuật.	2.0	PLO1
CLO2	Đánh giá và giải quyết các vấn đề thẩm mỹ trong phạm vi thiết kế, môi trường xã hội và các yếu tố tạo nên giá trị thẩm mỹ.	3.0	PLO2
CLO3	Thể hiện và truyền đạt ý đồ thiết kế qua giao tiếp trực quan, thuyết trình và trình bày các vấn đề trước lớp.	2.0	PLO3
CLO4	Vận dụng và phân tích các thuật ngữ chuyên môn trong nghiên cứu tài liệu học tập, phục vụ cho việc học và phát triển chuyên môn.	3.0	PLO3
CLO5	Phê bình và phân tích cái đẹp của trang phục trong từng ngành nghề, hoàn cảnh xã hội cụ thể, đồng thời định hướng cho thiết kế phù hợp với môi trường thực tế.	4.0	PLO4

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Đối tượng nghiên cứu của mỹ học	4				10	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	1.1 Mỹ học là một khoa học 1.2 Đối tượng của mỹ học 1.3 Sự ra đời và phát triển của mỹ học Bài tập								
2	Chương 2: Cái đẹp	4				10			
	2.1 Định nghĩa cái đẹp 2.2 Các loại cái đẹp 2.3 Các quan điểm về cái đẹp 2.5 Cái đẹp trong tự nhiên Bài tập								

Mỹ học

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	Chương 2: Cái đẹp (tt)	4				10	CLO1 CLO2 CLO5		
	2.6 Cái đẹp trong xã hội 2.7 Cái đẹp trong nghệ thuật 2.8 Bản chất của cái đẹp Bài tập								
4	Chương 3: Cái Bi – Cái Hài	4				10			
	3.1 Định nghĩa cái Bi 3.2 Bản chất cái bi 3.3 Các lĩnh vực của cái bi 3.4 Vị trí của cái bi trong đời sống và trong nghệ thuật Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
5	Chương 3: Cái Bi -Cái Hài (tt)	4				10			
	3.5 Định nghĩa cái hài 3.6 Bản chất cái hài 3.7 Các lĩnh vực của cái hài 3.8 Các đối tượng gây hài 3.9 Vị trí của cái hài trong đời sống và trong nghệ thuật Bài tập								
6	Chương 4: Cái Tuyệt vời – Cái Anh Hùng	4				10	CLO1 CLO4 CLO5		
	4.1 Định nghĩa cái tuyệt vời 4.2 Bản chất cái tuyệt vời 4.3 Các lĩnh vực của cái tuyệt vời 4.4 Vai trò của cái tuyệt vời trong đời sống và trong nghệ thuật Bài tập								
7	Chương 4: Cái Tuyệt vời – Cái Anh Hùng (tt)	4				10			
	4.5 Định nghĩa cái anh hùng 4.6 Bản chất cái anh hùng 4.7 Các lĩnh vực của cái anh hùng 4.8 Vai trò của cái anh hùng trong đời sống và trong nghệ thuật Bài tập								

Mỹ học

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
8	Chương 5: Nhận thức thẩm mỹ	4				10	CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	5.1. Nguồn gốc của nhận thức 5.2 Quá trình của nhận thức thẩm mỹ -Cảm xúc thẩm mỹ -Rung động thẩm mỹ 5.3 Tình cảm thẩm mỹ 5.4 Thị hiếu thẩm mỹ -Lý tưởng thẩm mỹ +Mối quan hệ giữa nhận thức thẩm mỹ và nhận thức khoa học 5.5 Triển khai làm bài tập nhóm, theo từng chủ đề riêng Bài tập								A2 A3
9	Chương 6: Nghệ thuật và đời sống xã hội	4				10	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5		
	6.1 Nghệ thuật 6.2 Đối tượng nghệ thuật 6.3 Chức năng nghệ thuật 6.4 Nguồn gốc nghệ thuật 6.5 Bản chất nghệ thuật Bài tập								
10	Chương 7: Các loại hình nghệ thuật	4				10			
	7.1 Nguồn gốc và sự phân chia các loại hình 7.2 Ngôn ngữ và đặc trưng của nghệ thuật trang trí và kiến trúc. 7.3 Ngôn ngữ và đặc trưng của nghệ thuật hội họa								
11-12	Chương 7: Các loại hình nghệ thuật (tt)	5				5	CLO3 CLO4 CLO5		
	7.4 Ngôn ngữ và đặc trưng của nghệ thuật điêu khắc 7.5 Ngôn ngữ và đặc trưng của nghệ thuật âm nhạc 7.6 Ngôn ngữ và đặc trưng của nghệ thuật văn học 7.7 Ngôn ngữ và đặc trưng của								

Mỹ học

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	nghệ thuật múa 7.8 Ngôn ngữ và đặc trưng của nghệ thuật điện ảnh Bài tập								
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
	CĐR				

Mỹ học

Chương 4 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Tài liệu học tập chính:

[1]. Lê Quốc Bảo, *Giáo trình mỹ học*, Trường Đại học Mỹ Thuật Hà Nội.

- Sách tham khảo:

[2]. Trường Đại học Mỹ Thuật Hà Nội, *Lịch sử tư tưởng thẩm mỹ*

[3]. Mịch Quang, 2004, *Khởi nguồn mỹ học dân tộc*, Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4]. Lâm Vinh, 2001, *Tài liệu nghệ thuật học*, Đại học sư phạm TP HCM.

[5]. Lâm Vinh, 1997, *Mỹ học*, Đại học sư phạm - Đại học quốc gia TP HCM.

KHOA CNTT

[Signature]
Đinh Đình Hoàng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

[Signature]
Trần Thị Nhã Vi



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
GIỚI THIỆU TRÍ TUỆ NHÂN TẠO VÀ CÁC ỨNG DỤNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng
Tên học phần Tiếng Anh:	Applied informatics
Mã học phần:	06CQ1109
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học "Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng" cung cấp cái nhìn tổng quan về lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo (AI), giúp sinh viên hiểu được nguyên lý hoạt động, các mô hình, thuật toán và ứng dụng của AI trong đời sống và công nghiệp.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản, lịch sử phát triển và phân loại Trí tuệ nhân tạo (AI).	2.0	PLO3
CLO2	Mô tả và so sánh các kỹ thuật cốt lõi của AI như Machine Learning, Deep Learning và Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP).	2.0	PLO3
CLO3	Ứng dụng được các công cụ và thuật toán AI cơ bản để giải quyết các bài toán thực tế trong các lĩnh vực khác nhau.	3.0	PLO4
CLO4	Xác định được tác động của AI đối với kinh tế, xã hội và các vấn đề đạo đức liên quan.	3.0	PLO4
CLO5	Làm việc nhóm và trình bày ý tưởng về ứng dụng AI một cách rõ ràng, logic.	4.0	PLO4

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Phần 1: Giới thiệu về AI	4				10			
	1.1 Định nghĩa và lịch sử phát triển AI 1.2 Phân loại AI: AI yếu, AI mạnh, AI siêu việt 1.3 Vai trò của dữ liệu trong AI Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
2	Chương 2. Nguyên lý hoạt động của AI	4				10			
	2.1 Machine Learning (ML) Deep Learning (DL) 2.2 Cơ sở toán học: Đại số tuyến tính, xác suất thống kê 2.3 Dữ liệu lớn và vai trò của n Bài tập								
3	Chương 3: Các mô hình AI phổ biến	4				10	CLO1 CLO3 CLO5		A1
	3.1 Mạng nơ-ron nhân tạo (ANN), CNN, RNN								

Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	3.2 Học có giám sát, không giám sát, học tăng cường 3.3 Công cụ phát triển AI (TensorFlow, PyTorch) Bài tập								A2 A3
4	Chương 4. Ứng dụng AI trong đời sống	4				10			
	4.1 AI trong trợ lý ảo, mạng xã hội, thương mại điện tử 4.2 AI trong giáo dục và chăm sóc sức khỏe 4.3 AI trong tài chính và quản lý rủi ro Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		
5	Chương 5. AI trong công nghiệp và giao thông	4				10			
	5.1 AI trong tự động hóa sản xuất 5.2 Xe tự hành và tối ưu hóa logistics 5.3 AI trong kiểm soát giao thông thông minh Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế.	
6	Chương 6. Đạo đức và thách thức của AI	4				10		Học ở lớp:	A1
	6.1 Vấn đề bảo mật, quyền riêng tư 6.2 AI và ảnh hưởng đến thị trường lao động 6.3 Xu hướng và tương lai của AI Bài tập						CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ...	A2 A3
7	Chương 7. Thảo luận định hướng	4				5	CLO1 CLO2	Học ở nhà:	
	7.1 Tổng hợp kiến thức đã học 7.2 Định hướng nghiên cứu và ứng dụng AI						CLO3 CLO4	- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã	

DU C
TRU
ĐẠI
CỘNG
HÒA
MIỀN

Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	7.3 Thảo luận mở về tiềm năng phát triển AI						CLO5	học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
8	Chương 8. Con người trong thời đại AI	2				5	CLO3 CLO4 CLO5		
	8.1 1. Hiểu và Xây dựng mô hình AI 8.2. Ứng dụng và Triển khai AI vào thực tế Bài tập								
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Báo cáo tiểu luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ \ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2	CDR				

Giới thiệu Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng

Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Stuart Russell, Peter Norvig, *Artificial Intelligence: A Modern Approach*.

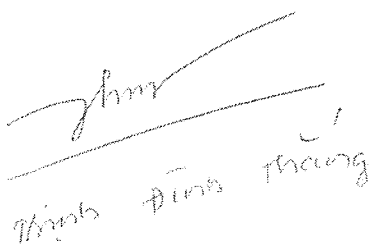
- Sách (TLTK) tham khảo:

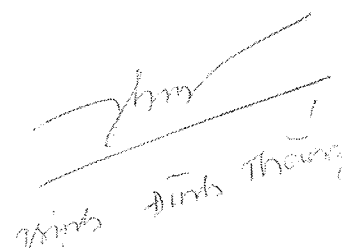
[2]. Ian Goodfellow, Yoshua Bengio, Aaron Courville – *Deep Learning*.

[3]. Christopher Bishop, *Pattern Recognition and Machine Learning*.

KHOA CNTT

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Minh Đình Thống


Minh Đình Thống

Bố cục tạo hình



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN BỐ CỤC TẠO HÌNH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Bố cục tạo hình
Tên học phần Tiếng Anh:	Composition and Form
Mã học phần:	06CQ1136
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần **Bố cục tạo hình** là học phần giúp sinh viên hiểu biết về cách thức xây dựng một bố cục tranh, phương pháp cơ bản về tạo hình nhân vật trong hội họa và đề xuất được một số phương án bố cục cho đối tượng người, chủ yếu lấy tư liệu từ môn hình họa cơ bản và ký họa.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bố cục tạo hình

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Vận dụng luật bố cục theo quan điểm mỹ thuật tạo hình vào thiết kế.	3.0	PLO2
CLO2	Phát triển tư duy sáng tạo trong xây dựng bố cục ứng dụng trong thiết kế đồ họa.	3.0	PLO3
CLO3	Tự nghiên cứu, thực nghiệm và phân tích bố cục từ tổng quát đến chi tiết.	4.0	PLO2
CLO4	Đánh giá và so sánh bố cục qua bài tập thực hành và tài liệu tham khảo.	5.0	PLO3
CLO5	Phát triển kỹ năng vẽ tay, tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề trong thiết kế.	6.0	PLO7

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Khái niệm về bố cục.	2		2		6			
	1.1 Đề tài và chủ đề 1.2 Hình tượng nhân vật 1.3 Nội dung và Hình thức (thủ pháp, bút pháp, phong cách) 1.4 Màu sắc và sắc độ 1.5 Hình, khoảng trống, đường nét 1.6 Yếu tố thị giác trong bố Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3

Bố cục tạo hình

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2-4	Chương 2: Các yếu tố vận hành trong bố cục	6		6		18			
	2.1 Tổng quát 2.2 Cân bằng và đối xứng 2.3 Chuyển động 2.4 Lược đồ, Nhịp điệu 2.5 Tâm điểm 2.6 Tương phản 2.7 Tỷ lệ và phối cảnh Bài tập							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề.	A1
5-7	Chương 3: Một số quy tắc cơ bản của bố cục	6		6		18	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A3
	3.1 Đối xứng tĩnh (Quy tắc chia ba) 3.2 Đối xứng động 3.3 Quy tắc số lẻ 3.4 Quy tắc đơn giản hóa 3.5 Một số điều cần tránh trong bố cục Bài tập								
8-11	Chương 4: Phương án bố cục	8		8		24		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;	A1
	4.1 Phương pháp lấy tư liệu và sử dụng tư liệu cho bố cục 4.2 Phương pháp vẽ phác thảo chỉ và bố cục đen trắng						CLO1 CLO3 CLO4 CLO5		A2 A3

Bố cục tạo hình

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	4.3 Phương pháp vẽ phác thảo màu, kỹ thuật sử dụng màu 4.4 Thực hành phương án bố cục người và nền (sử dụng mẫu) 4.5 Thực hành phương án bố cục đối tượng tự chọn Bài tập							- Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
12-15	Chương 5: Bố cục tranh	8		8		24	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	5.1 Bố cục tranh tĩnh vật (sử dụng mẫu) 5.2 Bố cục tranh chân dung (tự chọn) 5.3 Bố cục tranh phong cảnh (vẽ ngoài trời) 5.4 Bố cục tranh sinh hoạt 5.5 Bố cục tranh đồ họa Bài tập								
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10

Bổ cục tạo hình

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu:</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

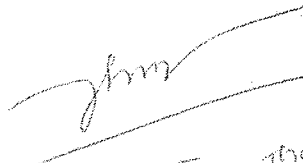
- Sách, giáo trình chính:

[1]. *L'art de la composition et du cadrage*, 1993, Đức, NXB Fleurus Idees, Paris. (Nghệ thuật bố cục khuôn hình: Dành cho hội họa, nhiếp ảnh, tranh truyện và quảng cáo, Đức Hòa dịch).

- Tài liệu tham khảo:

[2]. Ralph Fabri, 1974, *Artist's guide to Composition*, NXB Watson- Guptill.

KHOA CNTT


Minh Đinh Trang

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Trào Tuyết Nhàn

Anh văn chuyên ngành TKĐH



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH TKĐH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Anh văn chuyên ngành thiết kế đồ họa
Tên học phần Tiếng Anh:	English for Graphic Design
Mã học phần:	06CQ1137
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành giúp sinh viên củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng Anh văn chuyên ngành thiết kế đồ họa thông qua các bài đọc chọn lọc. Nội dung bao gồm:

- ✓ Kỹ năng đọc hiểu: đọc lướt, lấy thông tin chi tiết, chuyển đổi thông tin sang biểu bảng, sơ đồ...
- ✓ Phân tích cấu trúc câu để hiểu chính xác nội dung.

Anh văn chuyên ngành TKĐH

- ✓ Đoán nghĩa từ mới dựa vào ngữ cảnh.
- ✓ Tóm tắt ý chính, xác định câu chủ đề.
- ✓ Hiểu và phát âm chuẩn các thuật ngữ chuyên ngành.
- ✓ Sử dụng mẫu câu đàm thoại chuyên môn.
- ✓ Viết bài ngắn liên quan đến thiết kế đồ họa với ý và ngữ pháp phù hợp.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các kiến thức xã hội và cơ bản trong lĩnh vực mỹ thuật.	2.0	PLO4
CLO2	Phân tích và vận dụng thông tin từ tài liệu in, tài liệu điện tử vào thực tiễn.	3.0	PLO4
CLO3	Tổ chức kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực cá nhân hiệu quả.	4.0	PLO5
CLO4	Thể hiện kỹ năng giao tiếp đa phương tiện, thuyết trình và đọc hiểu tài liệu chuyên ngành.	3.0	PLO5
CLO5	Mô hình hóa các tiến trình và xu hướng phát triển của ngành Thiết kế đồ họa. Rèn luyện đạo đức và tinh thần học tập suốt đời.	3.0	PLO9

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	UNIT 1. HISTORY OF GRAPHIC DESIGN	2		2		6			A1 A3
	1.1. Pre-industrial design 1.2. Industrial design Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		
2	UNIT 2. THEORY OF DRAWING, COLOR,	2		2		6		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình	A1

Anh văn chuyên ngành TKĐH

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	COMPOSITION								
	2.1. Figure drawing 2.2. Sketch Bài tập								
3	UNIT 2. THEORY OF DRAWING, COLOR, COMPOSITION (tt)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO5		A3
	2.3. Color 2.4. Composition Bài tập							huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống	
4	UNIT 3. PERSPECTIVE	2		2		6		Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.	
	3.1. Point perspective 3.2. Color perspective 3.3. Light perspective Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
5	UNIT 4. CONCEPT DEVELOPMENT	2		2		6			A2
	4.1. Insight 4.2. Ideas Bài tập								
6	UNIT 4. CONCEPT DEVELOPMENT (tt)	2		2		6			A3
	4.3. Story 4.4. Content Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		
7	UNIT 5. PHOTOGRAPHY	2		2		6			
	5.1. Camera						CLO1	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình	A1

Anh văn chuyên ngành TKDH

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	5.2. Light Bài tập						CLO4 CLO5	hướng vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2 A3
8	UNIT 5. PHOTOGRAPHY (tt)	2		2		6			
	5.3. Adjust pictures Bài tập								
9	UNIT 6. COPYWRITE	2		2		6			
	6.1. Copywrite Bài tập								
10	UNIT 7. DESIGN FOR CIP	2		2		6			
	7.1. CIP for office 7.2. CIP for package Bài tập								
11	UNIT 7. DESIGN FOR CIP (tt)	2		2		6			
	7.3. Digital CIP Bài tập								
12	UNIT 8. ILLUSTRATION	2		2		6	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5		
	8.1. Illustration Bài tập								
13	UNIT 9. PRINTING PROCESS	2		2		6			
	9.1. Prepress Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5		
14	UNIT 9. PRINTING PROCESS (tt)	2		2		6			
	9.2. Press Bài tập								
15	UNIT 9. PRINTING PROCESS (tt)	2		2		6	CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lại tổng hợp lý thuyết, lồng ghép	A1

Anh văn chuyên ngành TKĐH

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	9.3. Postpress Tổng hợp kiến thức trọng tâm và ôn tập kiến thức Bài tập ôn tập						CLO5	tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2 A3
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Anh văn chuyên ngành TKĐH

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 3 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu:</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 8 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 9 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

[1] Linda Cooke, 1993, *English I for Graphic Design: Resource Booklet*, Media Algonquin.

Tài liệu tham khảo

[2] Võ Như Cầu, 2011, *Tiếng Anh trong xây dựng và kiến trúc = English on building & architecture*.

[3] Margaret Macintyre Latta, Elaine Chan, 2011, *Teaching the Arts to Engage English Language Learners*, NY. : Routledge, 2011.

KHOA CNTT

Phạm Đình Trường

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

Phạm Thanh Tùng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NGHỆ THUẬT CHỮ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Nghệ thuật chữ
Tên học phần Tiếng Anh:	Typography
Mã học phần:	06CQ1139
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Chữ chính là ý tưởng được viết ra thông qua một dạng tín hiệu về thị giác (visual form). Việc lựa chọn một dạng tín hiệu về thị giác từ hàng trăm, hàng ngàn kiểu chữ (typeface) khác nhau có thể ảnh hưởng đáng kể đến sự rõ ràng của việc thể hiện ý tưởng, cũng như cảm xúc của người đọc dành cho nó. Việc sử dụng chữ phù hợp có thể tạo ra những kết quả tác động đến cảm xúc một cách mạnh mẽ, hay thậm chí có thể thể hiện cá tính của một cá nhân hay một tổ chức. Môn học giới thiệu cho sinh viên các kiểu chữ cơ

Nghệ thuật chữ

bản, cấu trúc của chữ; bên cạnh đó, cung cấp kiến thức cho sinh viên thực tập về cách trình bày bố cục chữ trong thiết kế quảng cáo.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Vận dụng được các nguyên lý thiết kế đồ họa và màu sắc vào sản phẩm.	3.0	PLO4
CLO2	Phân tích, so sánh và lựa chọn giải pháp thiết kế phù hợp với từng bối cảnh.	4.0	PLO4
CLO3	Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian hiệu quả.	5.0	PLO6
CLO4	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp và cập nhật xu hướng mỹ thuật.	3.0	PLO2
CLO5	Ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào thiết kế in ấn, bao bì, quảng cáo và minh họa.	3.0	PLO4

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TYPOGRAP	4				10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	1.1. Khái niệm 1.2 Sơ lược lịch sử chữ viết của loài người 1.3 Lịch sử hình thành và phát triển 1.4 Phân loại Typograp Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		

Nghệ thuật chữ

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2-3	CHƯƠNG 2: CẤU TẠO CƠ BẢN CỦA CHỮ VÀ TỔ HỢP CHỮ	6		2		15			
	2.1. Giải phẫu chữ 2.2 Tổ hợp chữ 2.3 Ô lưới và cách sử dụng 2.4 Chữ và hình ảnh 2.5 Ứng dụng chữ trong ngành thi kế Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lại tổng hợp lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
4-5	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ TYPOGRAPHY	2		6		10			
	3.1 Thực hành thiết kế Typography 3.1.1 Bài tập về thị giác								
6-11	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ TYPOGRAPHY (tt)	10		14		25	CLO1 CLO3 CLO5		
	3.1 Thực hành thiết kế Typography 3.1.2 Thiết kế Typography Bài tập								
12-14	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ TYPOGRAPHY (tt)	6		6		20	CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
	3.2 Phân tích bài tập thiết kế Typography 3.2.1 Hướng dẫn phân tích 3.2.2 Báo cáo phân tích thiết kế Bài tập								
15	ÔN TẬP TỔNG HỢP	2		2		10	CLO3 CLO4 CLO5		
	1. Ôn tập kiến thức 2. Tổng hợp thực hành quan trọng Bài tập								
Tổng		30		30		90			

Nghệ thuật chữ

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0;5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Timothy Samara, 2004, *Typography Workbook: A Real - World Guide to Using Type in Graphic Design*, N.Y: Rockport.

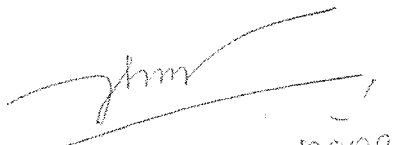
[2]. Ina Salts, 2009, *Typography Essentials: 100 design principles for working with type*, USA: Rockport.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. Steven Heller, Phillip B.Meggs, 2001, *Texts on type: Critical writings on typography*, New York: Allworth.

[4]. Phil Baines, Andrew Haslam, 2005, *Type & typography*, London: Laurence King.

KHOA CNTT


Trịnh Đình Thắng

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN


Trần Thị Nhàn Vi

Tin học chuyên ngành 1



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIN HỌC CHUYÊN NGÀNH 1

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tin học chuyên ngành 1
Tên học phần Tiếng Anh:	Computer Graphic 1- (Adobe Illustrator)
Mã học phần:	06CQ1140
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức sử dụng các công cụ và kỹ thuật để xử lý và trình bày và thiết kế các ấn phẩm quảng cáo cho cá nhân, doanh nghiệp bằng hình ảnh trên các thiết bị truyền thông trên phần mềm Adobe Illustrator

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Tin học chuyên ngành 1

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các nguyên lý, phương pháp sử dụng các công cụ, các hiệu ứng của phần mềm Adobe Illustrator	2.0	PLO2
CLO2	Ứng dụng các công cụ và các hiệu ứng của phần mềm Adobe Illustrator trong thiết kế ấn phẩm đồ họa.	3.0	PLO3
CLO3	Phân tích , sắp xếp các yếu tố nghệ thuật, những hiệu ứng kỹ xảo của phần mềm để xây dựng bản thiết kế hợp lý.	4.0	PLO4
CLO4	Rèn luyện tư duy sáng tạo, kiên trì và tinh thần học hỏi trong thực hành nghệ thuật.	3.0	PLO5
CLO5	Tra cứu và vận dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu tài liệu.	3.0	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Giới thiệu tổng quan về phần mềm Adobe Illustrator	4				6		Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	Chương 1. Giới thiệu tổng quan về phần mềm Adobe Illustrator 1.1. Tìm hiểu các thành phần giao diện chương trình: Các thành phần, cách cho ẩn hiện 1.2. Chọn công cụ làm việc 1.3. Làm việc với các Bảng (Panel) 1.4. Xác lập Fill color và Stroke color 1.5. Điều khiển tỉ lệ hiển thị (zoom) và cuộn bản vẽ 1.6. Tạo bản vẽ mới, mở file (Open), lưu file (Save)						CLO1 CLO2 CLO5		
2	Chương 2: Các công cụ vẽ trên phần mềm Adobe Illustrator	2		2		6			
	2.1. Tìm hiểu cấu trúc đường nét (Path, Segment, Anchor point, Direction							Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành	A1

Tin học chuyên ngành 1

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	point...) 2.2. Sử dụng các công cụ vẽ hình dạng: Rectangle, Ellipse, Polygon, Star... 2.3. Sử dụng các công cụ vẽ đường nét: Pencil, Pen... 2.4. Sử dụng các công cụ khác: Paintbrush, Symbol Sprayer... Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A3
3	Chương 2: Các công cụ vẽ trên phần mềm Adobe Illustrator (tt)	0		4		6			
	2.5. Một số thao tác chọn đối tượng. 2.6. Các thao tác xử lý hình. 2.7. công cụ trong bảng Pathfinder Bài tập								
4	Chương 2: Các công cụ vẽ trên phần mềm Adobe Illustrator (tt)	2		2		6			
	2.8. Xác lập thuộc tính Fill và Stroke 2.9. Các hiệu chỉnh của menu Stroke 2.10. Các ứng dụng của Fill và Stroke Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5		A1
5	Chương 3: Các công cụ tô vẽ trên phần mềm Adobe Illustrator	2		2		6			A2
	3.1. Nguyên lý tô màu Gradient 3.2. Phương pháp tô màu Gradient 3.3. Thực hành với các bài vẽ có sử dụng tô màu Gradient Bài tập								A3
6	Chương 3: Các công cụ tô vẽ trên phần mềm Adobe Illustrator (tt)	2		2		6			
	3.4. Công cụ Blend tool 3.5. Phương pháp tô màu với Blend 3.6. Thực hành với các bài vẽ có sử dụng Blend Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		
7	Chương 3: Các công cụ tô vẽ trên phần mềm Adobe Illustrator (tt)	2		2		6	CLO1 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành	A1

Tin học chuyên ngành 1

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	3.7. Công cụ Mesh tool 3.8. Phương pháp tô màu Mesh tool 3.9. Thực hành với các bài vẽ có sử dụng tô màu Mesh. Bài tập						CLO5	trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2 A3
8	Chương 4: Các thao tác với Text	2		2		6			
	4.1. Công cụ Text. 4.2. Thao tác với công cụ Text Bài tập								
9	Chương 4: Các thao tác với Text (tt)	2		2		6			
	4.3. Các hiệu ứng Text. 4.4. Chức năng Text Wrap 4.5. Thao tác chuyển Text thành path (Create Outline) Bài tập								
10	Chương 5: Các hiệu ứng trong Adobe Illustrator								
	5.1 Lệnh Clipping Mask 5.2 Sử dụng Perspective Grid Tool Bài tập								
11	Chương 5: Các hiệu ứng trong Adobe Illustrator (tt)	2		2		6			
	5.3 Lệnh hiệu ứng 3d 5.4 Sử dụng hiệu ứng 3d trong thiết kế đồ hoạ Bài tập								
12	Chương 5: Các hiệu ứng trong Adobe Illustrator (tt)	2		2		6	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5		
	5.5. Hiệu chỉnh các hiệu ứng artistic trong Illustrator. 5.6. Chuyển hình ảnh sang vector trong Illustrator. Bài tập								
13	Chương 5: Các hiệu ứng trong Adobe Illustrator (tt)								
	5.5. Hiệu chỉnh pattern trong Illustrator. 5.6. Sử dụng hiệu ứng pattern trong thiết kế đồ hoạ Bài tập								
14	Chương 5: Các hiệu ứng trong Adobe Illustrator (tt)	2		2		6	CLO1 CLO3	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành	A1

Tin học chuyên ngành 1

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	5.7. Hiệu chỉnh trong menu Effect trong Illustrator. 5.8. Chuyển hình ảnh sang vector trong Illustrator. 5.9. Những hiệu chỉnh khác Bài tập						CLO5	trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2
15	Ôn tập	2		2		6	CLO3 CLO4 CLO5		A3
	Tổng hợp kiến thức trọng tâm và ôn tập kiến thức Bài tập ôn tập								
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Làm bài tập trên lớp -Làm bài tập về nhà	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài đồ án theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Tin học chuyên ngành 1

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1-2 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3-4 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0;5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

[1] Weinmann, Elaine; Lourekas, Peter, 2013, *Illustrator CC: Visual QuickStart Guide*, NXB Peachpit Press.

Tài liệu tham khảo

[2] Lisa Fridsma, 2013, *Adobe Illustrator Visual QuickStart Guide by Lisa Fridsma*, NXB Pearson Education (US).

KHOA CNTT

gln
Minh Đình Thắng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

gln
Minh Đình Thắng

Tin học chuyên ngành 2



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TIN HỌC CHUYÊN NGÀNH 2

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Tin học chuyên ngành 2 (Adobe Photoshop)
Tên học phần Tiếng Anh:	Computer Graphic 2- (Adobe Photoshop)
Mã học phần:	06CQ1141
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức sử dụng các công cụ và kỹ thuật để xử lý hình ảnh và phương pháp trình bày thiết kế các ấn phẩm cho cá nhân, doanh nghiệp bằng hình ảnh trên các thiết bị truyền thông trên phần mềm Adobe Photoshop.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Tin học chuyên ngành 2

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các nguyên lý, phương pháp sử dụng các công cụ, các hiệu ứng của phần mềm Adobe Photoshop	2.0	PLO1
CLO2	Ứng dụng các công cụ và các hiệu ứng của phần mềm Adobe Photoshop trong thiết kế ấn phẩm đồ họa.	3.0	PLO3
CLO3	Phân tích , sắp xếp các yếu tố nghệ thuật, những hiệu ứng kỹ xảo của phần mềm Photoshop để xây dựng bản thiết kế hợp lý.	4.0	PLO4
CLO4	Rèn luyện tư duy sáng tạo, kiên trì và tinh thần học hỏi trong thực hành nghệ thuật.	3.0	PLO5
CLO5	Tra cứu và vận dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu tài liệu.	3.0	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Vai trò và tầm quan trọng của tin học chuyên ngành 2 đối với chuyên ngành Thiết kế đồ họa.	4				6			
	Chương 1: Vai trò và tầm quan trọng của tin học chuyên ngành 2 đối với chuyên ngành Thiết kế đồ họa. 1.1. Tổng quan về Adobe Photoshop 1.2. Vai trò, vị trí của phần mềm Adobe Photoshop trong thiết kế đồ họa. 1.3. Tầm quan trọng của phần mềm Adobe Photoshop trong thiết kế đồ họa. Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3

Tin học chuyên ngành 2

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 2: Các bước thực hành với phần mềm đồ họa Photoshop	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	2.1. Tìm hiểu các thành phần giao diện chương trình: Các thành phần, cách cho ẩn hiện các thành phần. 2.2. Chọn công cụ: Sử dụng chuột, sử dụng phím tắt 2.3. Làm việc với các Bảng (Panel) 2.4. Xác lập Foreground color và Background color 2.5. Điều khiển tỉ lệ hiển thị (zoom) và cuộn bản vẽ 2.6. Tạo bản vẽ mới, mở file (Open), lưu file (Save) Bài tập								A3
3	Chương 2: Các bước thực hành với phần mềm đồ họa Photoshop (tt)	0		4		6			
	2.7. Tổ chức các công cụ & nhóm công cụ cơ bản 2.8. Vùng chọn 2.8. Các hệ màu hiển thị trong Đồ họa in ấn và đồ họa kỹ thuật số/ digital. Bài tập								
4	Chương 3: Màu sắc và Sắc độ trong phần mềm photoshop	2		2		6	CLO1 CLO3 CLO5		A1
	3.1. Màu sắc 3.2. Hiệu chỉnh màu 3.3. Các phương pháp hiệu chỉnh màu sắc trong phần mềm photoshop Bài tập								A2
5	Chương 3: Màu sắc và Sắc độ trong phần mềm photoshop (tt)	2		2		6			A3
	3.4. Nguyên lý ánh sáng trong hình ảnh 3.5. Phương pháp cân bằng ánh sáng trong phần mềm Photoshop. 3.6. Thực hành với các hình ảnh Bài tập								
6	Chương 4: Cắt ghép hình ảnh trên phần mềm Adobe Illustrator (tt)	2		2		6			

Tin học chuyên ngành 2

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	3.4. Tách hình cơ bản Magic Eraser tool, Pen Tool 3.5. Tách hình nâng cao với mặt nạ Mask 3.6. Tách hình với hình nền phức tạp với Remove Tool hỗ trợ AI, công cụ Quick Action. Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		A1 A2 A3
7	Chương 4: Cắt ghép hình ảnh trên phần mềm Adobe Illustrator (tt) (tt)	2		2		6			
	3.7. Tách hình với hình nền phức tạp với Quick Selection Tool. 3.8. Tách hình với hình nền phức tạp với chanel. 3.9. Thực hành với các hình ảnh có nền phức tạp Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ	
8	Chương 5: Các thao tác với Text	2		2		6	CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ	
	4.1. Công cụ Text. 4.2. Thao tác với công cụ Text 4.3. Thao tác với các bài thực hành ứng dụng Text Bài tập								
9	Chương 5: Các thao tác với Text (tt)	2		2		6		Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính.	
	4.3. Các hiệu ứng Text. 4.4. Chức năng Text Wrap 4.5. Tạo hiệu ứng với Chữ Bài tập								
10	Chương 6: Các hiệu ứng filter							Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
	6.1. Lệnh Clipping Mask 6.2. Toàn bộ bộ lọc Làm mờ (ngoại trừ Làm mờ ống kính và Làm mờ thông minh) 6.3. Tất cả bộ lọc Biến dạng 6.4. Bộ lọc Nhiễu > Thêm nhiễu 6.5. Tất cả bộ lọc Chia điểm hình								

Tin học chuyên ngành 2

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá		
		LT	BT	TH	TL						
	ảnh 6.6. Tất cả bộ lọc Kết xuất (ngoại trừ Hiệu ứng ánh sáng) Bài tập										
11	Chương 6: Các hiệu ứng filter (tt)	2		2		6	CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3		
	6.7. Tất cả bộ lọc Làm sắc nét (ngoại trừ Làm sắc nét cạnh) 6.8. Các bộ lọc sau đây nằm trong Bộ lọc > Tạo kiểu: 6.9. Khuếch tán 6.10. Chạm nổi 6.11. Đường viền theo vết 6.12. Tất cả bộ lọc Video 6.13. Tất cả bộ lọc trong Bộ lọc > Khác Bài tập										
12	Chương 7: Tô vẽ - chấm sửa ảnh	2		2		6	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5				
	7.1. Công cụ Pentool. 7.2. Công cụ Brush Tool. 7.3. Công cụ chỉnh sửa hình ảnh. Bài tập										
13	Chương 8: Ứng dụng Photoshop trong thiết kế đồ họa	2		2		6					
	8.1. Quản lý bản vẽ thiết kế, làm việc nhóm để hoàn thiện thiết kế với Inlustrator/Final Art Work. 8.2. Kết hợp Photoshop các với các phần mềm khác. Bài tập										
14	Chương 8: Ứng dụng Photoshop trong thiết kế đồ họa (tt)	2		2		6	CLO1 CLO3 CLO5				
	8.3. Thiết kế chiến dịch quảng cáo sản phẩm. 8.4. Thiết kế poster với phần mềm Adobe Photoshop Bài tập										

Tin học chuyên ngành 2

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
15	Ôn tập	2		2		6			A1
	Tổng hợp kiến thức trọng tâm và ôn tập kiến thức						CLO3 CLO4 CLO5		A2
	Bài tập ôn tập								A3
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Làm bài tập trên lớp -Làm bài tập về nhà	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài đồ án theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Tin học chuyên ngành 2

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1-2-3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4-5 -6 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 7-8 -9 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

- [1] Trần Đình Khang, 2019, *Tự học Photoshop CC toàn tập*, NXB Bách khoa Hà Nội
- [2] Phạm Quang Huy, 2018, *Photoshop – Giáo trình xử lý ảnh*, NXB Thanh Niên

Tài liệu tham khảo

- [1] Andrew Faulkner & Conrad Chavez, 2021, *Adobe Photoshop Classroom in a book*, Adobe.

KHOA CNTT

Trần Đình Khang

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

Trần Đình Khang

Thiết kế trò chơi



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ TRÒ CHƠI

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế trò chơi
Tên học phần Tiếng Anh:	Game Design
Mã học phần:	06CQ1155
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Thiết kế trò chơi (Game Design) cung cấp kiến thức và kỹ năng về thiết kế, xây dựng và phát triển trò chơi điện tử. Sinh viên sẽ tìm hiểu các nguyên tắc thiết kế gameplay, cơ chế tương tác, xây dựng cốt truyện, đồ họa và âm thanh trong game. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng lập trình cơ bản và khả năng thiết kế trải nghiệm người chơi.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Thiết kế trò chơi

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhớ và hiểu được các định nghĩa, phân loại, thuật ngữ, mô hình tổ chức game.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích được ý tưởng, cách thức, đặc điểm, quy trình thiết kế các nhân vật và thiết kế bối cảnh trong game.	3.0	PLO3
CLO3	Nắm vững bố cục, ánh sáng và màu sắc trong mỹ thuật để thiết kế các nhân vật và thiết kế bối cảnh trong game.	3.0	PLO4
CLO4	Ứng dụng kiến thức cơ bản về thiết kế trò chơi theo các bước tuần tự, đảm bảo các yếu tố về logic, mỹ thuật và tạo cơ sở cho việc lập trình một trò chơi hoàn chỉnh.	4.0	PLO4
CLO5	Thể hiện đạo đức chuyên nghiệp, tính trung thực, bốn phân và trách nhiệm. Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực mỹ thuật.	3.0	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THIẾT KẾ TRÒ CHƠI	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giới thiệu môn học trong tổng thể Ngành học; Mục tiêu, mối quan hệ với các môn học khác trong chương trình đào tạo, yêu cầu cần đạt, phương pháp học, cách đánh giá, yêu cầu đối với sinh viên trong quá trình học Học ở lớp: Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; Học ở nhà: Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
1.1 1.2	Ứng dụng di động Phân loại trò chơi Bài tập vận dụng								
2	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THIẾT KẾ TRÒ CHƠI (TT)	2		2		6			
	1.3 Mô hình tổ chức nhóm thiết kế trò chơi 1.4 Quy trình thiết kế trò chơi. Bài tập vận dụng								

Thiết kế trò chơi

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TK TRÒ CHƠI (TT)	2		2		6			A1
	Bài tập vận dụng								A3
4	CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG TÀI LIỆU THIẾT KẾ TRÒ CHƠI	2		2		6			
	2.1 Xây dựng ý tưởng 2.2 Xây dựng cốt truyện 2.3 Xây dựng văn bản mô tả trò chơi Bài tập vận dụng								
5	CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG TÀI LIỆU TK TRÒ CHƠI (TT)	2		2		6			
	2.2 Xây dựng cốt truyện 2.3 Xây dựng văn bản mô tả trò chơi Bài tập vận dụng								
6	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ NHÂN VẬT TRÒ CHƠI	2		2		6			
	3.1 Đặc điểm cá nhân nhân vật 3.2 Nhân vật và gameplay. 3.3 Hành động của nhân vật Bài tập vận dụng								
7	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ NHÂN VẬT TRÒ CHƠI (TT)	2		2		6			
	3.4 Bóng của nhân vật. 3.5 Hoạt động dưới nước 3.6 Nhân vật nhiều chân. Bài tập vận dụng								
8	CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ GÓC NHÌN TRÒ CHƠI	2		2		6			
	4.1 Ý nghĩa của việc chọn góc nhìn trò chơi 4.2 Các dạng góc nhìn trong trò chơi 4.3 Vấn đề kiểm soát máy quay 4.4 Một số dạng góc nhìn trò chơi khác. Bài tập vận dụng								

CLO1
CLO2
CLO3
CLO4
CLO5

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống

Học ở lớp:

- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề.

Học ở nhà:

- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.
- Làm bài tập về nhà.

A1
A2
A3

Thiết kế trò chơi

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
9	CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ GÓC NHÌN TRÒ CHƠI (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3 A1 A2 A3
	4.5 Một số dạng góc nhìn trong trò chơi. 4.6 Chú ý khác. 4.7 Góc nhìn trong trò chơi nhiều người chơi. Bài tập vận dụng								
10	CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ TUƠNG TÁC TRÒ CHƠI	2		2		6	CLO1 CLO4 CLO5		
	5.1 Thiết kế điều khiển trò chơi 5.2 Thiết kế giao diện trò chơi. Bài tập vận dụng								
11	CHƯƠNG 6: THIẾT KẾ MÀN CHƠI TRONG TRÒ CHƠI	2		2		6			
	6.1 Khái niệm về màn chơi 6.2 Các bối cảnh thường gặp 6.3 Đặt tên trong màn chơi 6.4 Mối liên hệ giữa cốt truyện và màn chơi Bài tập vận dụng								
12	CHƯƠNG 6: TK MÀN CHƠI TRONG TRÒ CHƠI (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
	6.5 Beat chart 6.6 Bản đồ trò chơi 6.7 Một số kỹ thuật trong thiết kế Bài tập vận dụng								
13	CHƯƠNG 7: THIẾT KẾ MỘT SỐ YẾU TỐ KHÁC TRONG TRÒ CHƠI	2		2		6			
	7.1 Thiết kế âm thanh của trò chơi 7.2 Thiết kế đa người chơi Bài tập vận dụng								

Thiết kế trò chơi

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
14	CHƯƠNG 7: THIẾT KẾ MỘT SỐ YẾU TỐ KHÁC TRONG TRÒ CHƠI (TT)	2		2		6		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3 A1
	7.3 Thiết kế chiến đấu 7.4 Xuất bản trò chơi Bài tập vận dụng								
15	CHƯƠNG 8: NHỮNG VẤN ĐỀ TRONG THIẾT KẾ TRÒ CHƠI	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
	8.1 Các công cụ trong thiết kế trò chơi 8.2 Một số vấn đề cần quan tâm trong thiết kế trò chơi. 8.1 Các công cụ trong thiết kế trò chơi 8.2 Một số vấn đề cần quan tâm trong thiết kế trò chơi. Bài tập vận dụng							A2 A3	
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Đồ án môn học theo Quy định nhà trường		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Thiết kế trò chơi

Cấp độ	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Nội dung					
Chương 1, 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0.5
Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 6, 7 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 10%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

- [1]. Scott rogers (2010), *Level up! the guide to great video game design*. - John Wiley and Sons, Ltd
- [2]. Jesse Schell, Hùng Vũ (dịch), 2024 tái bản, *Nghệ thuật thiết kế Game*, NXB Dân Trí.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Michael Sellers, Hùng Vũ - MercTrans (dịch), 2024 tái bản, *Thiết kế Game nâng cao – Phương pháp tư duy hệ thống*, NXB Thế Giới.
- [2]. Steve Swink, Hùng Vũ, Kiên Xuân Võ (dịch), 2024 tái bản, NXB Thế Giới.
- [3]. Mike McShaffry và David "Rez" Graham (Fouth edition, 2013), *Game coding complete*- Nelson Education, Ltd, Canada
- [4]. Jesse Schell, 2008, *The Art of game design. A book of lenses* - Elsevier

KHOA CNTT

gmr
Minh Đình Thắng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

gmr
Minh Đình Thắng

Thiết kế sự kiện



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ SỰ KIỆN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế sự kiện
Tên học phần Tiếng Anh:	Event Design
Mã học phần:	06CQ1158
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học cung cấp kiến thức, phương pháp, quy trình từ lên ý tưởng thiết kế cho một chương trình sự kiện, phân tích mục tiêu và triển khai dự án phù hợp nhất trong lĩnh vực thiết kế đồ họa sự kiện. Phương pháp và quy trình thiết kế đồ họa một chương trình, sự kiện phù hợp mục đích, có tính quảng bá cao, có tính sáng tạo độc đáo, tạo được ấn tượng với khách hàng. Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực như: hội chợ, sự kiện quảng bá, lĩnh vực truyền thông

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Thiết kế sự kiện

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các nguyên lý, phương pháp thiết kế đồ họa sự kiện, tầm quan trọng của truyền thông sự kiện trong giao tế cộng đồng và xây dựng thương hiệu, quảng bá cho sản phẩm dịch vụ trên thị trường tiêu dùng.	2.0	PLO2
CLO2	Ứng dụng các thiết kế này cho các lĩnh vực như: hội chợ, sự kiện quảng bá, lĩnh vực truyền thông.	3.0	PLO2
CLO3	Phân tích sự kiện phù hợp mục đích, có tính quảng bá cao, có tính sáng tạo độc đáo, tạo được ấn tượng với khách hàng: nắm bắt đặc điểm từng lĩnh vực, ngành nghề: lên ý tưởng thiết kế cho một chương trình sự kiện, phân tích mục tiêu và triển khai dự án phù hợp nhất.	4.0	PLO3
CLO4	Rèn luyện tư duy sáng tạo, kiên trì và tinh thần học hỏi trong thực hành nghệ thuật.	3.0	PLO5
CLO5	Tra cứu và vận dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu tài liệu.	3.0	PLO5

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Thiết kế đồ họa sự kiện, tầm quan trọng của truyền thông sự kiện trong giao tế cộng đồng và xây dựng thương hiệu	4				6		Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	1.1. Khát quát về truyền thông cộng đồng 1.2. Vai trò, vị trí và tầm quan trọng của truyền thông sự kiện trong giao tế cộng đồng. 1.3. Truyền thông sự kiện xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm dịch vụ.						CLO1 CLO2 CLO5		
2	Chương 2: Nguyên lý và phương pháp thiết kế sự kiện truyền	4				6		Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành	A1

Thiết kế sự kiện

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	thông								
	2.1. Hiểu rõ được mục tiêu của doanh nghiệp. 2.2. Lên ý tưởng cho sự kiện 2.3. Trình bày ý tưởng và nội dung của sự kiện vừa được lên 2.4. Thiết kế các gian hàng sự kiện Bài tập								
3	Chương 3: Quy trình thiết kế hệ thống sự kiện hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm mới	4				6			
	2.5. Nghiên cứu tư liệu văn hóa, xã hội, môi trường, kinh tế, giải trí. 2.6. Khảo sát thực tế lấy thông tin và hình ảnh cho thiết kế sự kiện 2.7. Phác thảo ý tưởng 2.8. Thiết kế các hạng mục đúng quy chuẩn Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A3
4	Chương 3: Quy trình thiết kế hệ thống sự kiện hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm mới (tt)	2		2		6			
	2.9. Thiết kế, bày trí không gian trong và ngoài sự kiện 2.10. Màu sắc trong thiết kế sự kiện - Thiết kế Tông lạnh - Thiết kế Tông nóng - Thiết kế Tông kết hợp Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
5	Chương 3: Quy trình thiết kế hệ	2		2		6	CLO1	Dạy: GV giảng lý	A1

Thiết kế sự kiện

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	thống sự kiện hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm mới (tt)								
	2.11. Ánh sáng trong thiết kế sự kiện 2.12. Bố trí ánh sáng trong thiết kế sự kiện 2.13. Hiệu ứng ánh sáng trong thiết kế sự kiện Bài tập						CLO3 CLO5		
6	Chương 3: Quy trình thiết kế hệ thống sự kiện hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm mới (tt)	2		2		6		thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2
	2.14. Màng khối trong thiết kế sự kiện 2.15. Gian hàng trong sự kiện 2.16. Các kiểu gian hàng phổ biến Bài tập								
7	Chương 4: Phương pháp thiết kế gian hàng trong sự kiện	4		0		6			A3
	4.1. Tìm ý tưởng 4.2. Phác thảo ý tưởng thiết kế 4.3. Dựng gian hàng 3D Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		
8	Chương 4: Phương pháp thiết kế gian hàng trong sự kiện (tt)			4		6			
	4.4. Tìm ý tưởng thiết kế gian hàng trong sự kiện hội chợ - Tìm ý tưởng - Phác thảo ý tưởng thiết kế - Dựng gian hàng 3D Bài tập								
9	Chương 4: Phương pháp thiết kế	2		2		6	CLO1	Day: GV giảng lý	A1

Thiết kế sự kiện

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	gian hàng trong sự kiện (tt)								
	4.5. Tìm ý tưởng thiết kế gian hàng trong sự kiện triển lãm - Tìm ý tưởng - Phác thảo ý tưởng thiết kế - Dựng gian hàng 3D Bài tập								
10	Chương 4: Phương pháp thiết kế gian hàng trong sự kiện (tt)	2		2		6	CLO4 CLO5	thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2
	4.6. Tìm ý tưởng thiết kế gian hàng trong sự kiện giới thiệu sản phẩm - Tìm ý tưởng - Phác thảo ý tưởng thiết kế - Dựng gian hàng 3D Bài tập								A3
11	Chương 4: Phương pháp thiết kế gian hàng trong sự kiện (tt)	2		2		6			
	4.7. Tìm ý tưởng thiết kế gian hàng trong sự kiện tại trung tâm thương mại - Tìm ý tưởng - Phác thảo ý tưởng thiết kế - Dựng gian hàng 3D Bài tập								
12	Chương 5: Thực hiện đồ án thiết			4		6	CLO1	Day: GV giảng lý	A1

Thiết kế sự kiện

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	kế gian hàng sự kiện.								
	5.1. Chọn sự kiện thiết kế - Tìm ý tưởng - Phác thảo ý tưởng thiết kế - Dựng gian hàng 3D Bài tập						CLO3 CLO4 CLO5		
13	Chương 5: Thực hiện đồ án thiết kế gian hàng sự kiện (tt)			4		6			
	5.2. Tạo file thiết kế - Thực hiện trên phần mềm 3D - chỉnh sửa và lên hiệu ứng Bài tập							thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính.	A2
14	Chương 5: Thực hiện đồ án thiết kế gian hàng sự kiện (tt)			4		6			
	5.3. Lên mô hình thiết kế - Thực hiện mô hình - chỉnh sửa và tạo hiệu ứng - Hoàn thiện mô hình Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5	Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A3
15	Ôn tập	2		2		6			
	Tổng hợp kiến thức trọng tâm và ôn tập kiến thức Nhận xét sản phẩm Thiết kế						CLO3 CLO4 CLO5		
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thiết kế sự kiện

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Làm bài tập ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài đồ án theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1-2 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3-4 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỷ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỷ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Thiết kế sự kiện

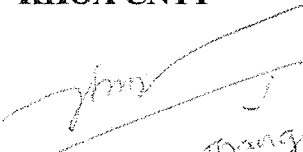
Giáo trình

- [1] Derek Yates and Jessie Price, 2021, *Communication Design*, Fairchild Books
- [2] Rebecca Houze, 2021, *New Mythologies in Design and Culture : Reading Signs and Symbols in the Visual Landscape*, Bloomsbury Visual Arts

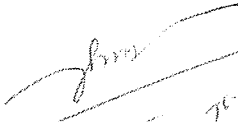
Tài liệu tham khảo

- [1] Anitra Nottingham and Jeremy Stout, 2021, *The Graphic Design Process*, Bloomsbury Visual Arts.

KHOA CNTT


Nguyễn Đình Trường

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Nguyễn Đình Trường

Quản lý dự án Công nghệ thông tin



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN LÝ DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản lý dự án Công nghệ thông tin
Tên học phần Tiếng Anh:	Information Technology Project Management
Mã học phần:	06CQ0674
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	ThS. Trịnh Đình Thắng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	ThS. Trịnh Đình Thắng
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Quản lý dự án Công nghệ thông tin là học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản lý dự án phần mềm bao gồm: Quản lý phạm vi, thời gian, chi phí, chất lượng, nhân lực, giao tiếp, rủi ro và mua sắm thuê mướn (procurement); Sinh viên cũng được học chức năng và nhiệm vụ của 5 nhóm làm việc chính trong các dự án: khởi đầu (initiating), lập kế hoạch (planing), thực thi (executing), kiểm soát (controlling) và kết thúc (closing).

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Quản lý dự án Công nghệ thông tin

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các khái niệm liên quan, vai trò các thành viên, các phương pháp và kỹ thuật trong lập kế hoạch cho dự án, giám sát và điều khiển quá trình phát triển dự án.	2.0	PLO2
CLO2	Vận dụng được các kiến thức về quản lý dự án để quản lý và điều hành dự án.	3.0	PLO2
CLO3	Thực hiện lập kế hoạch cho dự án công nghệ phần mềm và giám sát và điều khiển quá trình phát triển dự án.	3.0	PLO5
CLO4	Thực hiện quản lý dự án, bao gồm các phần mềm quản lý dự án, các phương pháp đánh giá chất lượng và các kỹ thuật giám sát và điều khiển quá trình phát triển dự án.	3.0	PLO5
CLO5	Chủ động tự học tập kiến thức mới và nghiên cứu chuyên sâu. Hợp tác tốt với đồng nghiệp, nâng cao khả năng giải quyết vấn đề	3.0	PLO9

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Giới thiệu Tổng quan Chương 2. Các nhóm tác vụ trong quản trị dự	4				10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.	A1
	Chương 1. Giới thiệu Tổng quan 1.1. Ôn lại về quy trình RUP, các công đoạn / nhóm tác vụ cốt lõi của quá trình sản xuất phần mềm 1.2. Vai trò của công tác quản lý dự án 1.3. Mục tiêu của công tác quản lý dự án 1.4. Các điều kiện cần thiết cho công tác quản lý dự án Chương 2. Các nhóm tác vụ trong quản trị dự án phần mềm thực tế 2.1. Nhóm 1: xây dựng kế hoạch thực hiện dự án 2.2. Nhóm 2: theo dõi, kiểm soát công việc hiện thực trong thực tế và hiệu chỉnh kế hoạch tương ứng 2.3. Nhóm 3: báo cáo thông kê số liệu						CLO1 CLO2 CLO5	Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A3

Quản lý dự án Công nghệ thông tin

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	công việc 2.4. Nhóm 4: quản lý và phát triển con người 2.5. Nhóm 5: đảm bảo quy trình và chất lượng dự án; quản lý cấu hình Bài tập								
2	Chương 3. Quy trình trong dự án	4				10			
	3.1. Các hạng mục quản lý 3.2. Chu trình phát triển dự án đơn 3.3. Chu trình phát triển dự án phức hợp 3.4. Các quy trình con trong quản lý Bài tập								
3	Chương 4. Lập dự toán dự án và ước lượng kích thước dự án	4				10	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	4.1. Dự toán phần mềm và phương pháp giải quyết 4.2. Tổng quan về phân rã và các phương pháp ước lượng kích thước / độ lớn phần mềm 4.3. Phương pháp ước lượng FPA Function Point Analysis 4.4. Lập dự toán dự án chi tiết 4.5. Xây dựng kế hoạch nhân sự cho dự toán Bài tập								
4	Chương 5. Xây dựng thời biểu thực hiện dự án	4				10			
	5.1. Các điều kiện ràng buộc 5.2. Kỹ thuật xây dự thời biểu 5.3. Tối ưu kế hoạch với phương pháp con đường nguy hiểm (CPM) 5.4. Sơ đồ PERT, đường găng và phương pháp tối ưu kế hoạch với chi phí tối thiểu 5.5. Sơ đồ mạng Sơ đồ GANT và Microsoft Project Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
5	Chương 6. Xây dựng kế hoạch dự	4				10	CLO1	Dạy: GV giảng lý	A1

Quản lý dự án Công nghệ thông tin

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	án								
	6.1. Kế hoạch kiểm tra chương trình 6.2. Kế hoạch nghiệm thu chương trình 6.3. Kế hoạch phát triển dự án phần mềm 6.4. Kế hoạch huấn luyện kỹ thuật 6.5. Kế hoạch phối hợp làm việc với các bộ phận khác 6.6. Kế hoạch quản lý tài nguyên Bài tập						CLO3 CLO5		
6	Chương 7. Quản lý con người/nhóm	4				10		thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2 A3
	7.1. Các vấn đề trong quản lý con người / nhóm trong dự án 7.2. Các vấn đề trong phát triển con người/nhóm trong dự án 7.3. Các vấn đề trong nhận xét – đánh giá con người / nhóm trong dự án 7.4. Giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan dự án 7.5. Rủi ro và các VD liên quan dự án 7.6. Phương pháp tổ chức nhóm (dạng theo chức năng, phân cấp, hỗn hợp) Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		
7	Chương 8. Quản lý rủi ro	4				10			
	8.1. Quy trình và PP quản lý rủi ro 8.2. Các ví dụ điển hình (case study) 8.3. Các rủi ro trong CN phần mềm Bài tập								
8	Chương 9. Quản lý chất lượng	2				0			
	9.1. Xây dựng mục tiêu chất lượng 9.2. Các tác vụ thực hiện 9.3. Kế hoạch phòng chống lỗi Ôn tập kiến thức Bài tập						CLO3 CLO4 CLO5		
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Quản lý dự án Công nghệ thông tin

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 7 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 8 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 9 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

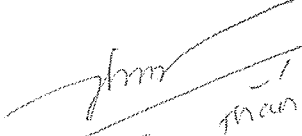
Quản lý dự án Công nghệ thông tin

[1] Phạm Thảo, 2019, *Bài Giảng Quản lý dự án Công nghệ thông tin*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân

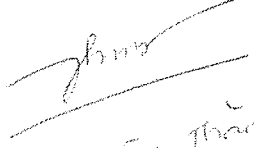
Tài liệu tham khảo

[2] *A Guide to the Project Management Body of Knowledge*, 2021, PMI

KHOA CNTT


Phạm Thảo

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Phạm Thảo

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Luật Sở hữu trí tuệ
Tên học phần Tiếng Anh:	Law on intellectual property
Mã học phần:	06CQ0214
Thuộc khối kiến thức:	Giáo dục chuyên nghiệp
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Kinh tế - Quản trị - Luật
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Luật sở hữu trí tuệ là học phần cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế, giúp người học nắm bắt những kiến thức cơ bản về khái niệm chung luật sở hữu trí tuệ Việt Nam, các đối tượng sở hữu trí tuệ, xác lập quyền, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cơ chế bảo vệ.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giúp sinh viên nhận biết vị trí của Luật sở hữu trí tuệ trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Các đặc trưng cơ bản của mỗi bộ phận của quyền SHTT (quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác). Nắm được các căn cứ xác lập, chấm dứt quyền SHTT; thời hạn bảo hộ đối với các đối tượng SHTT. Nhận diện được các đối tượng khác nhau của quyền SHTT Nắm được các cách thức và điều kiện để chuyển giao quyền SHTT. Mô tả được hệ thống các khái niệm cơ bản liên quan đến SHTT. Mô tả được các biện pháp bảo vệ quyền SHTT.	4.0	PLO1
CLO2	Vận dụng được những quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến bảo hộ quyền SHTT. Có kỹ năng lập luận, tranh luận để bảo vệ quan điểm cá nhân. Có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp. Hình thành kỹ năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	4.0	PLO6
CLO3	Có kỹ năng tư vấn pháp luật về trình tự, thủ tục, giải quyết. Có khả năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp.	4.0	PLO6
CLO4	Phát triển khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Phát triển kỹ năng tư duy sáng tạo, độc lập nghiên cứu.	4.0	PLO8
CLO4	Trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân. Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.	4.0	PLO9
CLO4	Hình thành tính tự tin, tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu khoa học. Hình thành ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT. Nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của môn học	4.0	PLO10
CLO4	Kích thích niềm say mê sáng tạo trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, khoa học, sản xuất và kinh doanh. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, tỉ mỉ trong nghiên cứu.	4.0	PLO10
CLO4	Tạo ra thái độ đúng đắn trong việc nhận thức về tầm quan trọng của pháp luật và biết phê phán những hành vi vi phạm pháp luật. Có ý thức tuân thủ pháp luật và tuyên truyền pháp luật SHTT trong cộng đồng để góp phần nâng cao nhận thức của công chúng trong việc bảo hộ quyền SHTT.	4.0	PLO10

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	4				10			A1
	Bài 1. KHÁI LUẬN SỞ HỮU TRÍ TUỆ 1. Sở hữu trí tuệ là gì? 2. Đặc điểm của SHTT.						CLO1 CLO2	Đạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A3
2-3	CHƯƠNG II. QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN TÁC GIẢ	8				20			
	Bài 2. NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ QUYỀN TÁC GIẢ - QUYỀN LIÊN QUAN 1. Khái quát về quyền tác giả 2. Căn cứ phát sinh, nội dung quyền tác giả và thời hạn bảo hộ quyền tác giả. 3. Quyền liên quan đến quyền tác giả. 4. Chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan. 5. Chứng nhận đăng ký quyền tác giả - quyền liên quan. 6. Các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan.						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4		A1 A2 A3
4-6	CHƯƠNG III. QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP	12				25			A1
	Bài 3. SÁNG CHẾ 1. Khái niệm, phân loại, đặc điểm sáng chế 2. Bảo hộ sáng chế 3. Xâm phạm quyền sáng chế và giải pháp hữu ích						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Đạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.	A2 A3

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Bài 4. NHÃN HIỆU 1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại 2. Điều kiện công nhận nhãn hiệu 3. Bảo hộ quyền đối với nhãn hiệu BÀI 5. CÁC ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP KHÁC 1. Kiểu dáng công nghiệp 2. Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn 3. Chỉ dẫn địa lý 4. Tên thương mại 5. Bí mật kinh doanh Bài 6. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP 1. Chuyển nhượng đối tượng quyền sở hữu 2. Chuyển nhượng quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp 3. Chuyển giao bắt buộc quyền sáng chế						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
7-8	CHƯƠNG IV. QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG	6				15			
	Bài 7. QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG 1. Khái quát về quyền đối với giống cây trồng 2. Xác lập quyền sở hữu đối với giống cây trồng Ôn tập						CLO1 CLO2		A1 A3
	Tổng	30				70			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần (Quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO4	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của Trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1 (Tỉ lệ: 20%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 3 (Tỉ lệ: 60%)</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng cộng: 5 câu (Tỉ lệ: 100%)	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 1.5</i> <i>Tỉ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 1.5</i> <i>Tỉ lệ 30%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ 20%</i>	<i>Số câu: 0</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Tài liệu/giáo trình chính:

- [1] Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2020), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ*, NXB Hồng Đức – Hội Luật gia Việt Nam.
- [2] Luật sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung 2009, 2019; Nghị định 22/2018/NĐCP và Nghị định 131/2013 của Chính Phủ

Tài liệu tham khảo/bổ sung

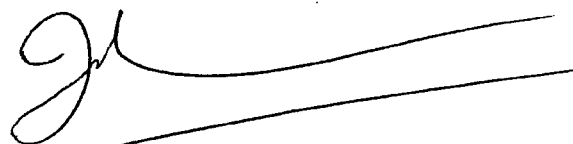
- [3] Lê Nết (2006). *Quyền sở hữu trí tuệ*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [4] Viện Khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (2004). *Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thanh Tâm (2006). *Quyền sở hữu công nghiệp trong hoạt động thương mại*, NXB Tư Pháp.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Văn Dũng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Nguyễn Năng Quang

Thiết kế nhận diện thương hiệu



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế nhận diện thương hiệu
Tên học phần Tiếng Anh:	Brand identity Design
Mã học phần:	06CQ1142
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần **Thiết kế nhận diện thương hiệu** trang bị cho sinh viên những kiến cơ bản về thiết kế đồ họa cho hình ảnh nhận diện thương hiệu. Môn học tập trung vào các nội dung chính như: Tổng quan thiết kế đồ họa trong hình ảnh nhận diện thương hiệu: khái niệm cơ bản về thương hiệu, vai trò của việc thiết kế đồ họa cho hình ảnh nhận diện thương hiệu... Quy trình thiết kế đồ họa cho hình ảnh nhận diện thương hiệu: Nghiên cứu, xác định chiến lược quảng cáo, thiết kế bản sắc thương hiệu, thiết kế bộ đồ họa cho hình ảnh nhận diện thương hiệu, bảo hộ bộ đồ họa cho hình ảnh nhận diện thương hiệu. Thiết kế đồ họa cho hình ảnh nhận diện thương hiệu: quy trình, yêu cầu chung, quy chuẩn thiết kế logo, bộ văn phòng, bộ ấn phẩm truyền thông và một số các ấn phẩm khác.

Thiết kế nhận diện thương hiệu

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhớ và hiểu được các khái niệm cơ bản về thương hiệu, vai trò và xu hướng của việc thiết kế đồ họa cho hình ảnh nhận diện thương hiệu hiện nay.	2.0	PLO2
CLO2	Phân tích được quy trình thiết kế đồ họa cho hình ảnh nhận diện thương hiệu như: Nghiên cứu, xác định chiến lược quảng cáo, thiết kế bản sắc thương hiệu, thiết kế bộ đồ họa cho hình ảnh nhận diện thương hiệu, bảo hộ bộ đồ họa cho hình ảnh diện thương hiệu.	3.0	PLO2
CLO3	Phân tích được quy trình, yêu cầu chung, quy chuẩn thiết kế logo, bộ văn phòng, bộ ấn phẩm truyền thông và một số các ấn phẩm khác.	3.0	PLO3
CLO4	Vận dụng để thiết kế bộ đồ họa cho hình ảnh nhận diện thương hiệu bao gồm: Thiết kế logo, bộ văn phòng, bộ ấn phẩm truyền thông và một số các ấn phẩm khác.	4.0	PLO5
CLO5	Rèn luyện tư duy sáng tạo, kiên trì và tinh thần học hỏi trong thực hành nghệ thuật	3.0	PLO5

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN; KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU	2		2		6			

Thiết kế nhận diện thương hiệu

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1.1	Khái niệm cơ bản về thương hiệu 1.2 Thiết kế đồ họa trong việc xây dựng hình ảnh nhận diện thương hiệu Bài tập vận dụng						CLO1	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bài giảng thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
2	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		6	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
	1.2 Thiết kế đồ họa trong việc xây dựng hình ảnh nhận diện thương hiệu (tt) Bài tập vận dụng								A3
3	CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU	2		2		6			A1 A2 A3
	2.1. Tiến hành nghiên cứu Bài tập vận dụng								
4	CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		6			
	2.2. Xác định chiến lược quảng cáo Bài tập vận dụng								
5	CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		6			
	2.3. Thiết kế bản sắc thương hiệu Bài tập vận dụng								
6	CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		6			
	2.4. Thiết kế đồ họa Bài tập vận dụng								

Thiết kế nhận diện thương hiệu

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
7	CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		6			
	2.5. Bảo hộ bộ đồ họa cho hình ảnh nhận diện thương hiệu Bài tập vận dụng								
8	CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU	2		2		6			
	3.1. Thiết kế logo Bài tập vận dụng								
9	CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU	2		2		6			
	3.1. Thiết kế logo (tt) Bài tập vận dụng						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
10	CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		6			
	3.2. Thiết kế bộ văn phòng Bài tập vận dụng								
11	CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		6			
	3.2. Thiết kế bộ văn phòng (tt) Bài tập vận dụng								
12	CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		6			
	3.3. Thiết kế bộ ấn phẩm truyền thông Bài tập vận dụng								

Thiết kế nhận diện thương hiệu

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
13	CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	3.3. Thiết kế bộ ấn phẩm truyền thông (tt) Bài tập vận dụng								
14	CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		6			A2
	3.4. Thiết kế các ấn phẩm khác Bài tập vận dụng								A3
15	CHƯƠNG 3. THIẾT KẾ ĐỒ HỌA CHO HÌNH ẢNH NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		6			
	3.4. Thiết kế các ấn phẩm khác (tt) Bài tập vận dụng								
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Đồ án môn học theo Quy định của nhà trường		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Thiết kế nhận diện thương hiệu

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0.5
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 0.5 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 0.5 Tỉ lệ: 10%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

[1] RIO Creative, 1997, *Nhận diện thương hiệu - Những điểm chạm thị giác*, NXB Lao Động.

[2] Phạm Như Linh (cb), Lê Hoàng Nam, Đỗ Trần Ngọc Anh, 2016, *Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu*, Trường Đại học Mỹ Thuật TP.HCM.

Tài liệu tham khảo

[1]. Alina Wheeler, 2009, *Designing Brand Identity*.

[2]. Nguyễn Thanh Phương, 2006, *Thiết kế quảng cáo*, NXB Văn hóa Sài Gòn.

[3]. Richard Moore Associates, 2023, *Kiến tạo chiến lược hình ảnh thương hiệu*, NXB Dân Trí.

[4]. Alan Swan, 2010, *Design & Layout*, NXB Trẻ, TP. HCM.

KHOA CNTT

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

gim
Minh Đình Trang

Thảo Thù
Thảo Thù Nhã Vi

Thiết kế nhân vật



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ NHÂN VẬT

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế nhân vật
Tên học phần Tiếng Anh:	Character Design
Mã học phần:	06CQ1143
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức thiết kế đồ họa kỹ thuật số nâng cao, và phương pháp thiết kế nhân vật kỹ thuật số chuyên ngành. Ứng dụng trong thiết kế nhân vật game, phim và trong thiết kế đồ họa ứng dụng: thiết kế nhân vật biểu tượng đại diện cho thương hiệu, sản phẩm hay nhân vật biểu tượng trong các sự kiện văn hoá – thể thao – nghệ thuật.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Thiết kế nhân vật

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các nguyên lý, phương pháp kiến thức thiết kế đồ họa kỹ thuật số nâng cao và phương pháp thiết kế nhân vật kỹ thuật số chuyên ngành	2.0	PLO2
CLO2	Ứng dụng các phương pháp thiết kế nhân vật game, phim và thiết kế nhân vật biểu tượng đại diện cho thương hiệu, sản phẩm hay nhân vật biểu tượng trong các sự kiện văn hoá-thể thao-nghệ thuật.	3.0	PLO2
CLO3	Phân tích , thiết kế các sản phẩm vẽ kỹ thuật số nhân vật game, phim hay nhân vật biểu tượng trong các sự kiện văn hoá-thể thao-nghệ thuật, nhân vật biểu tượng đại diện cho thương hiệu, sản phẩm.	4.0	PLO3
CLO4	Rèn luyện tư duy sáng tạo, kiên trì và tinh thần học hỏi trong thực hành nghệ thuật.	3.0	PLO5
CLO5	Tra cứu và vận dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu tài liệu.	3.0	PLO5

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Nghệ thuật minh họa và thiết kế nhân vật kỹ thuật số chuyên ngành	4				6	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	Chương 1: Nghệ thuật minh họa và thiết kế nhân vật kỹ thuật số chuyên ngành 1.1. Tổng quan nghệ thuật minh họa và thiết kế nhân vật 1.2. Tổng quan thiết kế nhân vật trên mặt phẳng 2 chiều 1.3. Tổng quan thiết kế nhân vật trong không gian kỹ thuật số 1.4. Phương pháp thiết kế nhân vật KTS chuyên ngành								
2	Chương 2: Phương pháp thiết kế	2		2		6		Dạy: GV giảng lý	A1

Thiết kế nhân vật

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	nhân vật biểu tượng và Nhân vật đồ họa ứng dụng								
	2.1. Các nguyên lý cơ bản trong thiết kế nhân vật ứng dụng. 2.2. Phân biệt nhân vật game, phim và Nhân vật biểu tượng đại diện cho thương hiệu, sản phẩm 2.3. Tổng quan các phương pháp thiết kế nhân vật minh họa, game, phim hoạt hình và nhân vật biểu tượng trong các sự kiện văn hoá-thể thao-nghệ thuật 2.4. Tổng quan phương pháp thiết kế nhân vật vật biểu tượng đại diện cho thương hiệu, sản phẩm Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A3
3	Chương 2: Phương pháp thiết kế nhân vật biểu tượng và Nhân vật đồ họa ứng dụng (tt)	0		4		6			
	2.5. Quy trình thiết kế nhân vật 2.6. Phát triển concept 2.7. Tạo hồ sơ cho nhân vật 2.8. Nghiên cứu khán giả mục tiêu 2.9. Tập hợp hình ảnh tham khảo 2.10. Định hình phong cách Bài tập								
4	Chương 2: Phương pháp thiết kế nhân vật biểu tượng và Nhân vật đồ họa ứng dụng (tt)	2		2		6			A1
	2.11. Tầm quan trọng của màu sắc trong Thiết kế Nhân vật. 2.12. Thiết kế Tong lạnh 2.13. Thiết kế Tong nóng 2.14. Thiết kế Tong kết hợp Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5		A2 A3
5	Chương 2: Phương pháp thiết kế	2		2		6	CLO1	Dạy: GV giảng lý	A1

Thiết kế nhân vật

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	nhân vật biểu tượng và Nhân vật đồ họa ứng dụng (tt)								
	2.15. Tầm quan trọng của đường nét và mảng khối trong TK Nhân vật. 2.16. Đường nét trong Thiết kế Nhân vật. 2.17. Mảng khối trong Thiết kế Nhân vật Thiết kế Tổng kết hợp Bài tập						CLO3 CLO5		
6	Chương 2: Phương pháp thiết kế nhân vật biểu tượng và Nhân vật đồ họa ứng dụng (tt)	2		2		6			
	2.18. Các sắc thái biểu cảm trong thiết kế Nhân vật. 2.19. Phương pháp thiết kế Nhân vật vui vẻ, phát thích, ... 2.20. Phương pháp thiết kế Nhân vật buồn, cáu giận, ... Bài tập							thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2
7	Chương 2: Phương pháp thiết kế nhân vật biểu tượng và Nhân vật đồ họa ứng dụng (tt)	2		2		6			
	2.21. Phương pháp thiết kế Nhân vật trẻ nhỏ. 2.22. Phương pháp thiết kế Nhân vật người trưởng thành. 2.23. PP thiết kế Nhân vật người già. Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		A3
8	Chương 3: Thiết kế nhân vật đồ họa ứng dụng	2		2		6			
	3.1. Các thể loại phong cách thiết kế nhân vật minh họa. 3.2. Các phương pháp thiết kế nhân vật minh họa. 3.3. Chọn chủ đề 3.4. Lên ý tưởng thiết kế 3.5. Thực hiện vẽ kỹ thuật số Bài tập								
9	Chương 3: Thiết kế nhân vật đồ	2		2		6	CLO1	Dạy: GV giảng lý	A1

Thiết kế nhân vật

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	hoạ ứng dụng (tt)								
	3.6. Các thể loại phong cách thiết kế nhân vật hoạt hình 3.7. Các phương pháp thiết kế nhân vật hoạt hình. 3.8. Chọn chủ đề. 3.9. Lên ý tưởng thiết kế 3.10. Thực hiện vẽ kỹ thuật số Bài tập								
10	Chương 3: Thiết kế nhân vật đồ hoạ ứng dụng (tt)	2		2		6	CLO4 CLO5	thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2 A3
	3.11. Các thể loại phong cách thiết kế nhân vật game. 3.12. Các phương pháp thiết kế nhân vật Game. 3.13. Chọn chủ đề. 3.14. Lên ý tưởng thiết kế 3.15. Thực hiện vẽ kỹ thuật số Bài tập								
11	Chương 4: Thiết kế nhân vật đồ hoạ ứng dụng biểu tượng	2		2		6			
	4.1. Các thể loại phong cách thiết kế nhân vật biểu tượng các sự kiện 4.2. Các phương pháp thiết kế nhân vật biểu tượng các sự kiện 4.3. Chọn chủ đề 4.4. Lên ý tưởng thiết kế 4.5. Thực hiện vẽ kỹ thuật số Bài tập								
12	Chương 4: Thiết kế nhân vật đồ	2		2		6	CLO1	Dạy: GV giảng lý	A1

Thiết kế nhân vật

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	hoạ ứng dụng biểu tượng (tt)								
	4.1. Các thể loại phong cách thiết kế nhân vật biểu tượng đại diện cho thương hiệu. 4.2. Các phương pháp thiết kế nhân vật biểu tượng các thương hiệu. 4.3. Chọn chủ đề 4.4. Lên ý tưởng thiết kế 4.5. Thực hiện vẽ kỹ thuật số Bài tập						CLO3 CLO4 CLO5	thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.	
13	Chương 4: Thiết kế nhân vật đồ hoạ ứng dụng biểu tượng (tt)	2		2		6			
	4.1. Các thể loại phong cách thiết kế nhân vật biểu tượng đại diện cho nhãn hàng. 4.2. Các phương pháp thiết kế nhân vật biểu tượng các nhãn hàng 4.3. Chọn chủ đề 4.4. Lên ý tưởng thiết kế 4.5. Thực hiện vẽ kỹ thuật số Bài tập							Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2 A3
14	Chương 5: Thiết kế nhân vật đồ hoạ ứng dụng biểu tượng (tt)	2		2		6			
	4.1. Các thể loại phong cách thiết kế nhân vật biểu tượng đại diện cho . 4.2. Các phương pháp thiết kế nhân vật biểu tượng các nhãn hàng 4.3. Chọn chủ đề 4.4. Lên ý tưởng thiết kế 4.5. Thực hiện vẽ kỹ thuật số Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5		

Thiết kế nhân vật

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
15	Ôn tập	2		2		6			
	Tổng hợp kiến thức trọng tâm và ôn tập kiến thức Bài tập ôn tập						CLO3 CLO4 CLO5		
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Làm bài tập trên lớp -Làm bài tập về nhà	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài đồ án theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Thiết kế nhân vật

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1-2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3-4 Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0;5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

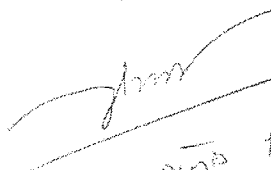
Giáo trình

- [1] Kenvin Crossle, 2014, *Character Design, from the ground up*, ILEX
- [2] Sherm Cohen, 2021, *Character Design, Learn the art of cartooning step by step*, Walterfoster

Tài liệu tham khảo

- [1] Andrew Faulkner & Conrad Chavez, 2021, *Adobe Photoshop Classroom in a book*, Adobe.
- [1] Maury Aaseng, 2000, *The Art of Comic Book Drawing*, Quartoknows
- [2] Steven Dupuis & John Silva, 2021, *Packaging Design Workbook*, Rockport

KHOA CNTT


Hoàng Đình Thắng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Trần Thị Như Vi

Thiết kế kịch bản truyền thông



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN Ý TƯỞNG KỊCH BẢN TRUYỀN THÔNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế kịch bản truyền thông
Tên học phần Tiếng Anh:	Design media scripts
Mã học phần:	06CQ1144
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Thiết kế kịch bản truyền thông cung cấp cho người học những kiến thức về đánh giá đối tượng khách hàng tiềm năng của sản phẩm quảng cáo; quá trình hình thành ý tưởng, phát triển ý tưởng và triển khai nội dung kịch bản quảng cáo. Người học phát triển kỹ năng sử dụng câu chữ, hình ảnh, âm thanh cho một dự án quảng cáo truyền thông cho một sản phẩm hoặc một thương hiệu cụ thể.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Thiết kế kịch bản truyền thông

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Mô tả được các nguyên tắc mỹ thuật, tư duy sáng tạo trong xây dựng ý tưởng tạo hình.	2.0	PLO3
CLO2	Trình bày được quy định pháp lý, nguyên tắc thiết kế mỹ thuật ứng dụng trong bối cảnh thị trường.	2.0	PLO2
CLO3	Phân tích được tư duy hệ thống, kỹ năng nghiên cứu, vẽ tay và vẽ máy trong thiết kế.	4.0	PLO6
CLO4	Thích nghi với thay đổi, cập nhật kiến thức chuyên ngành và nâng cao năng lực làm việc.	3.0	PLO5
CLO5	Giao tiếp, trình bày ý tưởng hiệu quả qua các công cụ số, thể hiện đạo đức nghề nghiệp.	2.0	PLO2

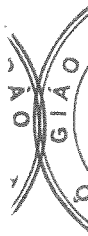
4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Các khái niệm tổng quan	4				6		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A2 A3
	1.1 Quảng cáo thương hiệu 1.2 Quảng cáo sản phẩm thương hiệu 1.3 Phân khúc thị trường sản phẩm thương hiệu Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		

Thiết kế kịch bản truyền thông

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	Chương 1: Các khái niệm tổng quan (tt)	4				6			
	1.4 Đối tượng khách hàng mục tiêu 1.5 Đối tượng sản phẩm quảng cáo 1.6 Khái niệm một số thuật ngữ cần biết trong quảng cáo truyền thông: - Agency: Client brief, Creative brief, Brainstorm Ideas, Review internally, Write Proposal, Present ideas/plans, Revise & Represent, Raise quotation, Production, Launch, Monitor/Report - Creative team (CT): Creative Director (CD), Art Director (AD), CopyWrite, Illustrator, Producer - Insight, content, Concept/ S.M.A.R.T, Idea, TVC ... Bài tập							Day: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
3	Chương 2: Viết kịch bản phân cảnh	4				6			
	2.1 Kịch bản phân cảnh 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Ý nghĩa của kịch bản phân cảnh 2.1.3 Các bước chuẩn bị để viết kịch bản phân cảnh 2.1.4 Cách trình bày kịch bản phân cảnh Bài tập								



Thiết kế kịch bản truyền thông

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
4-5	Chương 2: Viết kịch bản phân cảnh (tt)	4		4		6			
	2.2 Một số phương pháp chuyển cảnh 2.2.1 Phương pháp chuyển cảnh trong điện ảnh kinh điển 2.2.2 Phương pháp chuyển cảnh trong điện ảnh hiện đại Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		
6-7	Chương 2: Viết kịch bản phân cảnh (tt)	2		6		12			
	2.3 Kết cấu bố cục kịch bản phân cảnh 3.3.1 Bố cục theo đường thẳng 3.3.2 Giới thiệu một vài loại hình bố cục khác Bài tập						CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
8-10	Chương 2: Viết kịch bản phân cảnh (tt)	4		8		18			A2
	2.4 Viết kịch bản phân cảnh và tư duy âm thanh theo hình ảnh 2.4.1 Âm thanh để tạo hiệu quả ý tưởng 2.4.2 Âm thanh minh họa sự kiện tạo sự chân thật Bài tập						CLO3 CLO4 CLO5		A3
11-12	Chương 2: Viết kịch bản phân cảnh (tt)	4		4		12			
	2.5 Ý tưởng và kỹ xảo trong kịch bản phân cảnh 2.5.1 Ý tưởng và kỹ xảo trong kịch bản phân cảnh 2.5.2 Một số hình thức xử lý kỹ xảo trong hình ảnh Bài tập								
13-14	Chương 3: 101 ý tưởng kịch	2		6		12		Dạy: GV giảng lý	A1

Thiết kế kịch bản truyền thông

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	bản							thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế.	
	3.1. Vai trò của ý tưởng 3.2 Các phương pháp lên ý tưởng 3.2.50 ý tưởng kịch bản Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề.	A2
15	Ôn tập tổng hợp	2		2		6		Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A3
	Tổng hợp kiến thức Ôn tập trọng tâm kiến thức Q&A những vấn đề trong môn học và thực hành						CLO1 CLO2 CLO5		
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống, thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Thiết kế kịch bản truyền thông

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. Tài liệu học tập

- Sách, giáo trình chính:

[1]. *Advertising: Advertising best print, radio, television and innovative media*, 2008, New York: One Club.

[2]. Mario Pricken, 2008, *Creative Advertising: Ideas and techniques from the world's best campaigns*, London: Thames and Hudson.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. Mono, 2005, *Branding: From Brief to Finished Solution*, Singapore: Page One.

[4]. Mainak Dhar, 2009, *Quản trị thương hiệu 101: Brand Management 101*, NXB Trẻ.

[5]. Vũ Chí Lộc, Lê Thị Thu Hà, 2007, *Xây dựng và phát triển thương hiệu*.

[6]. Michael Newman (Lê Hải Nam biên dịch), 2006, *22 quy luật cơ bản của quảng cáo: những quy luật cần biết để xây dựng một thương hiệu mạnh*, NXB Tổng hợp TP.HCM.

[7]. Tom Himpe, 2008, *Advertising nex: 150 winning campaigns for the new communications age*, San Francisco: Chronicle book.

[8]. Nguyễn Kiên Trường, Lý Tùng Hiếu, 2004, *Quảng cáo và ngôn ngữ quảng cáo* (Advertising and language of Advertising).

KHOA CNTT

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

Trần Đình Thanh

Trần Thị Nhàn Vi

Sản xuất video và âm thanh



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN SẢN XUẤT VIDEO VÀ ÂM THANH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Sản xuất video và âm thanh (Hoạt hình 2D)
Tên học phần Tiếng Anh:	Video And Audio Production (2D Animation)
Mã học phần:	06CQ1156
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Sản xuất video và âm thanh (Hoạt hình 2D) cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về quy trình sản xuất nội dung video, kết hợp giữa hình ảnh động 2D và âm thanh. Sinh viên sẽ được học cách tạo hoạt hình 2D, xử lý âm thanh, biên tập video để sản xuất các sản phẩm truyền thông sáng tạo.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Sản xuất video và âm thanh

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhớ và hiểu được các khái niệm cơ bản về phim hoạt hình, các thể loại phim hoạt hình. Hiểu các công đoạn để sản xuất một bộ phim hoạt hình.	2.0	PLO2
CLO2	Phân tích được quy trình thiết kế các nhân vật, kịch bản, phong cách, thể loại, chuyển động, âm thanh trong phim hoạt hình	3.0	PLO3
CLO3	Ứng dụng tạo hình nhân vật cho Phim hoạt hình và làm được các chuyển động hoạt hình cơ bản. Từ đó thiết kế một bộ phim hoạt hình hoàn chỉnh.	4.0	PLO7
CLO4	Rèn luyện khả năng xây dựng được bộ phim hoạt hình cơ bản	3.0	PLO6
CLO5	Tra cứu đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng tiếng anh.	3.0	PLO7

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU PHIM HOẠT HÌNH	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giới thiệu môn học trong tổng thể Ngành học: Mục tiêu, mối quan hệ với các môn học khác trong chương trình đào tạo, yêu cầu cần đạt, phương pháp học, cách đánh giá, yêu cầu đối với sinh viên trong quá trình học Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	1.1. Giới thiệu tổng quan về phim hoạt hình								
	1.2. Quy trình sản xuất một bộ phim Hoạt hình								
	1.3 Các thành phần tham gia Bài tập ứng dụng								
2	CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH THIẾT KẾ NHÂN VẬT HOẠT HÌNH	2		2		6			
	2.1 Vai trò của thiết kế nhân vật Hoạt hình								
	Bài tập vận dụng								

Sản xuất video và âm thanh

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá	
		LT	BT	TH	TL					
3	CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH THIẾT KẾ NHÂN VẬT HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1	
	2.2 Các nhân vật Hoạt hình tiêu biểu Bài tập vận dụng								A3	
4	CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH THIẾT KẾ NHÂN VẬT HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6			A1	
	2.3 Phương pháp thiết kế nhân vật Hoạt hình Bài tập vận dụng									
5	CHƯƠNG 2: QUY TRÌNH THIẾT KẾ NHÂN VẬT HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6				A2
	2.3 Phương pháp thiết kế nhân vật Hoạt hình (tt) Bài tập vận dụng									
6	CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CHUYỂN ĐỘNG HOẠT HÌNH	2		2		6			A3	
	3.1 Khái niệm chuyển động trong hoạt hình Bài tập vận dụng									
7	CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CHUYỂN ĐỘNG HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6				
	3.2 Vai trò của chuyển động trong hoạt hình Bài tập vận dụng									
8	CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CHUYỂN ĐỘNG HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6				
	3.3 Các nguyên lý cơ bản trong chuyển động Bài tập vận dụng									

Sản xuất video và âm thanh

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
9	CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CHUYỂN ĐỘNG HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	3.3 Các nguyên lý cơ bản trong chuyển động (tt) Bài tập vận dụng								A2
10	CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CHUYỂN ĐỘNG HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6			A3
	3.3 Các nguyên lý cơ bản trong chuyển động (tt) Bài tập vận dụng								
11	CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CHUYỂN ĐỘNG HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6			
	3.4 Các bước chuyển động hoạt hình cơ bản Bài tập vận dụng								
12	CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CHUYỂN ĐỘNG HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6			
	3.4 Các bước chuyển động hoạt hình cơ bản (tt) Bài tập vận dụng								
13	CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CHUYỂN ĐỘNG HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6			
	3.4 Các bước chuyển động hoạt hình cơ bản (tt)								

Sản xuất video và âm thanh

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Bài tập vận dụng								
14	CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CHUYỂN ĐỘNG HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	3.4 Các bước chuyển động hoạt hình cơ bản (tt) Bài tập vận dụng								A2
15	CHƯƠNG 3: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CHUYỂN ĐỘNG HOẠT HÌNH (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		A3
	Ôn tập Nhận xét, đánh giá và chấm bài								
	Tổng	15		60		75			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Đồ án môn học theo quy định của nhà trường	CLO1 CLO2 CLO3	60

Sản xuất video và âm thanh

		CLO4	
--	--	------	--

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0.5
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 0.5 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 0.5 Tỉ lệ: 10%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

- [1] Bài giảng môn Thiết kế hoạt hình cơ bản, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.
- [2] Richard Williams, *The Animator's survival kit*, Animation magazine.
- [3] Frank Thomas và Ollie Johnston, 1981, *The illusion of life*, Animation magazine.
- [4] Harold Whitaker và John Halas, 1981, *Timing for Animation*, Animation magazine.

KHOA CNTT

Nguyễn Đình Hoàng

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN

Nguyễn Đình Hoàng

Đồ họa tương tác



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐỒ HỌA TƯƠNG TÁC

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Đồ họa tương tác
Tên học phần Tiếng Anh:	Interactive graphics (UI,UX)
Mã học phần:	06CQ1157
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần **Đồ họa tương tác** là môn học trang bị cho sinh viên những kiến cơ bản về xây dựng tư duy thiết kế giao diện, thành tạo công cụ thiết kế phổ biến hiện nay, thành thạo kỹ năng thiết kế trên các thiết bị phổ biến là mobile (app design) và desktop (website design), khả năng làm việc thực tế trong môi trường môi trường doanh nghiệp với quy trình thiết kế và phối hợp với các bộ phận để đưa thiết kế đến với người dùng.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Đồ hoạ tương tác

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhớ, hiểu và phân tích được đặc điểm và vai trò của UI, UI design trong các dự án phát triển phần mềm.	2.0	PLO2
CLO2	Hiểu được đặc điểm, nguyên lý, yếu tố và quy trình của thiết kế giao diện người dùng.	3.0	PLO2
CLO3	Phân tích được quy trình, yêu cầu chung, quy chuẩn thiết kế logo, bộ văn phòng, bộ ấn phẩm truyền thông và một số các ấn phẩm khác.	3.0	PLO3
CLO4	Vận dụng được các yếu tố thiết kế giao diện người dùng trong quá trình thiết kế cho một số loại hình ứng dụng di động và website.	4.0	PLO6
CLO5	Rèn luyện tư duy sáng tạo, kiên trì và tinh thần học hỏi trong thực hành nghệ thuật	3.0	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THIẾT KẾ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG	2		2		6		Dạy: GV giới thiệu môn học trong tổng thể Ngành học; Mục tiêu, mối quan hệ với các môn học khác trong chương trình đào tạo, yêu cầu cần đạt, phương pháp học, cách đánh giá, yêu cầu đối với sinh viên trong quá trình học Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1
	1.1. Ứng dụng di động Bài tập vận dụng						CLO1 CLO2 CLO3		
2	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THIẾT KẾ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG (TT)	2		2		6	CLO4 CLO5	Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A3
	1.2 Thiết bị đầu cuối di động Bài tập vận dụng								

Đồ họa tương tác

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THIẾT KẾ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	1.3 Đặc điểm hành vi của người dùng di động								A3
	Bài tập vận dụng								
4	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ THIẾT KẾ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG (TT)	2		2		6			
	1.4 Vòng đời phát triển ứng dụng di động								
	Bài tập vận dụng								
5	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG	2		2		6			
	2.1 Thiết kế phác thảo								
	Bài tập vận dụng								
6	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG (TT)	2		2		6			
	2.1 Thiết kế phác thảo (tt)								
	Bài tập								
7	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG (TT)	2		2		6			
	2.2 Thiết kế giao diện								
	Bài tập vận dụng								
8	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG (TT)	2		2		6			
	2.2 Thiết kế giao diện (tt)								
	Bài tập vận dụng								

Đồ họa tương tác

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
9	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG (TT)	2		2		6			
	2.3 Thiết kế hình ảnh Bài tập vận dụng								
10	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ ỨNG DỤNG DI ĐỘNG (TT)	2		2		6			
	2.3 Thiết kế hình ảnh(tt) Bài tập vận dụng								
11	CHƯƠNG 3: SÁNG TẠO ỨNG DỤNG DI ĐỘNG	2		2		6			
	3.1 Sáng tạo ứng dụng với đặc trưng của thiết bị di động. Bài tập vận dụng						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
12	CHƯƠNG 3: SÁNG TẠO ỨNG DỤNG DI ĐỘNG (TT)	2		2		6			A2
	3.2 Case study Bài tập vận dụng								
13	CHƯƠNG 3: SÁNG TẠO ỨNG DỤNG DI ĐỘNG (TT)	2		2		6			
	3.3 Bài tập vận dụng								
14-15	CHƯƠNG 3: SÁNG TẠO ỨNG DỤNG DI ĐỘNG (TT)	4		4		12			
	3.3 Bài tập vận dụng (tt)								
	Tổng	30		30		90			

Đồ hoạ tương tác

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Đồ án môn học theo Quy định của nhà trường	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0.5
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 0.5 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 0.5 Tỉ lệ: 10%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Đồ họa tương tác

Giáo trình

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Thị Thu Huế, *Bài giảng Thiết kế tương tác đa phương tiện*, Học viện Công nghệ Bưu Chính Viễn Thông, 2019
- [2]. Produced by us two, Pixel perfect precision
- [3]. Don Norman, *The Design of Everyday things*, Basic Books, 2013
- [4]. Susan M. Weinschenk, *100 things every designer needs to know about people*, New Riders, 2011.
- [5]. Justas Galaburda, *Icon Design guide*
- [6]. Google, *Material Design*
- [7]. Interaction design foundation, *User Interface (UI) Design Patterns*
- [8]. Interaction design foundation, *User Interface Design*
- [9]. Hazi C, *SEVEN STEP UX The Cookbook for Creating Great Products* C S A B A H Á Z I Seven Step UX-The Cookbook for Creating Great Products, 2017

KHOA CNTT

gln
Trình Đình Hằng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

gln
Trình Đình Hằng

Thiết kế ấn phẩm điện tử



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ ẢN PHẨM ĐIỆN TỬ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế ấn phẩm điện tử
Tên học phần Tiếng Anh:	Design Electronic Publications
Mã học phần:	06CQ1159
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần **Thiết kế Ấn phẩm Điện tử** cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về thiết kế và phát triển ấn phẩm điện tử, giúp họ hiểu về sự hình thành, phát triển của ngành xuất bản điện tử cũng như vai trò của nó trong xã hội và nền kinh tế. Môn học trang bị phương pháp nghiên cứu và thiết kế, cho phép sinh viên đề xuất các giải pháp sáng tạo phù hợp với xu hướng hiện đại. Kết thúc học phần, sinh viên hoàn thành đồ án thiết kế, trình bày theo quy định và thuyết minh về nghiên cứu cùng giải pháp thiết kế của mình.

Thiết kế ấn phẩm điện tử

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Nhớ được các khái niệm và phân loại ấn phẩm điện tử, hiểu rõ các khái niệm chung trong thiết kế ấn phẩm điện tử cũng như quy trình thiết kế từ nghiên cứu, lên ý tưởng, xây dựng nội dung, bố cục đến hoàn thiện và xuất bản sản phẩm.	2.0	PLO1
CLO2	Hiểu được lịch sử hình thành và phát triển, thành phần và chức năng, vai trò của ngành cũng như tầm quan trọng của từng giai đoạn trong quy trình thiết kế, từ ý tưởng, nội dung, bố cục đến hoàn thiện và xuất bản.	3.0	PLO2
CLO3	Phân tích màu sắc, kiểu chữ, bố cục,... của một ấn phẩm điện tử.	4.0	PLO3
CLO4	Vận dụng quy trình thiết kế để thiết kế một ấn phẩm điện tử.	3.0	PLO3
CLO5	Rèn luyện khả năng xây dựng được bộ phim hoạt hình cơ bản	3.0	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1-2	CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM, LỊCH SỬ RA ĐỜI VÀ VAI TRÒ CỦA ẤN PHẨM ĐIỆN TỬ	4		4		12		Dạy: GV giới thiệu môn học trong tổng thể Ngành học; Mục tiêu, mối quan hệ với các môn học khác trong chương trình đào tạo, yêu cầu cần đạt, phương pháp học, cách đánh giá, yêu cầu đối với sinh viên trong quá trình học	A1
	1.1. Khái niệm ấn phẩm điện tử Bài tập vận dụng 1.2 Lịch sử ra đời ấn phẩm điện tử Bài tập						CLO1 CLO2		
3-4	CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM, LỊCH SỬ RA ĐỜI VÀ VAI TRÒ CỦA ẤN PHẨM ĐIỆN TỬ (TT)	4		4		12		Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A3
	1.3 Vai trò của ấn phẩm điện tử Bài tập vận dụng 1.4 Các loại hình ấn phẩm điện tử. Bài tập vận dụng						CLO3 CLO4 CLO5		

Thiết kế ấn phẩm điện tử

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
5	CHƯƠNG 2: NHỮNG YẾU TỐ TRONG THIẾT KẾ ÁN PHẨM ĐIỆN TỬ	2		2		6			
	2.1 Bố cục (layout) Bài tập vận dụng								
6	CHƯƠNG 2: NHỮNG YẾU TỐ TRONG THIẾT KẾ ÁN PHẨM ĐIỆN TỬ (TT)	2		2		6			
	2.2 Master page Bài tập vận dụng								
7	CHƯƠNG 2: NHỮNG YẾU TỐ TRONG THIẾT KẾ ÁN PHẨM ĐIỆN TỬ (TT)	2		2		6			
	2.3 Hệ thống sơ đồ lưới (Grid). Bài tập vận dụng								
8	CHƯƠNG 2: NHỮNG YẾU TỐ TRONG THIẾT KẾ ÁN PHẨM ĐIỆN TỬ (TT)	2		2		6			
	2.4 Typography Bài tập vận dụng								
9	CHƯƠNG 2: NHỮNG YẾU TỐ TRONG THIẾT KẾ ÁN PHẨM ĐIỆN TỬ (TT)	2		2		6			
	2.5 Màu sắc Bài tập vận dụng								
10	CHƯƠNG 2: NHỮNG YẾU TỐ TRONG THIẾT KẾ ÁN PHẨM ĐIỆN TỬ (TT)	2		2		6			
	2.6 Thành phần đa phương tiện Bài tập vận dụng								

CLO1
CLO2
CLO3
CLO4
CLO5

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống

Học ở lớp:

- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ...

Học ở nhà:

- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.
- Làm bài tập về nhà.

A1
A2
A3



Thiết kế ấn phẩm điện tử

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
11	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ ẤN PHẨM ĐIỆN TỬ	2		2		6			
	3.1 Quy trình thiết kế ấn phẩm điện tử Bài tập vận dụng								
12	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ ẤN PHẨM ĐIỆN TỬ (TT)	2		2		6			
	3.2 Tiến hành nghiên cứu Bài tập vận dụng								
13	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ ẤN PHẨM ĐIỆN TỬ (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lại tổng hợp lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	3.3 Phác thảo Bài tập vận dụng								A2
14	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ ẤN PHẨM ĐIỆN TỬ (TT)	2		2		6			A3
	3.4 Thiết kế ấn phẩm Bài tập vận dụng								
15	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ ẤN PHẨM ĐIỆN TỬ (TT)	2		2		6			
	3.5 Hoàn thiện và xuất bản ấn phẩm điện tử Nhận xét, đánh giá và chấm bài								
Tổng		15		60		75			

Thiết kế ấn phẩm điện tử

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Đồ án môn học theo Quy định của nhà trường		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

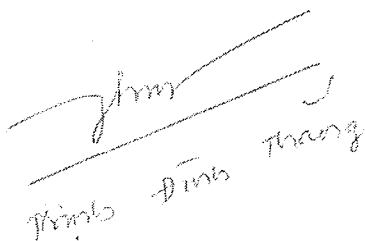
Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 2 Tỷ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 2 Tỷ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0.5
Tổng số câu: 5 Tỷ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỷ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỷ lệ: 40%	Số câu: 0.5 Tỷ lệ: 10%	Số câu: 0.5 Tỷ lệ: 10%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Thiết kế ấn phẩm điện tử

- [1] Bài giảng Thiết kế ấn phẩm điện tử, Ths. Trần Quốc Trung
- [2] Digital Publishing with Adobe InDesign CC (2016), Adobe.
- [3] Adobe InDesign Interactive Digital Publishing (2017), Adobe. [3]. Alan Swan (2010), *Design & Layout*, NXB. Trẻ, Tp. HCM.
- [4]. Timothy Samara, *Design Elements A Graphic Style Manual*, Rockport Publishers.
- [5]. Timothy Samara (2005), *Publication Design Workbook*, Rockport Publishers, 2005

KHOA CNTT


Trần Đình Trung

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Trần Thị Nhã Vi

Hệ thống quảng cáo



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN HỆ THỐNG QUẢNG CÁO

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Hệ thống quảng cáo
Tên học phần Tiếng Anh:	Advertising System
Mã học phần:	06CQ1160
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học cung cấp kiến thức chuyên ngành đồ họa truyền thông quảng cáo, tư duy sáng tạo qua việc vận dụng hình ảnh, mảng khối và chữ viết đưa thông điệp quảng cáo một cách hiệu quả nhất đến người xem. Môn học cung cấp các kiến thức chuyên môn về truyền thông thị giác, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm, giúp sinh viên dễ dàng triển khai những dự án marketing quảng cáo sau này.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Hệ thống quảng cáo

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các nguyên lý, kiến thức về truyền thông và quảng cáo. Vai trò, vị trí, tầm quan trọng của truyền thông và quảng cáo trong xã hội.	2.0	PLO1
CLO2	Ứng dụng công cụ thiết kế trên phần mềm và các kiến thức về màu sắc, bố cục, phong chữ, hiệu ứng tạo một sản phẩm đồ họa marketing quảng cáo.	3.0	PLO3
CLO3	Phân tích cập nhật công nghệ và xu hướng thiết kế mới trong lĩnh vực sáng tạo đồ họa ứng dụng marketing quảng cáo.	4.0	PLO4
CLO4	Rèn luyện tư duy sáng tạo, kiên trì và tinh thần học hỏi trong thực hành nghệ thuật.	3.0	PLO9
CLO5	Tra cứu và vận dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu tài liệu.	3.0	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Khái quát về truyền thông và quảng cáo	4				6	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	Chương 1: Khái quát về truyền thông và quảng cáo 1.1. Khái niệm 1.2. Vai trò, vị trí và tầm quan trọng của truyền thông quảng cáo 1.3. Tính chất của truyền thông quảng cáo								
2	Chương 2: Nguyên lý thiết kế trong truyền thông quảng cáo	4				6			
	2.1. Những nguyên lý thiết kế 2.2. Bố cục sắp xếp 2.3. Màu sắc, và font chữ trong thiết kế Bài tập								

Hệ thống quảng cáo

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	Chương 2: Nguyên lý thiết kế trong truyền thông quảng cáo (tt)	4				6	CLO1 CLO2 CLO5		A1
	2.4. Quy tắc vàng trong thiết kế. 2.5. Những điểm lưu ý khi thiết kế truyền thông quảng cáo Bài tập								A3
4	Chương 2: Nguyên lý thiết kế trong truyền thông quảng cáo (tt)	2		2		6	CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	2.6. Những thể loại thường dùng trong truyền thông quảng cáo 2.7. Những phong cách thường dùng trong truyền thông quảng cáo Bài tập								A2
5	Chương 3: Thiết kế hệ thống quảng cáo trong nhà	2		2		6			A3
	2.8. Khái niệm thiết kế quảng cáo trong nhà 2.9. Các thể loại chính 2.10. Quy trình trong thiết kế Bài tập								
6	Chương 3: Thiết kế hệ thống quảng cáo ngoài trời	2		2		6	CLO1 CLO4 CLO5		
	2.11. Khái niệm thiết kế quảng cáo ngoài trời 2.12. Các thể loại chính 2.13. Quy trình trong thiết kế Bài tập								

Hệ thống quảng cáo

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
7	Chương 4: Các yếu tố ảnh hưởng trong thiết kế hệ thống quảng cáo	4		0		6	CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	4.1. Nội dung truyền đạt 4.2. Phong cách thể hiện 4.3. Không gian thiết kế Bài tập								
8	Chương 4: Các yếu tố ảnh hưởng trong thiết kế hệ thống quảng cáo (tt)			4		6			
	4.3. Bố cục trong thiết kế hệ thống quảng cáo 4.3. Màu sắc trong thiết kế hệ thống quảng cáo 4.3. Ánh sáng trong thiết kế hệ thống quảng cáo Bài tập								
9	Chương 5: Phương pháp thiết kế hệ thống quảng cáo	2		2		6			
	4.5. Tìm ý tưởng thiết kế hệ thống quảng cáo - Chọn chủ đề thiết kế - Tìm ý tưởng - Định hình phong cách - Phác thảo ý tưởng thiết kế Bài tập								
10	Chương 5: Phương pháp thiết kế hệ thống quảng cáo (tt)	2		2		6			
	4.6. Thiết kế hệ thống quảng cáo tĩnh - Tìm ý tưởng - Phác thảo ý tưởng thiết kế - Thiết kế trên phần mềm đồ họa Bài tập								

Hệ thống quảng cáo

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
11	Chương 4: Phương pháp thiết kế gian hàng trong sự kiện (tt)	2		2		6	CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, và thực hành trên máy tính, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hành trên máy tính. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	4.7. Thiết kế hệ thống quảng cáo động - Tìm ý tưởng - Phác thảo ý tưởng thiết kế - Thiết kế trên phần mềm đồ hoạ Bài tập								
12	Chương 4: Phương pháp thiết kế gian hàng trong sự kiện (tt)			4		6			
	4.8. Thiết kế mô hình hệ thống quảng cáo - Tìm ý tưởng - Phác thảo ý tưởng thiết kế - Thiết kế trên phần mềm đồ hoạ - Thực hiện mô hình Bài tập								
13	Chương 5: Thực hiện đồ án thiết kế hệ thống quảng cáo.			4		6		Dạy: GV hướng dẫn sinh viên làm đồ án Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thực hiện bài đồ án. Học ở nhà: - Thực hiện, chỉnh sửa bài đồ án.	A2
	5.1. Thực hiện đồ án thiết kế hệ thống quảng cáo. - Tìm ý tưởng - Phác thảo ý tưởng thiết kế - Định hình phong cách Bài tập						CLO1 CLO3 CLO4 CLO5		A3
14	Chương 5: Thực hiện đồ án thiết kế hệ thống quảng cáo (tt)			4		6			
	5.2. Thực hiện đồ án thiết kế hệ thống quảng cáo. - Thiết kế trên phần mềm đồ hoạ - Làm mô hình quảng cáo cho doanh nghiệp Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5		

Hệ thống quảng cáo

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
15	Ôn tập	2		2		6		Dạy: GV hướng dẫn sinh viên làm đồ án	A1
	Tổng hợp kiến thức trọng tâm và ôn tập kiến thức						CLO3 CLO4 CLO5	Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Hoàn thiện bài đồ án.	A2
	Nhận xét sản phẩm Thiết kế								A3
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài đồ án theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Hệ thống quảng cáo

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1-2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3-4 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

- [1] Gavin Ambrose, Paul Harris & Nigel Ball, 2019, *The Fundamentals of Creative Advertising*, Fairchild Books
- [2] Connie Malamed, 2009, *Visual Language for Designer*, Rockport

Tài liệu tham khảo

- [1] Elizabeth Resnick, 2021, *The Social Design Reader*, Bloomsbury Visual Arts.

KHOA CNTT

[Signature]
Trần Đình Hoàng

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN

[Signature]
Trần Thị Nhàn V.

Kinh tế học đại cương



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ HỌC ĐẠI CƯƠNG

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kinh tế học đại cương
Tên học phần Tiếng Anh:	Economics
Mã học phần:	06CQ0675
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Kinh tế học đại cương là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương, được giảng dạy trong học kỳ I năm học thứ nhất. Học phần này đề cập những nguyên lý cơ bản của kinh tế học bao gồm các quy luật cơ bản của kinh tế thị trường như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh đồng thời trình bày khái niệm, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cũng như tác động của các chính sách kinh tế của chính phủ đến thị trường và nền kinh tế.

Kinh tế học đại cương

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được và ứng dụng các khái niệm cơ bản của kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô và kinh tế thị trường.	2.0	PLO1
CLO2	Giải thích các quy luật cơ bản của kinh tế thị trường và tác động của chính sách tài khóa, tiền tệ.	2.0	PLO1
CLO3	Áp dụng phương pháp đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như GDP, CPI, tỷ lệ lạm phát và sản lượng cân bằng. Phát huy tinh thần tự học tự nghiên cứu.	3.0	PLO1 PLO9
CLO4	Phân tích hành vi doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường và tác động của thuế đến cung cầu.	4.0	PLO1
CLO5	Phân tích các hiện tượng kinh tế thực tế dựa trên lý thuyết kinh tế học và đề xuất giải pháp phù hợp.	4.0	PLO1

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1 KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỌC	4				10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	1.1. Các khái niệm 1.2. Những vấn đề trung tâm của các tổ chức kinh tế Bài tập						CLO1 CLO2		
2	Chương 2 CẦU, CUNG VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	4				10			A3
	2.1. Khái niệm cầu, cung 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cầu, cung 2.3. Trạng thái cân bằng cung cầu Bài tập						CLO1 CLO2		

Kinh tế học đại cương

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	Chương 2 CẦU, CUNG VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG (tt)	4				10	CLO1 CLO2 CLO5		
	2.4. Sự co giãn của cầu, cung Bài tập								
4	Chương 3 CÁC CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG	4				10			
	3.1. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo Bài tập							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
5	Chương 3 CÁC CẤU TRÚC THỊ TRƯỜNG (tt)	4				10			
	3.2. Thị trường độc quyền hoàn toàn 3.3. Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo Bài tập								
6	Chương 4 ĐO LƯỜNG SẢN LƯỢNG QUỐC GIA	4				10	CLO1 CLO4 CLO5		
	4.1. Đo lường mức sản xuất của quốc gia 4.2. Tổng sản phẩm quốc nội và tổng sản phẩm quốc dân Bài tập								
7	Chương 4 ĐO LƯỜNG SẢN LƯỢNG QUỐC GIA (tt)	4				10			
	4.2. Tổng sản phẩm quốc nội và tổng sản phẩm quốc dân(tiếp) 4.3. Đo lường giá sinh hoạt Bài tập								

Kinh tế học đại cương

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
8	Chương 5 XÁC ĐỊNH SẢN LƯỢNG CÂN BẰNG	4				10			
	5.1. Các yếu tố hình thành tổng cầu 5.2. Cân bằng tổng cung – tổng cầu 5.3. Số nhân tổng cầu Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		
9	Chương 5 XÁC ĐỊNH SẢN LƯỢNG CÂN BẰNG (tt)	4				10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	5.4. Chính sách tài chính 5.5. Chính sách tiền tệ Bài tập						CLO1 CLO3 CLO4 CLO5		
10	Chương 5 XÁC ĐỊNH SẢN LƯỢNG CÂN BẰNG (tt)	4				10			
	Ôn tập và giải đáp thắc mắc Bài tập tổng hợp								
11-12	ÔN TẬP TỔNG HỢP	5				5			
	1. Tổng hợp kiến thức cốt lõi 2. Hướng dẫn giải những bài tập điển hình 3. Vấn đáp và trả lời 4. Thực hành một số bài tập tổng hợp Bài tập						CLO3 CLO4 CLO5		
	Tổng	45				105			

Kinh tế học đại cương

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu:</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỷ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỷ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỷ lệ: 20%</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỷ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU THAM KHẢO

Kinh tế học đại cương

- Tài liệu học tập chính:

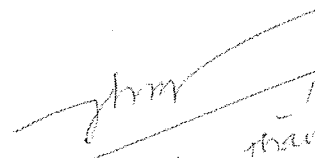
[1]. David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch (2007), *Kinh tế học (tái bản lần thứ 8)*. Bản dịch tiếng Việt của trường Đại học KTQD Hà Nội, NXB Thống kê.

- Sách tham khảo:

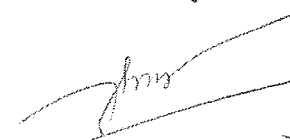
[2]. Gregory Mankiw (2006). *Principles of Economics (6th edition)*. South-Western Cengage Learning.

[3] Robert E. Hall, Marc Lieberman (2003). *Economics: Principles and Applications (2nd edition)*. Thomson/South-Western.

KHOA CNTT


Vinh Đình Thăng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Vinh Đình Thăng

Kinh tế kỹ thuật



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ KỸ THUẬT

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kinh tế kỹ thuật
Tên học phần Tiếng Anh:	Engineering economics
Mã học phần:	06CQ0676
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản cần thiết về kinh tế và các kỹ thuật phân tích, đánh giá các dự án đầu tư, bao gồm các kiến thức về: chi phí, doanh thu, lợi nhuận; giá trị thời gian của tiền tệ; các dòng tiền chuẩn và cách quy đổi tương đương; cơ sở so

Kinh tế kỹ thuật

sánh, chọn lựa các phương án đầu tư; các qui định về tính khấu hao, thuế thu nhập doanh nghiệp; phân tích kinh tế dòng tiền sau thuế .v.v. để hỗ trợ việc ra quyết định

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Diễn giải một cách rõ ràng các thành phần trong dòng tiền đầu tư của một dự án.	2.0	PLO1
CLO2	Phân tích các thành phần của dòng tiền đầu tư có tính hệ thống một cách rõ ràng để đánh giá hiệu quả kinh tế.	2.0	PLO1
CLO3	Tính toán các thành phần trong dòng tiền đầu tư và giá trị qui đổi tương đương.	2.0	PLO2
CLO4	Phân tích dòng tiền đầu tư trên cơ sở các chuỗi chuẩn và tính toán giá trị qui đổi tương đương để đánh giá hiệu quả kinh tế.	4.0	PLO5
CLO5	Kỹ năng phối hợp, làm việc nhóm một cách có hiệu quả. Có Ý thức kỷ luật, thói quen tự học, tự nghiên cứu.	4.0	PLO5

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1 MỘT SỐ KHÁI NIỆM TRONG KINH TẾ	4				10			
	- Nội dung, ý nghĩa của môn học; - Giới thiệu đề cương môn học; - Cách thức dạy và học; - Các qui định liên quan đến môn học; - Hình thức thi và cách tính điểm; ~ Doanh nghiệp và phân loại doanh nghiệp - Hàng hoá tiêu dùng, hàng hoá SX - Các khái niệm về chi phí và ước						CLO1 CLO2	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu	A1 A3

Kinh tế kỹ thuật

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	lượng chi phí - Doanh thu-lợi nhuận - Giá trị theo thời gian của tiền tệ Bài tập							nội dung bài học.	
2-3	Chương 2 CÁC PHƯƠNG PHÁP TÍNH LÃI TỨC	8				20		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
	- Khái niệm về lãi tức: lãi tức đơn và lãi tức ghép “Mô tả dòng tiền theo thời gian - Các chuỗi tiền chuẩn - Lãi tức danh nghĩa và lãi tức thực tế - Bài tập chương 2						CLO1 CLO2 CLO3		A1 A3
4-5	Chương 3 CÁC KỸ THUẬT PHÂN TÍCH PHƯƠNG DÒNG TIỀN	4				10	CLO2 CLO3 CLO5		A1
	- Phân tích giá trị hiện tại -Phân tích dòng tiền đều -Phân tích suất thu lợi nội tại -Phân tích tỉ số lợi ích - chi phí - Các kỹ thuật phân tích khác Bài tập chương 3								A2 A3
6	Chương 4 KHẤU HAO	4				10			
	-Các khái niệm và phân loại tài sản -Nguyên tắc trích khấu hao TSCĐ -Các phương pháp tính khấu hao								

Kinh tế kỹ thuật

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	TSCĐ " Cách tính khấu hao TSCĐ ~ Bài tập chương 4								
7-8	Chương 5. PHÂN TÍCH KINH TẾ SAU THUẾ	8				20	CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	- Các khái niệm - Tác dụng của thuế lên dòng tiền - Phân tích kinh tế sau thuế Bài tập chương 5								A2
9-10	Chương 6. LẠM PHÁT	4				10			A3
	- Các định nghĩa và khái niệm về lạm phát - Các yếu tố ảnh hưởng đến lạm phát - Ảnh hưởng của lạm phát đến phân tích kinh tế sau thuế Bài tập chương 6								
11-12	ÔN TẬP TỔNG HỢP	5				5			
	1. Tổng hợp kiến thức cốt lõi 2. Hướng dẫn giải những bài tập điển hình 3. Vấn đáp và trả lời 4. Thực hành một số bài tập tổng hợp Bài tập						CLO3 CLO4 CLO5		

Kinh tế kỹ thuật

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
Tổng		45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu:</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>

Kinh tế kỹ thuật

Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CBR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Tài liệu học tập chính:

[1] Phạm Phú, 1991, *Kinh tế - Kỹ thuật phân tích và lựa chọn dự án đầu tư*, Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Đại học Bách khoa Tp. HCM.

- Sách tham khảo:

[2] Lê Kinh Vĩnh, *Quản trị dự án đầu tư: (Sử dụng cho sinh viên các ngành kinh tế - kỹ thuật - quản lý)*.

KHOA CNTT

[Signature]
Kính đính thàng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

[Signature]
Kính đính thàng

Quản trị kinh doanh cho kỹ sư



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN QUẢN TRỊ KINH DOANH CHO KỸ SƯ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Quản trị kinh doanh cho kỹ sư
Tên học phần Tiếng Anh:	Business administration for engineers
Mã học phần:	06CQ0677
Thuộc khối kiến thức:	Đại cương
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	45 tiết
Thực hành:	0
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học giới thiệu về các loại hình, mục tiêu tồn tại, các chức năng cơ bản của một doanh nghiệp. Nội dung tiếp theo đề cập từng chức năng hay hoạt động cụ thể như quản lý kế toán/ tài chính, tiếp thị, nhân sự, sản xuất, chất lượng, công nghệ. Môn học cũng đề cập đến nội dung ra quyết định của nhà quản lý, và nội dung quản lý một dự án.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được mục tiêu, chức năng cơ bản của doanh nghiệp và vai trò của nhà quản lý trong tổ chức.	1.0	PLO1
CLO2	Mô tả được quy trình ra quyết định quản lý, vận dụng các mô hình quyết định, nhận diện và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp.	2.0	PLO1
CLO3	Vận dụng được vào chức năng quản trị nhân sự, kỹ năng xin việc, mục tiêu và hoạt động của quản lý tiếp thị.	3.0	PLO2
CLO4	Phân loại, mô tả đặc trưng các hệ thống sản xuất, quy trình quản lý chất lượng và các vấn đề trong quản lý công nghệ.	4.0	PLO5
CLO5	Vận dụng được nguyên tắc và các bước trong quản lý dự án, áp dụng kiến thức quản lý vào môi trường làm việc thực tế.	3.0	PLO5

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	MỞ ĐẦU CHƯƠNG 1: RA QUYẾT ĐỊNH TRONG QUẢN LÝ	4				10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	- Các vấn đề liên quan đến môn học - Cách thức dạy và học - Giới thiệu về ra QĐ trong quản lý - Các loại ra QĐ trong quản lý - Quá trình ra quyết định - Ra QĐ trong điều kiện rủi ro - Ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn - Ra quyết định theo mô hình tính toán trong phương pháp định lượng						CLO1 CLO2		

Quản trị kinh doanh cho kỹ sư

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Bài tập								
2	Chương 2 QUẢN LÝ KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH	4				10	CLO1 CLO2 CLO3	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	- Khái niệm kế toán, tài chính - Kế toán tài chính - Kế toán quản trị - Các quyết định đầu tư - Các quyết định tài trợ - Phân tích tài chính - Bài tập chương 2								
3	Chương 3 QUẢN LÝ TIẾP THỊ	4				10	CLO2 CLO3 CLO5 CLO2 CLO3 CLO5		A1 A2 A3
	- Khái niệm chung - Nhận dạng nhu cầu khách hàng và cơ hội tiếp thị - Tạo ra giá trị tiếp thị - Truyền thông giá trị tiếp thị - Vòng đời sản phẩm và chiến lược theo vòng đời sản phẩm Bài tập chương 3								
4-5	Chương 4 CẤU TRÚC TỔ CHỨC VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÂN SỰ	8				20			
	- Khái niệm cấu trúc tổ chức - Các nguyên tắc thiết kế cấu trúc tổ chức - Các loại cấu trúc điển hình - Các nguyên tắc quy định quyền hạn - Khái niệm và mục tiêu của quản lý nhân sự - Các chức năng chính của quản lý nhân sự - Quy trình quản lý nguồn nhân lực								

Quản trị kinh doanh cho kỹ sư

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	~ Bài tập chương 4								
6-7	Chương 5. QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ VẬN HÀNH	8				20	CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	- Tổng quan - Giới thiệu các hệ thống sản xuất - Các dạng bố trí mặt bằng trong sản xuất - Hoạch định tổng hợp - Quản lý kho - Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu Bài tập chương 5								A2
8	Chương 6. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	4				10			A3
	- Tổng quan - Quản lý chất lượng toàn diện (TQM) - Triển khai chức năng chất lượng - Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng - Các giải thưởng chất lượng Bài tập chương 6								
9-10	Chương 7. QUẢN LÝ DỰ ÁN	8				20	CLO3 CLO4 CLO5		
	- Đặc tính của một dự án - Giới thiệu về quản lý dự án - Giới thiệu về nhà quản lý dự án - Các công cụ hoạch định và lập tiến độ dự án - Phân bổ nguồn lực của dự án -								

Quản trị kinh doanh cho kỹ sư

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Bài tập chương 7								
11-12	ÔN TẬP TỔNG HỢP	5				5	CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lại tổng hợp lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	1. Tổng hợp kiến thức cốt lõi 2. Hướng dẫn giải những bài tập điển hình 3. Vấn đáp và trả lời 4. Thực hành một số bài tập tổng hợp Bài tập								
	Tổng	45				105			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập tình huống	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi tự luận theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3	60

Quản trị kinh doanh cho kỹ sư

		CLO4	
--	--	------	--

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu:</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tài liệu học tập chính:

[1] Trần Kim Dung, *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Giáo Dục, 2016

- Sách tham khảo:

[2]. Harold Koontz, Cyril Odonnell, Heinz Weihrich, *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*

[3]. William J. Stevenson, *Production/ Operation Management*, McGraw-Hill Companies

[4]. Cao Hào Thi, Nguyễn Thúy Quỳnh Loan, *Quản lý dự án*, NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM, 2004

KHOA CNTT

Nguyễn Đình Trường

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

Nguyễn Đình Trường

Thiết kế lịch



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ LỊCH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế lịch
Tên học phần Tiếng Anh:	Calendar Design
Mã học phần:	06CQ1145
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học giúp người học ứng dụng các kiến thức đã học ở các môn học trước như: nguyên lý thị giác, định luật xa gần, nghệ thuật chữ, ý tưởng sáng tạo, nghệ thuật nhiếp ảnh, kỹ năng sử dụng các phần mềm thiết kế.... để tạo ra sản phẩm cụ thể bao gồm lịch để bàn, lịch treo tường... Người học được nâng cao kỹ năng phân tích và hình thành ý tưởng, tìm kiếm và khai thác dữ liệu, phác thảo các phương án thiết kế, ứng dụng các phần mềm đồ họa và thực hiện ý tưởng thành sản phẩm lịch trên máy tính.

Thiết kế lịch

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Xác định và áp dụng các nguyên lý thiết kế đồ họa, bao gồm nguyên lý màu sắc, vật liệu, phần mềm đồ họa và quy trình thiết kế, để tạo ra các sản phẩm đồ họa chất lượng cao.	3.0	PLO3
CLO2	Phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến yêu cầu khách hàng, sai hỏng kỹ thuật, yếu tố liên ngành, xã hội và quản lý rủi ro trong quá trình thiết kế đồ họa.	4.0	PLO4
CLO3	Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, bao gồm khả năng thuyết trình, đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, hợp tác và lãnh đạo trong môi trường thiết kế đồ họa.	2.0	PLO6
CLO4	Tuân thủ tiêu chuẩn ngành bằng cách cập nhật xu hướng thiết kế, tuân thủ luật định, xác định mục tiêu dự án và thực hiện thiết kế đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, thẩm mỹ và thị trường.	2.0	PLO6
CLO5	Xây dựng và triển khai quy trình thiết kế in ấn, bao bì, quảng cáo và minh họa, từ việc xác định cấu trúc, thử nghiệm ý tưởng, quản lý dự án đến kiểm tra và kiểm soát chất lượng sản phẩm.	6.0	PLO7

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ THIẾT KẾ LỊCH	2		2		10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
	1.1 Khái niệm 1.2 Lịch sử ra đời và phát triển của việc thiết kế lịch 1.3 Các thể loại lịch 1.4 Ý nghĩa- mục đích của việc thiết kế lịch Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		

Thiết kế lịch

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ LỊCH NĂM	2		2		10			
	2.1 Khái niệm 2.2 Chữ và bộ số trong lịch năm								
3	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ LỊCH NĂM (TT)	2		2		10	CLO1 CLO2 CLO5		
	2.3 Bố cục thông dụng cho lịch năm 2.4 Màu sắc thường sử dụng cho lịch năm Hướng dẫn BT Thiết kế lịch năm								
4	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ LỊCH NĂM (TT)	2		2		10			
	Chỉnh sửa Các phương án thiết kế lịch năm								
5	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ LỊCH THÁNG	2		2		5	CLO1 CLO3 CLO5		
	3.1 Khái niệm 3.2 Chữ và bộ số trong lịch tháng 3.3 Bố cục thông dụng cho lịch tháng 3.4 Màu sắc thường sử dụng cho lịch tháng BT Thiết kế lịch tháng								
6	CHƯƠNG 3: THIẾT KẾ LỊCH THÁNG (TT)	2		2		5			
	Chỉnh sửa Các phương án thiết kế lịch tháng Bài tập								
7	CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ LỊCH BÀN	2		2		5	CLO1 CLO4 CLO5		
	4.1 Khái niệm 4.2 Chữ và bộ số trong lịch bàn 4.3 Bố cục thông dụng cho lịch bàn 4.4 Màu sắc thường sử dụng cho lịch bàn Hướng dẫn BT Thiết kế lịch bàn								

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn.

Học ở lớp:

- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống.

Học ở nhà:

- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.
- Làm bài tập về nhà.

Thiết kế lịch

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
8	CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ LỊCH BÀN (TT)	2		2		5	CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	Chỉnh sửa Các phương án thiết kế lịch bàn								
9	CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ LỊCH MỘT TỜ	2		2		5			
	5.1 Khái niệm 5.2 Chữ và bộ số trong lịch 1 tờ 5.3 Bố cục thông dụng cho lịch 1 tờ 5.4 Màu sắc thường sử dụng cho lịch 1 tờ Hướng dẫn BT Thiết kế lịch 1 tờ								
10	CHƯƠNG 4: THIẾT KẾ LỊCH BÀN (TT)	2		2		5			
	Chỉnh sửa Các phương án thiết kế lịch 1 tờ								
11	CHƯƠNG 6: NHỮNG THIẾT KẾ MỚI	2		2		5			
	6.1 Phá cách về kiểu dáng 6.2 Phá cách về hình ảnh								
12	CHƯƠNG 6: NHỮNG THIẾT KẾ MỚI (tt)	2		2		5			
	6.3 Phá cách về chữ và số								

Thiết kế lịch

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
13	CHƯƠNG 7: THIẾT KẾ THIỆP	2		2		5	CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	7.1 Khái niệm 7.2 Chữ và số trong bố cục thiệp 7.3 Bố cục thông dụng cho thiệp 7.4 Màu sắc thường sử dụng cho thiệp 7.5 Phá cách về bố cục, kiểu dáng, hình ảnh, chữ và số Hướng dẫn BT Thiết kế thiệp								
14-15	CHƯƠNG 7: THIẾT KẾ THIỆP (TT)	4		4		5			
	Chỉnh sửa Các phương án thiết kế thiệp								
	Tổng	30		30		75			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

Thiết kế lịch

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách, giáo trình chính:

[1]. *Wheel of time: Calendar design*, Design Media Publishing Ltd, 2011.

- Tài liệu tham khảo

[2]. *The Elements of Graphic Design 2nd Edition*, Alex W. White, Allworth Press, New York, 2011.

KHOA CNTT

pham
Minh Đình Hưng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

Thảo Thuỳ Như Vi

Thiết kế tạp chí, Catalogue



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ TẠP CHÍ, CATALOGUE

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế tạp chí, catalogue
Tên học phần Tiếng Anh:	Magazine Design
Mã học phần:	06CQ1146
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Thiết kế tạp chí, Catalogue một sản phẩm nhiều trang có độ phức tạp riêng của nó, môn này giúp các sinh viên rèn luyện cho nhuần nhuyễn các phần mềm liên quan đến việc trình bày tạp chí, báo, tham khảo các mẫu của nước ngoài, các bạn cùng lớp để rút kinh nghiệm. Môn học giúp các sinh viên thể hiện được khả năng thiết kế của mình trong nhiều trường hợp hơn: trang bìa đầu, cuối, các trang giữa là tin tức, thơ, quảng cáo....

Thiết kế tạp chí, Catalogue

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Xác định và phân biệt các nguyên lý thiết kế đồ họa, màu sắc, và vật liệu trong ngành.	4.0	PLO4
CLO2	Giải thích quy trình thiết kế và ưu thế của phần mềm chuyên biệt cho sản phẩm đồ họa.	2.0	PLO3
CLO3	Phân tích vấn đề thực tế và đề xuất giải pháp sáng tạo phù hợp với yêu cầu khách hàng.	4.0	PLO6
CLO4	Vận dụng kiến thức cơ bản và chuyên ngành để thiết kế mẫu in ấn, bao bì, và quảng cáo.	3.0	PLO4
CLO5	Thực hiện và kiểm tra chất lượng sản phẩm thiết kế dựa trên tiêu chuẩn kỹ thuật và sản xuất.	6.0	PLO7

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1: THIẾT KẾ TẠP CHÍ	2		2		10		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	1.1 Trang bìa 1.2 Bố cục trình bày Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		
2	CHƯƠNG 1: THIẾT KẾ TẠP CHÍ (TT)	2		2		10			
	1.3 Hình ảnh • Hình bitmap (theo chuyên đề) • Hình minh họa 1.4 Màu sắc Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		

Thiết kế tạp chí, Catalogue

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	CHƯƠNG 1: THIẾT KẾ TẠP CHÍ (TT)	2		2		10			
	1.5 Typo 1.6 Nguyên tắc dàn trang và khổ bát chữ 1.7 Chất liệu giấy Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		A1 A3
4	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ CATALOGUE	2		2		5			
	2.1 Trang bìa 2.2 Bố cục trình bày Bài tập						CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
5	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ CATALOGUE (TT)	2		4		5			
	2.3 Hình ảnh • Hình bitmap • Hình vector 2.4 Màu sắc Bài tập								A1
6	CHƯƠNG 2: THIẾT KẾ CATALOGUE (TT)	2		2		5			A2
	2.5 Typo 2.6 Chất liệu giấy Bài tập						CLO1 CLO3 CLO4 CLO5		A3
7	CHƯƠNG 3: NHỮNG THIẾT KẾ NỔI BẬT	2		2		5			
	3.1 Tạp chí nước ngoài 3.2 Tạp chí Việt Nam Bài tập								

Thiết kế tạp chí, Catalogue

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
8	CHƯƠNG 3: NHỮNG THIẾT KẾ NỔI BẬT (TT)	2		2		5	CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	3.3 Catalogue nước ngoài 3.4 Catalogue Việt Nam								
9	CHƯƠNG 4: QUY TRÌNH THIẾT KẾ TẠP CHÍ	2		2		5	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5		
	4.1 Xác định đối tượng đọc giả 4.2 Xác định phong cách thiết kế 4.3 Xác định các chương mục 4.4 Xác định chất liệu giấy 4.5 Xác định số màu mực in Bài tập								
10	CHƯƠNG 4: QUY TRÌNH THIẾT KẾ TẠP CHÍ (TT)	2		2		5	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5		
	4.6 Tìm hình ảnh 4.7 Tìm cách sắp đặt chữ Bài tập								
11	CHƯƠNG 4: QUY TRÌNH THIẾT KẾ TẠP CHÍ (TT)	2		2		5	CLO3 CLO4 CLO5		
	Chỉnh sửa các phương án thiết kế tạp chí Bài tập								
12	CHƯƠNG 5: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CATALOGUE	2		2		5	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5		
	5.1 Xác định khách hàng tiềm năng 5.2 Xác định đề tài- chủ đề 5.3 Xác định phong cách thiết kế 5.4 Xác định cấu trúc catalogue 5.5 Xác định chất liệu giấy 5.6 Xác định số màu mực in Bài tập								

Thiết kế tạp chí, Catalogue

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
13	CHƯƠNG 5: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CATALOGUE (TT)	2		2		5	CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lại tổng hợp lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	5.7. Tìm hình ảnh 5.8. Tìm cách sắp đặt chữ Bài tập								
14	CHƯƠNG 5: QUY TRÌNH THIẾT KẾ CATALOGUE (TT)	2		2		5	CLO3 CLO4 CLO5		
	Chỉnh sửa các phương án thiết kế Catalogue Bài tập								
15	TỔNG HỢP – TRƯNG BÀY	2		2		5	CLO3 CLO4 CLO5		
	Trưng bày – Đánh giá Ôn tập kiến thức								
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Thiết kế tạp chí, Catalogue

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu:</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu:</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Horst Moser, 2003, *The art directors' handbook of professional magazine design. Classic techniques and inspirational approaches*, London: Thames & Hudson.

[2]. Marcel Broodthaers: *Catalogue des livres = Catalogue of books = Katalog der Bucher 1957-1975*, Paris: Maria Gilissen, 1982.

- Tài liệu tham khảo:

[3]. *The Design Book: 1000 New Designs for the Home and Where to Find Them* by Jennifer Hudson, 2013 (Laurence King Publishing).

[4]. Balthus: *Catalogue raisonné of the complete works / Virginie Monnier, Jean Clair*. - Paris: Gallimard, 1999

[5]. *Mag art: Innovation in Magazine Design / Charlotte Rivers*. - Singapore: Page One, 2006.

KHOA CNTT

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN


Đinh Đình Thang


Trần Thị Nhã Vi

Thiết kế bao bì



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ BAO BÌ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế bao bì
Tên học phần Tiếng Anh:	Packaging Design
Mã học phần:	06CQ1147
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học giúp người học hình thành các kỹ năng cơ bản về thiết kế thẩm mỹ cho bao bì hộp giấy và các dạng bao bì khác. Về mảng thiết kế môn học giúp người học: xác định các yêu cầu về cấu trúc bao bì cho một sản phẩm; xác định chất liệu sử dụng, nghiên cứu màu sắc phù hợp với tính chất sản phẩm, lựa chọn các hình thức chữ, hình ảnh phù hợp, phác thảo các phương án, thực hiện thiết kế trên các mặt bao bì và đảm bảo tính thống nhất về mặt thẩm mỹ cho toàn bộ bao bì.

Thiết kế bao bì

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Xác định và giải thích các nguyên lý, màu sắc, vật liệu, và phần mềm trong thiết kế đồ họa.	2.0	PLO3
CLO2	Nhận biết vấn đề, phân tích phương án, và đề xuất giải pháp sáng tạo phù hợp yêu cầu.	3.0	PLO4
CLO3	Tổ chức nhóm, thuyết trình hiệu quả, và đọc hiểu tài liệu chuyên ngành thiết kế đồ họa.	6.0	PLO6
CLO4	Thiết lập mục tiêu, thử nghiệm ý tưởng, và xây dựng quy trình thiết kế in ấn, bao bì, quảng cáo.	6.0	PLO7
CLO5	Vận dụng kiến thức đa ngành để thực hiện và kiểm soát chất lượng sản phẩm thiết kế.	3.0	PLO4

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1: NHẬP MÔN BAO BÌ	4				10	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	1.1. Khái niệm Bao bì 1.2. Lịch sử phát triển của bao bì Bài tập								
2	CHƯƠNG 2: BAO BÌ THƯƠNG HIỆU	2		2		10			
	2.1. Các dạng bao bì thương hiệu 2.2. Chất liệu của bao bì Bài tập								
3	CHƯƠNG 2: BAO BÌ THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		10	CLO1		A1
	Xây dựng cấu trúc bao bì								
4	CHƯƠNG 3: CHỮ TRONG	2		2		5	CLO1	Dạy: GV giảng lý	A1

Thiết kế bao bì

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	BAO BÌ THƯƠNG HIỆU						CLO3 CLO5	thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A2 A3
	3.1. Thông tin sản phẩm 3.2. Chữ và mối quan hệ với thông tin và thị giác Bài tập								
5	CHƯƠNG 3: CHỮ TRONG BAO BÌ THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		5			
	Chỉnh sửa Thông tin và chữ trên bao bì Bài tập						CLO1 CLO4 CLO5		
6	CHƯƠNG 4: HÌNH TRONG BAO BÌ THƯƠNG HIỆU	2		2		5			
	4.1. Hình vẽ 4.2. Hình ảnh Bài tập								
7	CHƯƠNG 4: HÌNH TRONG BAO BÌ THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		5			
	4.3. Hình theo sản phẩm 4.4. Hình theo đối tượng khách hàng Bài tập								
8+9	CHƯƠNG 5: BỐ CỤC TRONG BAO BÌ THƯƠNG HIỆU	4		4		10			
	Chỉnh sửa phần hình cho bao bì Bố cục trong bao bì thương hiệu								

Thiết kế bao bì

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
10	CHƯƠNG 5: BỐ CỤC TRONG BAO BÌ THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		5	CLO1 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lại tổng hợp lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	Chỉnh sửa Bố cục trong bao bì thương hiệu								
11	CHƯƠNG 6: MÀU SẮC TRONG BAO BÌ THƯƠNG HIỆU	2		2		5			
	6.1. Màu sắc bao bì trong mối quan hệ với tâm lý người dùng 6.2. Màu sắc bao bì trong mối quan hệ với thương hiệu								
12	CHƯƠNG 6: MÀU SẮC TRONG BAO BÌ THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		5			
	6.3. Nguyên tắc phối màu bao bì								
13	CHƯƠNG 6: MÀU SẮC TRONG BAO BÌ THƯƠNG HIỆU (TT)	2		2		5			
	Chỉnh sửa màu trong bao bì								
14-15	CHƯƠNG 7: QUY TRÌNH THỰC HIỆN THIẾT KẾ BAO BÌ	4		4		10	CLO3 CLO4 CLO5		
	Quy trình thực hiện thiết kế bao bì								
	Tổng	30		30		90			

Thiết kế bao bì

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

Thiết kế bao bì

- Sách, giáo trình chính:

- [1]. Steven Dupuis, John Silva, 2008, *Package design workbook: the art and science of successful packaging*, America: Rockport.
- [2]. Giles Calver, 2007, *What is packaging design*, Singapore: PageOne.

- Tài liệu tham khảo:

- [3]. Josep M. Garrofé, 2007, *Structural packaging workbook*, Singapore: Page One.
- [4]. Marianne Rosner Klimchuk, Sandra A. Krasovec, 2006, *Packaging Design: Successful Product Branding from Concept to Shelf*, New Jersey: John Wiley & Sons, Inc.
- [5]. *The designer's packaging bible: Creative solutions for outstanding design*, USA: Rotovision, 2007.
- [6]. Edward Denison, 2008, *Print and production finishes for packaging*, Switzerland: RotoVision, 2008.
- [7]. Zeixs, 2009, *Label & packaging design*, Singapore: Page One.
- [8]. Steven Dupuis, John Silva, *Package design workbook*.
- [7]. Trang web: www.thedieline.com

KHOA CNTT


Minh Đình Mạnh

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN


Trần Thị Nhã Vi

Thiết kế minh họa



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ MINH HỌA

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế minh họa
Tên học phần Tiếng Anh:	Illustration Design
Mã học phần:	06CQ1148
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học giúp người học ứng dụng các kiến thức đã học ở các môn học trước như: nguyên lý thị giác, định luật xa gần, nghệ thuật chữ, ý tưởng sáng tạo, kỹ năng sử dụng các phần mềm thiết kế.... để tạo ra sản phẩm cụ thể bao gồm tranh minh họa, sách báo, truyện tranh... Người học được nâng cao kỹ năng phân tích và hình thành ý tưởng, tìm kiếm và khai thác

Thiết kế minh họa

dữ liệu, phác thảo các phương án thiết kế, ứng dụng các phần mềm đồ họa và thực hiện ý tưởng thành sản phẩm ấn phẩm minh họa trên máy tính.

3 CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Hiểu và ứng dụng kiến thức cơ bản về thiết kế minh họa vào thực hành.	2.0	PLO3
CLO2	Phân biệt chất liệu và sử dụng thành thạo phần mềm đồ họa chuyên ngành (xử lý ảnh, manga, 3D).	3.0	PLO4
CLO3	Tự nghiên cứu , kiểm chứng kiến thức giải phẫu, hình họa, phối cảnh trong bài tập minh họa.	6.0	PLO6
CLO4	Xác định mâu thuẫn, đề xuất giải pháp sáng tạo khi thiết kế truyện và nhân vật.	2.0	PLO3
CLO5	Thể hiện tư duy sáng tạo, đam mê, và khả năng cập nhật xu hướng trong thiết kế minh họa.	6.0	PLO7

4 NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1-2	Chương 1: Tổng quan về thiết kế minh họa	4		4		10			
	1.1. Khái niệm và vai trò của minh họa trong thiết kế đồ họa 1.2. Lịch sử phát triển minh họa từ truyền thống đến hiện đại 1.3. Các thể loại minh họa phổ biến hiện nay						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;	A1 A3

Thiết kế minh họa

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	1.4. Xu hướng minh họa trong thiết kế đương đại 1.5 Các phong cách minh họa trong thiết kế							- Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	
3-4	Chương 2: Nguyên lý và phương pháp thiết kế minh họa	4		4		10			
	2.1. Bố cục và sắp xếp hình ảnh trong minh họa 2.2. Nguyên lý màu sắc và ứng dụng trong minh họa 2.3. Đường nét, hình khối, nhịp điệu trong minh họa 2.4. Phương pháp sáng tạo ý tưởng minh họa 2.5. Ứng dụng minh họa vào truyền thông và thiết kế thương mại 2. 6 Kỹ thuật và công cụ thiết kế minh họa						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
5-7	Chương 3: Thực hành thiết kế minh họa	6		6		20			
	3.1 Tìm ý tưởng kịch bản câu truyện 3.2 Tìm nhân vật câu truyện 3.3 Viết lời thoại câu truyện 3.4 Chia phân cảnh câu truyện						CLO1	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp:	A1 A3

Thiết kế minh họa

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
							CLO2 CLO5	- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
8-15	Chương 3: Thực hành thiết kế minh họa (tt)	16		16		50			
	3.5 Các bước thực hiện						CLO1 CLO3 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A2 A3
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà	CLO1 CLO3 CLO4	10

Thiết kế minh họa

	-Làm bài tập tại lớp	CLO5	
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Michael Rhodes, 2014, *Beginner's Guide*, Manga Studio 5.

[2]. Steven Heller, Marshall Arisman, Teaching Illustration, 2006, *Course offerings and class projects from the leading undergraduate and graduate programs: Đề cương giảng dạy vẽ minh họa*, NY.: Allworth.

Thiết kế minh họa

[3]. Steve Caplin, 2003, *The complete guide to digital illustration*, New York: Watson – Guptill.

- Sách (TLTK) tham khảo:

[4]. Liz Staley, *Mastering Manga Studio 5*, 2013.

[5]. Châu Lâm Quân, 2003, *Một trăm ví dụ kinh điển thiết kế tranh minh họa (Âu - Mỹ)*, Trung Quốc: Trung tâm xuất bản Đông Phương.

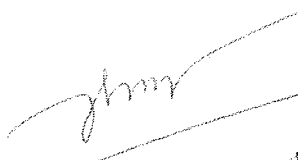
[6]. Phạm Thành Giáo, 1993, *Nghệ thuật minh họa*.

[7]. Zeixs, 2007, *Illustration*, Singapore: Page One.

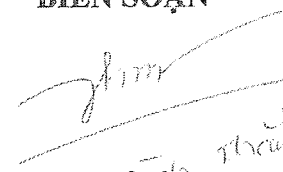
[8]. Catharine Slade, 2003, *The encyclopedia of illustration techniques*, Singapore: Page One.

[9]. *World illustration book*, USA, 1993.

KI. TRƯỞNG KHOA


Kính Đình Thành

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN


Kính Đình Thành

Thiết kế Web



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ WEB

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế web
Tên học phần Tiếng Anh:	Web Design
Mã học phần:	06CQ1150
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	ThS. Trịnh Đình Thắng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Thiết kế Web giúp sinh viên hiểu tổng quan về web và ngôn ngữ HTML, thiết kế được giao diện web cơ bản cho một số ngành nghề, phối hợp những kiến thức đã học về Photoshop, bố cục, màu sắc, nhiếp ảnh, Typography vào việc thiết kế giao diện web. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được cung cấp một số kiến thức về tâm lý chung của khách hàng và cách thức tiếp cận, bảo vệ ý kiến của mình có hiệu quả trước khách hàng ...

Thiết kế Web

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Mô tả và áp dụng các nguyên lý thiết kế đồ họa, lý thuyết màu sắc trong sáng tạo.	2.0	PLO4
CLO2	Phân tích, tổng hợp dữ liệu và giải quyết hiệu quả các vấn đề thiết kế.	4.0	PLO6
CLO3	Nhận diện bối cảnh mỹ thuật ứng dụng trong kinh tế thị trường Việt Nam và quốc tế.	2.0	PLO4
CLO4	Tiếp cận, nắm bắt công nghệ mới để phát triển ý tưởng thiết kế.	4.0	PLO9
CLO5	Thiết kế, đánh giá và triển khai giao diện web cho các đơn vị cụ thể.	4.0	PLO9

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Mục đích- Yêu cầu của việc thiết kế web.	2		2		6			
	1.1 Mục đích- Yêu cầu 1.2 Tổng quan về website và Ngôn ngữ HTML 1.3 Ý nghĩa và tầm quan trọng. Bài tập							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1
2-3	Chương 2: Quy trình thiết kế web.	4		4		12			
	2.1 Cơ bản về CSS 2.2 CSS2 và CSS3 2.3 Javascript cơ bản và các cấu trúc điều khiển trong 2.4 Các đối tượng và sự kiện trong Javascript 2.5 JQuery Framework. Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		A3

Thiết kế Web

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
4-5	Chương 2: Quy trình thiết kế web (tt)	4		4		12			
	2.6 Kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu 2.7 Thiết kế website bằng photoshop 2.8 Cắt HTML + CSS từ bản thiết kế Photoshop 2.9 Tổng quan về website và Ngôn ngữ HTML 2.10 Ý nghĩa và tầm quan trọng Bài tập								
6-8	Chương 3: Thiết kế web với phần mềm DreamWeaver	6		6		18			
	3.1 Start Page của DreamWeaver 3.2 Page của DreamWeaver 3.3 Cửa sổ tài liệu 3.4 DreamWeaver 8 Document 3.5 Status Bar, Property Inspector v. Panel. 3.6 Layout - Quản lý các cửa sổ 3.7 Site cục bộ 3.8 Site từ xa 3.9 FTP, SFTP v. Web DAV (1) 3.10 FTP, SFTP v. Web DAV (2) 3.11 Hiệu chỉnh Site 3.12 Panel Files trong DreamWeaver 3.13 Panel Files trong DreamWeaver 3.14 SYNCHRONIZE Đồng Bộ H.a 3.15 Trang trang đầu tin với DreamWeaver 3.16 Hyperlink - Siêu liên kết 3.17 Insert Ảnh 3.18 Thuộc tính của Page (Page Properties). Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3

Thiết kế Web

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
9	Chương 4: Các lĩnh vực thiết kế web thường gặp.	2		2		6		Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	4.1 Thiết kế web cơ bản. 4.2 Thiết kế web dịch vụ. 4.3 Thiết kế web tin tức. 4.4 Thiết kế web giáo dục. 4.5 Thiết kế web thương mại điện tử. Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO5		
10	Chương 5: Quy trình dịch vụ thiết kế giao diện web	2		2		6			
	5.1 Giai đoạn 1: Gặp gỡ khách hàng và tiếp nhận yêu cầu 5.2 Giai đoạn 2: Cùng khách hàng tìm hiểu các thông tin về thị trường sản phẩm và dịch vụ để quyết định gói 5.3 Giai đoạn 3: Thiết kế giao diện website mẫu và lấy ý kiến khách hàng. Bài tập						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
11-14	Chương 6: Bài tập thiết kế web	8		8		24			
	6.1 Chọn công ty 6.2 Tìm kiếm tư liệu hình ảnh 6.3 Tìm kiếm ý tưởng thiết kế 6.4 Chọn lựa màu sắc 6.5 Thiết kế một giao diện web. Bài tập								
15	Ôn tập tổng hợp	2		2		6		CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	
	Tổng hợp kiến thức Hỏi đáp Định hướng sau môn học								
Tổng		30		30		90			

Thiết kế Web

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Bùi Đức Tuấn (chủ biên), 2005, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, *Lập kế hoạch kinh doanh*, NXB Khoa học Xã hội.

[2]. Phạm Cao Hoàn, Nguyễn Thị Nam, Nguyễn Văn Khôi, Huyền Nữ, 1997, *Luật phối cảnh trong hội họa*.

[3]. David Chelsea, 1997, *Perspective for Comic Book Artists*, Watson Guptill Publications.

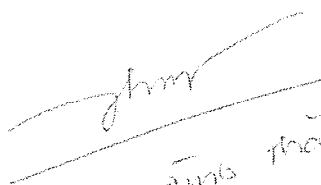
- Sách (TLTK) tham khảo:

[4]. Võ Thị Quý, 2011, *Lập kế hoạch kinh doanh*, NXB Thống Kê.

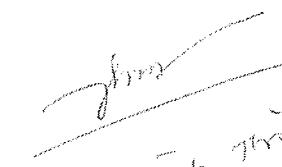
[5]. Phạm Ngọc Thúy (chủ biên), *Kế hoạch kinh doanh*, NXB ĐHQG TP HCM.

[6]. DAVID H. BANGS.JR, *Hướng dẫn lập kế hoạch kinh doanh*.

KHOA CNTT


Truong Dinh Phung

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN


Truong Dinh Phung

Chế bản điện tử



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHẾ BẢN ĐIỆN TỬ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Chế bản điện tử
Tên học phần Tiếng Anh:	Electronic Publishing
Mã học phần:	06CQ1149
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Chế bản điện tử nhằm rèn luyện các kỹ năng cơ bản về kiểm tra và xử lý dữ liệu đồ họa để có được dữ liệu “sạch” trước khi tiến hành chế tạo khuôn in hoặc in.

Các kỹ năng rèn luyện bao gồm:

- Kiểm tra và xử lý dữ liệu từ các phần mềm ứng dụng chuyên ngành in đáp ứng được yêu cầu chế tạo khuôn in hoặc in tương ứng:

- Kiểm tra, xử lý được văn bản. o Kiểm tra, xử lý được màu sắc.

Chế bản điện tử

- Kiểm tra, xử lý được khung trang.
 - Kiểm tra, xử lý được các đối tượng đồ họa.
 - Kiểm tra, xử lý được hình ảnh dạng bitmap.
 - Kiểm tra, xử lý được các lỗi về Overprint, Hairline...
 - Kiểm tra, xử lý được sự phù hợp của nội dung, bố cục so với bài mẫu.
- Tạo file PDF từ các phần mềm ứng dụng.
- Sử dụng các công cụ khác nhau từ các trình ứng dụng khác nhau xử lý các đối tượng trên file đồ họa ...

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Mô tả và sử dụng phần mềm kiểm tra, xử lý dữ liệu đồ họa trong chế bản.	2.0	PLO3
CLO2	Nhận diện và phân tích nguyên nhân lỗi chế bản và đề xuất biện pháp khắc phục.	4.0	PLO4
CLO3	Áp dụng lý thuyết màu sắc và nguyên lý phục chế để kiểm soát chất lượng sản phẩm.	3.0	PLO4
CLO4	Phân tích vấn đề và lựa chọn phương án phù hợp, đồng thời cập nhật kiến thức kỹ thuật.	4.0	PLO5
CLO5	Thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng, tạo file PDF, và chỉnh sửa file đảm bảo xuất bản không lỗi.	6.0	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Bài 1: Kiểm tra và xử lý file từ phần mềm chuyên dụng.	3		1		6			
	1.1 Chu trình sản xuất sản phẩm.							Day: GV giảng lý	

Chế bản điện tử

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	1.2 Những khó khăn thường gặp trong qui trình chế bản. 1.3 Kiểm tra và chỉnh sửa từ các phần mềm ứng dụng: - Qui trình kiểm tra, chỉnh sửa file. - Những vấn đề cần kiểm tra và chỉnh sửa. - Kiểm tra và chỉnh sửa file từ phần mềm ứng dụng Adobe Illustrator - Kiểm tra và chỉnh sửa file từ phần mềm ứng dụng Adobe Photoshop Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
2	Bài 2: Kiểm tra và xử lý file từ phần mềm dàn trang.	3		1		6	CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A3
	2.1 Qui trình kiểm tra, chỉnh sửa file. 2.2 Những vấn đề cần kiểm tra và chỉnh sửa. 2.3 Tạo Preflight Profile để kiểm tra. 2.4. Kiểm tra và chỉnh sửa từ phần mềm Adobe InDesign. Bài tập								
3	Bài 3: Tạo File Pdf	2		2		6			A1
	3.1 Giới thiệu chung về file có định dạng PDF 3.2 Những chuẩn file PDF dùng trong in ấn. 3.3 Tạo file PDF từ các phần mềm chuyên dụng: Adobe InDesign, Adobe Allustrator, Adobe Photoshop. 3.4 Dùng Distiller tạo file PDF. 3.5 Những vấn đề cần chú ý khi tạo file pdf								A3

Chế bản điện tử

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Bài tập								
4-5	Bài 4: Sử dụng công cụ Acrobat kiểm tra pdf	4		4		12	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	4.1 Sử dụng lệnh comment trong Acrobat 4.2 Quy trình kiểm tra và nội dung cần kiểm tra (checklist) theo điều kiện in cụ thể. 4.3 Sử dụng lệnh Output Preview kiểm tra file. 4.4 Kiểm tra khung trang. 4.5 Sử dụng lệnh Preflight kiểm tra file Bài tập								A2
									A3
6-7	Bài 5: Chỉnh sửa đơn giản với acrobat.	4		4		12	CLO1 CLO3 CLO5		
	5.1 Thực hiện các chỉnh sửa liên quan đến trang: xóa trang, thêm trang, tách trang, ghép trang. 5.2 Extract các hình ảnh có trong tập tin pdf. 5.3 Thêm một số nội dung như: Headers & Footers, đối tượng ĐH 5.4 Xử lý văn bản. 5.5 Xử lý hình ảnh: xoay, lật, di chuyển, chỉnh sáng, phóng lớn, thu nhỏ). 5.6 Xử lý kích thước file, khung trang Bài tập								
8-9	Bài 6: Sử dụng Plug-in kiểm tra và chỉnh sửa file pdf.	4		4		12	CLO1 CLO4 CLO5		
	6.1 Quy trình kiểm tra. 6.2 Sử dụng Preflight (Enfocus Pistop). 6.3 Dùng Enfocus Pistop chỉnh sửa file PDF - Xử lý các đối tượng là chữ - Xử lý các đối tượng Đồ họa - Xử lý các đối tượng bitmap								

Chế bản điện tử

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	- Xử lý khung trang Bài tập								
10-11	Bài 7: Kiểm tra và chỉnh sửa file pdf với công cụ Global change và Action list.	4		4		12	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành thực tế. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	7.1 Chỉnh sửa với trợ giúp của hai công cụ Global change và Action List do Enfocus Pitstop Pro cung cấp. - Xử lý các đối tượng là chữ - Xử lý các đối tượng Đồ hoạ - Xử lý các đối tượng bitmap - Xử lý khung trang. Bài tập								
12	Bài 8: Chuyển đổi không gian màu.	2		2		6	CLO1 CLO4 CLO5		
	8.1 Chuyển đổi qua lại giữa các hệ màu bằng các công cụ đã học: - RGB -> CMYK - SPOT -> CMYK - CMYK -> SPOT - RGB, CMYK -> GREY								
13-15	Bài 9: Thực hành tổng hợp.	4		8		12	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
	9.1 Kiểm tra và xử lý tài liệu nhiều trang (sách báo, tạp chí) 9.2 Kiểm tra và xử lý tài liệu phức tạp (bao bì, nhãn hàng) (Dựa trên điều kiện sản xuất thực tế, lựa chọn phương án xử lý tối ưu). Ôn tập kiến thức Bài tập								

Chế bản điện tử

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 3 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 4 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu:</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 5 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 6 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CĐR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
	CĐR				

Chế bản điện tử

Chương 7 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Trần Thanh Hà, 2014, *Giáo trình Kiểm tra và xử lý file*.

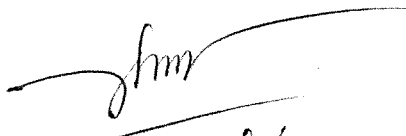
- Sách (TLTK) tham khảo:

[2]. Phần mềm Adobe Acrobat Professional

(<https://helpx.adobe.com/indesign/topics.html>).

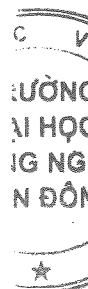
[3]. Enfocus Pistop, PDF Toolbox, ArtPro, Artwork, Plato, Desktop...

KHOA CNTT


Trình Anh Hằng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Trình Anh Hằng



Thực tập đồ họa



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC TẬP ĐỒ HỌA

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thực tập đồ họa
Tên học phần Tiếng Anh:	Graphic Design Internship
Mã học phần:	06CQ1151
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	0 tiết
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần Thực tập đồ họa là học phần rèn luyện cho người học những kỹ năng cơ bản về kỹ thuật đồ họa: thực hiện được các lệnh cơ bản trong phần mềm đồ họa; vẽ được các hình cơ bản; xử lý chữ trong phần mềm đồ họa; chọn được các đối tượng để thực hiện các thao tác xử lý; kết hợp các hình cơ bản thành các hình phức tạp; nhập hình ảnh và thu phóng hình ảnh; kỹ năng cơ bản khi pha màu và tô màu trong các phần mềm đồ họa; kiểm tra tổng quát chất lượng tài liệu trước khi in; in tài liệu.

Thực tập đồ họa

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Mô tả được các nguyên lý thiết kế đồ họa, lý thuyết màu sắc và phần mềm đồ họa trong công nghệ in.	2.0	PLO1 PLO2
CLO2	Ứng dụng các nguyên lý thiết kế để tạo sản phẩm in đáp ứng yêu cầu công nghệ in.	3.0	PLO3 PLO4
CLO3	Tự cập nhật các tính năng mới của phần mềm đồ họa phục vụ thiết kế và sản xuất in.	4.0	PLO5 PLO6
CLO4	Thiết lập bố cục, dàn trang và chuẩn bị file thiết kế phù hợp với công nghệ in.	5.0	PLO7
CLO5	Tạo ra file in thử, kiểm tra, chỉnh sửa và trapping để đảm bảo chất lượng sản xuất in. Rèn luyện Tinh thần học tập suốt đời	6.0	PLO8 PLO9

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Bài tập 1: Thao tác cơ bản trên trang tài liệu			4		5			
	1. Phân biệt ảnh Bitmap - ảnh vector. 2. Giới thiệu các phần mềm đồ họa, các phiên bản, tính năng cơ bản của phần mềm đồ họa. 3. Tạo tài liệu mới – Chỉnh sửa kích thước tài liệu. 4. Mở tài liệu có sẵn – Lưu tài liệu. 5. Chọn, sắp xếp đối tượng trên tài liệu						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học.	A1 A3
2	Bài tập 2: Vẽ hình cơ bản			4		4			
	1. Vẽ các hình đơn giản. 2. Chọn đối tượng 3. Sắp xếp đối tượng. Bài tập								

Thực tập đồ họa

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3-4	Bài tập 3: Vẽ hình			4		4	CLO1 CLO2 CLO5		A1
	(Sửa bài tập ở nhà. Thống kê, tổng kết các sai hỏng). 3. Kết hợp các hình đơn giản để tạo hình phức tạp. 4. Biến đổi hình dạng đối tượng. Bài tập								A3
5-6	Bài tập 4: Tô màu			8		4	CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	(Sửa bài tập ở nhà: Thống kê, tổng kết các sai hỏng). 1. Tạo màu mới. 2. Tô màu. 3. Copy màu – Copy thuộc tính. 4. Overprint, Trapping. Bài tập								
7-8	Bài tập 5: Chữ			8		4			
	(Sửa bài tập ở nhà. Thống kê, tổng kết các sai hỏng). 1. Nhập chữ. 2. Xử lý từ - Xử lý đoạn văn bản. 3. Liên kết các khối văn bản. 4. Chữ chạy quanh hình. 5. Chia cột cho chữ. 6. Thay thế chữ - kiểm tra chính tả Bài tập								
9-10	Bài tập 6: Hình Bitmap			8		4			
	(Sửa bài tập ở nhà. Thống kê, tổng kết các sai hỏng). 1. Nhập hình 2. Quản lý hình ảnh nhập 3. Cắt cúp – chỉnh sửa hình. 4. Chuyển hình Vector thành hình Bitmap... Bài tập								

Thực tập đồ họa

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
11	Bài tập 7: Hiệu ứng			8		4	CLO3 CLO4 CLO5		
	(Sửa bài tập ở nhà. Thống kê, tổng kết các sai hỏng).								
	1. Blend 2. Envelope Bài tập								
12-13	Bài tập 8: Hiệu ứng			8		4			
	(Sửa bài tập ở nhà. Thống kê, tổng kết các sai hỏng).						CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	3. 3D 4. Pattern 5. Symbol 6. Appearance 7. Distort, Stylize... 8. Opacity Bài tập								
14	Bài tập 9: Xuất dữ liệu			8		4			
	(Sửa bài tập ở nhà tuần 8. Thống kê, tổng kết các sai hỏng).								
	1. Các định dạng dữ liệu khi lưu file. 2. Xuất dữ liệu. 3. Kiểm tra tài liệu trước khi in. 4. In tài liệu Bài tập								
15	Ôn tập			4		8	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		
	Tổng hợp kiến thức Kỹ năng trọng tâm Bài tập ôn tập								
Tổng				60		40			

Thực tập đồ họa

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài thi thực hành theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Bài 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Bài 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Bài 7 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Bài 8 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Bài 9 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

Thực tập đồ họa

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

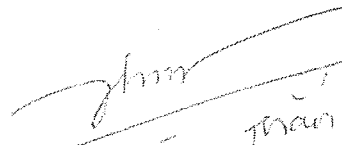
[1]. *Hướng dẫn Thực tập đồ họa*, Khoa CNTT.

Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Đức Hiếu, 2016, *Tự học Adobe Illustrator CS6 trong thiết kế đồ họa*, NXB Hồng Đức.

[3] Adobe Creative Team, 2017, *Adobe Illustrator CC Classroom in a Book*, Adobe.

KHOA CNTT


Nguyễn Đức Hiếu

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Trần Thị Như Vi.

Kỹ thuật nhiếp ảnh



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KỸ THUẬT NHIẾP ẢNH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Kỹ thuật nhiếp ảnh
Tên học phần Tiếng Anh:	Photography Techniques
Mã học phần:	06CQ1152
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - BRAND IDENTITY DESIGN

Kỹ thuật Nhiếp ảnh là môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về nhiếp ảnh, giúp sinh viên hiểu và vận dụng các nguyên tắc kỹ thuật để chụp ảnh chất lượng cao. Khóa học tập trung vào các yếu tố như ánh sáng, bố cục, màu sắc, thiết lập máy ảnh, cùng với các phương pháp xử lý hậu kỳ để tạo ra hình ảnh chuyên nghiệp.

Kỹ thuật nhiếp ảnh

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được các nguyên lý hoạt động của máy ảnh và các thiết bị nhiếp ảnh.	2.0	PLO3
CLO2	Vận dụng được các thông số kỹ thuật như khẩu độ, tốc độ màn trập, ISO, cân bằng trắng.	3.0	PLO3
CLO3	Trình bày được bố cục, ánh sáng và màu sắc trong nhiếp ảnh. Biết cách sử dụng phần mềm chỉnh sửa ảnh cơ bản như Photoshop, Lightroom.	2.0	PLO3
CLO4	Ứng dụng nhiếp ảnh vào các lĩnh vực thiết kế đồ họa, truyền thông, nghệ thuật.	3.0	PLO4
CLO5	Thể hiện đạo đức chuyên nghiệp, tính trung thực, bốn phân và trách nhiệm. Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực mỹ thuật.	3.0	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ NHIẾP ẢNH	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
	1.1 Sơ lược về nhiếp ảnh Bài tập vận dụng								
2	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ NHIẾP ẢNH (TT)	2		2		6			
	1.2 Một số thể loại nhiếp ảnh Bài tập vận dụng								

Kỹ thuật nhiếp ảnh

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ NHIẾP ẢNH (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1
	1.3 Xu hướng phát triển của Nhiếp ảnh Bài tập vận dụng								A3
4	CHƯƠNG 2: CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA MÁY ẢNH	2		2		6			A1
	3.1. Nguyên lý quang học Bài tập vận dụng								
5	CHƯƠNG 2: CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA MÁY ẢNH (TT)	2		2		6			
	3.2. Thành phần cơ bản của máy ảnh Bài tập vận dụng								
6	CHƯƠNG 2: CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA MÁY ẢNH (TT)	2		2		6			A2
	3.3 Chức năng cơ bản của máy ảnh Bài tập vận dụng								A3
7	CHƯƠNG 2: CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA MÁY ẢNH (TT)	2		2		6			
	3.4 Trang thiết bị phụ trợ Bài tập vận dụng								

Kỹ thuật nhiếp ảnh

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
8	CHƯƠNG 3: TƯ DUY TẠO HÌNH TRONG NHIẾP ẢNH	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	3.1 Giới thiệu chung về bố cục và không gian ảnh Bài tập vận dụng								
9	CHƯƠNG 3: TƯ DUY TẠO HÌNH TRONG NHIẾP ẢNH (TT)	2		2		6			
	3.2 Ánh sáng Bài tập vận dụng								
10	CHƯƠNG 3: TƯ DUY TẠO HÌNH TRONG NHIẾP ẢNH (TT)	2		2		6			
	3.2 Ánh sáng (tt) Bài tập vận dụng								
11	CHƯƠNG 3: TƯ DUY TẠO HÌNH TRONG NHIẾP ẢNH (TT)	2		2		6			
	3.3 Đường nét tạo hình trong nhiếp ảnh Bài tập vận dụng								
12	CHƯƠNG 3: TƯ DUY TẠO HÌNH TRONG NHIẾP ẢNH (TT)	2		2		6			
	3.3 Đường nét tạo hình trong nhiếp ảnh (tt) Bài tập vận dụng								

Kỹ thuật nhiếp ảnh

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
13	CHƯƠNG 3: TƯ DUY TẠO HÌNH TRONG NHIẾP ẢNH (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ... Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1 A2 A3
	3.4 Tính biểu cảm trong nhiếp ảnh Bài tập vận dụng								
14	CHƯƠNG 3: TƯ DUY TẠO HÌNH TRONG NHIẾP ẢNH (TT)	2		2		6			
	3.4 Tính biểu cảm trong nhiếp ảnh (tt) Bài tập vận dụng								
15	CHƯƠNG 3: TƯ DUY TẠO HÌNH TRONG NHIẾP ẢNH (TT)	2		2		6			
	3.5 Tính biểu cảm trong nhiếp ảnh (tt) Bài tập vận dụng								
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành		30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Đồ án môn học theo Quy định của nhà trường		60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Kỹ thuật nhiếp ảnh

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0	Số câu: 0.5
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 0.5 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 0.5 Tỉ lệ: 10%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

[1] Bùi Minh Sơn, *Căn bản kỹ thuật Nhiếp ảnh*, 2010, NXB Thời đại.

Tài liệu tham khảo

[1] Hội nghệ sỹ nhiếp ảnh Việt Nam, *Kỹ thuật nhiếp ảnh*, NXB Công nhân kỹ thuật (Thư viện Quốc gia Việt Nam, 31 Tràng Thi, Hà Nội)

[3] Bectôn Bai Lơ, *Suy nghĩ về nhiếp ảnh*, 1986, NXB Văn hóa.

[4] Trần Mạnh Thường, *Nhiếp ảnh và cuộc sống*, 2003, NXB Văn hóa.

[5] Lê Thanh Đức, *Nhiếp ảnh màu hiện đại*, 1998, NXB Văn hóa.

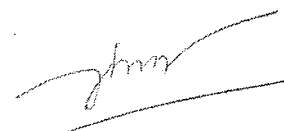
[6] Lê Phúc, *Nhiếp ảnh phê bình và tiểu luận*, 2002, NXB Thông tấn.

[7] Trần Mạnh Thường *Lịch sử nhiếp ảnh thế giới*, 1997, NXB Văn hóa thông tin.

[8] Adrian Bailey & Adrian Holloway (1979), *The book color photography*, Alfred A Knopf.

[9] Diễn đàn nhiếp ảnh: Xomnhiiepanh.vn; vnphoto.com

KHOA CNTT


Trần Mạnh Thường

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Trần Thị Nhã Vi

Ứng dụng AI trong thiết kế



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ỨNG DỤNG AI TRONG THIẾT KẾ

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Ứng dụng AI trong thiết kế
Tên học phần Tiếng Anh:	AI Applications in Design
Mã học phần:	06CQ1153
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	ThS. Trịnh Đình Thắng
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần giúp sinh viên tiếp cận và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) vào quá trình thiết kế đồ họa. Thông qua các công cụ AI hiện đại như DALL-E, Midjourney, Stable Diffusion, Runway ML, Adobe Sensei, sinh viên sẽ được thực hành tạo ra các sản phẩm thiết kế sáng tạo, tự động hóa quy trình và tối ưu hóa hiệu suất làm việc. Ngoài ra, môn học cũng trang bị kiến thức về xu hướng phát triển AI trong lĩnh vực sáng tạo và các vấn đề đạo đức khi sử dụng AI.

Ứng dụng AI trong thiết kế

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Mô tả được nguyên lý hoạt động và ứng dụng của AI trong thiết kế đồ họa.	2.0	PLO3
CLO2	Áp dụng AI để tạo hình ảnh, chỉnh sửa đồ họa và tối ưu bố cục thiết kế.	3.0	PLO6
CLO3	Phân tích hiệu quả của AI trong quy trình sáng tạo so với thiết kế truyền thống.	4.0	PLO4
CLO4	Phân loại và nhận diện được tính sáng tạo, hiệu suất và đạo đức khi sử dụng AI trong thiết kế.	4.0	PLO6
CLO5	Lựa chọn được sản phẩm thiết kế ứng dụng AI và trình bày quy trình thực hiện	5.0	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Bài 1: Tổng quan về AI trong thiết kế	4				6			
	1.1 Mục đích – Yêu cầu môn học 1.2 Giới thiệu AI trong thiết kế đồ họa 1.3 Xu hướng ứng dụng AI trong ngành sáng tạo Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề.	A1
2	Bài 1: Tổng quan về AI trong thiết kế (tt)			4		6			
	1.4 Cấu trúc môn học – Công cụ hỗ trợ 1.5 Giới thiệu các công cụ AI: DALL·E, Midjourney, Adobe Sensei Bài tập							Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A3

Ứng dụng AI trong thiết kế

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	Bài 2: Nguyên lý hoạt động của AI trong thiết kế	4				6			
	2.1 Tổng quan về AI: Cách hoạt động, mô hình Machine Learning & Deep Learning 2.2 Các thuật toán AI phổ biến trong thiết kế Bài tập						CLO1 CLO2 CLO5		A1
4	Bài 2: Nguyên lý hoạt động của AI trong thiết kế (tt)			4		6			A3
	2.3. Thực hành: Cài đặt và làm quen với các công cụ AI tạo hình ảnh Hỏi đáp Bài tập							Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp:	
5	Bài 3: Ứng dụng AI trong tạo hình ảnh	4				6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà:	
	3.1 Mô hình Text-to-Image 3.2 Công cụ AI: <u>Stable Diffusion</u> , <u>Runway ML</u> Bài tập							- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
6	Bài 3: Ứng dụng AI trong tạo hình ảnh (tt)			4		6			A1
	3.3 Thực hành: Tạo hình ảnh từ văn bản với DALL-E, Midjourney Bài tập						CLO3		A2
7	Bài 4: AI trong chỉnh sửa ảnh và tối ưu hóa thiết kế	4				6	CLO4 CLO5		A3
	4.1 Chỉnh sửa ảnh bằng AI: Tối ưu màu sắc, xử lý hậu kỳ 4.2 Công cụ AI hỗ trợ: Adobe Sensei, Runway ML Bài tập								
8	Bài 4: AI trong chỉnh sửa ảnh và			4		6	CLO3	Dạy: GV giảng lý	A1

Ứng dụng AI trong thiết kế

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	tối ưu hóa thiết kế (tt)								
	4.3 Thực hành: Chỉnh sửa ảnh tự động với AI Bài tập								
9	Bài 5: AI trong thiết kế bố cục và màu sắc	4				6			
	5.1 Ứng dụng AI trong thiết kế bố cục và phối màu 5.2 Công cụ AI: Canva AI, Adobe Firefly Bài tập								
10	Bài 5: AI trong thiết kế bố cục và màu sắc (tt)			4		6			
	5.3 Thực hành: Tạo bố cục tự động với AI Bài tập								
11	Bài 6: AI trong thiết kế UI/UX	4				6	CLO4 CLO5	thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A2 A3
	6.1 Ứng dụng AI trong thiết kế UI/UX 6.2 Công cụ AI hỗ trợ: Figma AI, Uizard Bài tập								
12	Bài 6: AI trong thiết kế UI/UX (tt)			4		6			
	6.3 Thực hành: Thiết kế giao diện UX/UI bằng AI Bài tập								
13	Bài 7: AI trong tạo nhân vật game và concept art	4				6			
	7.1 AI trong thiết kế nhân vật game 7.2 Công cụ AI: Artbreeder, Deep Dream Bài tập								
14	Bài 7: AI trong tạo nhân vật game và concept art (tt)			4		6	CLO3 CLO4	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình	A1

Ứng dụng AI trong thiết kế

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	7.3 Thực hành: Tạo nhân vật game bằng AI Bài tập						CLO5	hướng vào bối cảnh thực tiễn. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	
15	So sánh AI và thiết kế truyền thông	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5		A2 A3
	1. Phân tích ưu, nhược điểm của AI trong sáng tạo 2. Ảnh hưởng của AI đến công việc thiết kế								
	Tổng	30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	- Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) - Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp - Làm bài tập trên ở nhà - Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Đồ án học phần theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Ứng dụng AI trong thiết kế

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 2 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0.5	Số câu:	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 4 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 5 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Chương 6 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CDR				
	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Russell, S. & Norvig, P. (2020), *Artificial Intelligence: A Modern Approach*, Pearson.

- Sách (TLTK) tham khảo:

[2]. McCormack, J., & d'Inverno, M. (2020), *Computational Creativity: The Road to Artificial Intelligence*, Springer.

[3]. Goodfellow, I., Bengio, Y., & Courville, A. (2016), *Deep Learning*, MIT Press.

KHOA CNTT

gln
Trình Đình Thắng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**

gln
Trình Đình Thắng

Thiết kế thực tế ảo



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THIẾT KẾ THỰC TẾ ẢO

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thiết kế thực tế ảo (AR/VR)
Tên học phần Tiếng Anh:	AR/VR Design
Mã học phần:	06CQ1154
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	3
Lý thuyết:	30 tiết
Thực hành:	30 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Học phần **Thiết kế thực tế ảo (AR/VR)** cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản để thiết kế và phát triển ứng dụng thực tế ảo (Virtual Reality - VR) và thực tế tăng cường (Augmented Reality - AR). Sinh viên sẽ hiểu cách AR/VR hoạt động, khám phá công nghệ liên quan và thực hành xây dựng các ứng dụng tương tác.

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Thiết kế thực tế ảo

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Trình bày được các khái niệm, phân loại, lịch sử hình thành, các đặc trưng cơ bản của thực tế ảo và các khác biệt so với các ứng dụng khác.	2.0	PLO3
CLO2	Phân tích được các thuật ngữ và các khái niệm có liên quan của ứng dụng thực tại ảo.	3.0	PLO4
CLO3	Phân tích được các ngôn ngữ lập trình phù hợp với yêu cầu.	4.0	PLO4
CLO4	Ứng dụng phân tích, thiết kế và lập trình ứng dụng thực tại ảo	3.0	PLO6
CLO5	Rèn luyện khả năng xây dựng được các ứng dụng thực tại ảo	3.0	PLO6

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG THỰC TẾ ẢO	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.	A1 A3
	1.1. Giới thiệu về thực tế ảo 1.2 Các thành phần có trong một hệ thống thực tế ảo Bài tập vận dụng								
2	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG THỰC TẾ ẢO (TT)	2		2		6			
	1.3. Đặc tính cơ bản của hệ thống thực tế ảo 1.4 Một số ứng dụng của thực tế ảo Bài tập vận dụng								

Thiết kế thực tế ảo

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
3	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG THỰC TẾ ẢO (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết tình huống. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	1.5 Kỹ thuật đồ họa của thực tế ảo								A3
	1.6 Ánh sáng và quang học								
	Bài tập vận dụng								
4	CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG THỰC TẾ ẢO (TT)	2		2		6			
	1.7 Đặc điểm tâm lý học của con người trong hệ thống thực tế ảo								
	Bài tập vận dụng								
5	CHƯƠNG 2: CON NGƯỜI TRONG MÔI TRƯỜNG THỰC TẾ ẢO	2		2		6			A1
	2.1 Hành động của con người trong thực tế và trong thế giới ảo.								
	Bài tập vận dụng								
6	CHƯƠNG 2: CON NGƯỜI TRONG MÔI TRƯỜNG THỰC TẾ ẢO (TT)	2		2		6			A2
	2.1 Hành động của con người trong thực tế và trong thế giới ảo.								
	Bài tập vận dụng								A3
7	CHƯƠNG 2: CON NGƯỜI TRONG MÔI TRƯỜNG THỰC TẾ ẢO (TT)	2		2		6			
	2.2 Hệ thống nhận dạng								
	Bài tập vận dụng								

Thiết kế thực tế ảo

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
8	CHƯƠNG 2: CON NGƯỜI TRONG MÔI TRƯỜNG THỰC TẾ ẢO (TT)	2		2		6			
	2.3 Tương tác trong môi trường thực tế ảo Bài tập vận dụng								
9	CHƯƠNG 2: CON NGƯỜI TRONG MÔI TRƯỜNG THỰC TẾ ẢO (TT)	2		2		6			
	2.4 Cảm giác con người trong thực tế ảo. Bài tập vận dụng								
10	CHƯƠNG 3: LẬP TRÌNH ỨNG DỤNG THỰC TẾ ẢO	2		2		6			
	3.1 Lập trình quản lý vòng đời ứng dụng Bài tập vận dụng								
11	CHƯƠNG 3: LẬP TRÌNH ỨNG DỤNG THỰC TẾ ẢO (TT)	2		2		6			
	3.2 Lập trình quản lý ứng dụng Bài tập vận dụng								
12	CHƯƠNG 3: LẬP TRÌNH ỨNG DỤNG THỰC TẾ ẢO (TT)	2		2		6			
	3.3 Lập trình xử lý đa phương tiện Bài tập vận dụng								
13	CHƯƠNG 3: LẬP TRÌNH ỨNG DỤNG THỰC TẾ ẢO (TT)	2		2		6			
	3.4 Lập trình kết nối mạng trong thực tế ảo. Bài tập vận dụng								

CLO1
CLO2
CLO3
CLO4
CLO5

Dạy: GV giảng lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống

Học ở lớp:

- Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;
- Thảo luận nhóm giải quyết tình huống ...

Học ở nhà:

- Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp.
- Làm bài tập về nhà.

A1
A2
A3

Thiết kế thực tế ảo

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
14	CHƯƠNG 3: LẬP TRÌNH ỨNG DỤNG THỰC TẾ ẢO (TT)	2		2		6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Dạy: GV giảng lại tổng hợp lý thuyết, lồng ghép tình huống vào bối cảnh thực tiễn. Hướng dẫn thực hành tình huống Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Thảo luận nhóm giải quyết vấn đề. Học ở nhà: - Xem trước tài liệu nội dung bài học và ôn lại kiến thức đã học khi đến lớp. - Làm bài tập về nhà.	A1
	3.5 Lập trình điều khiển với các thiết bị kết nối với ứng dụng thực tế ảo								
	Bài tập vận dụng								A2
15	Ôn tập	2		2		6			A3
	Tổng hợp kiến thức trọng tâm và ôn tập kiến thức								
	Bài tập ôn tập								
Tổng		30		30		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Trả lời các câu hỏi ngắn tại lớp -Làm bài tập trên ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Thảo luận nhóm - Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Đề án môn học theo Quy định của nhà trường	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

Thiết kế thực tế ảo

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 0.5</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Số câu: 0.5</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

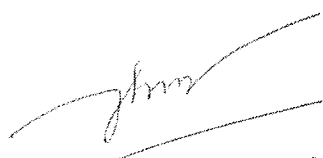
Giáo trình

[1] Steven M. LaValle, 2015, *Virtual Reality*, Cambridge University Press.

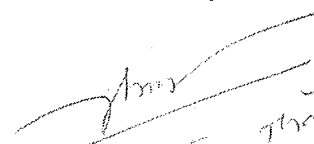
Tài liệu tham khảo

[1] George Mather, 2006, *Foundations of Sensation and Perception*, Psychology Press

KHOA CNTT


Đinh Thăng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Đinh Thăng

Thực tập tại doanh nghiệp TKĐH



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN THỰC TẬP TẠI DOANH NGHIỆP TKĐH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Thực tập tại doanh nghiệp TKĐH
Tên học phần Tiếng Anh:	Internship in Enterprise
Mã học phần:	06CQ1161
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	2
Lý thuyết:	0 tiết
Thực hành:	60 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học cung cấp cho sinh viên các phương pháp, quy trình nghiên cứu, khảo sát thực tế các sản phẩm đồ họa ứng dụng liên quan bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng thuyết trình, chủ động giải quyết vấn đề trong quá trình làm bài. Có thái độ chuyên cần và chủ động trong nghiên cứu, tham khảo tư liệu học tập để học hỏi, trau dồi kiến thức chuyên môn.

Thực tập tại doanh nghiệp TKĐH

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được các nguyên lý, kiến thức ngành thiết kế đồ họa trong công việc ở doanh nghiệp.	2.0	PLO1 PLO2
CLO2	Ứng dụng công cụ thiết kế trên phần mềm và các kiến thức về màu sắc, bố cục, phông chữ, hiệu ứng tạo một sản phẩm đồ họa marketing quảng cáo.	3.0	PLO3 PLO4
CLO3	Phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực TKĐH như: thiết kế giao diện tương tác, thiết kế đồ họa chuyển động, thiết kế nhận diện thương hiệu.	4.0	PLO5 PLO6
CLO4	Rèn luyện tư duy sáng tạo, kiên trì và tinh thần học hỏi trong thực hành thiết kế đồ họa.	3.0	PLO7
CLO5	Tra cứu và vận dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu tài liệu.	3.0	PLO8 PLO9

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Sinh viên đến DN, nhận công việc thực tập. Bắt đầu thời gian thực tập				4	6		Dạy: Hướng dẫn quy trình môn học thực tập doanh nghiệp. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; Học ở nhà: - tham gia và hoàn thiện nhiệm vụ mà doanh nghiệp giao.	A1 A3
	1.1. Sinh viên tìm doanh nghiệp 1.2. Nhận công việc thực tập 1.3. Hoàn thiện nhiệm vụ công việc doanh nghiệp giao. 1.4. Báo cáo tiến độ và công việc với người hướng dẫn						CLO1 CLO2 CLO5		
2 - 14	Chương 2: Thực tập tại doanh nghiệp.				42	83			
	2.1. Báo cáo các công việc thực							Dạy: GV hướng dẫn và nhận xét, chỉnh sửa	A1

Thực tập tại doanh nghiệp TKĐH

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
	tập đã hoàn thiện tại doanh nghiệp. 2.2. Báo cáo những nhiệm vụ công việc doanh nghiệp giao trong tuần. 2.3. Báo cáo tiến độ viết báo cáo chuyên đề thực tập doanh nghiệp với người hướng dẫn.						CLO1 CLO2 CLO5	báo cáo chuyên đề thực tập doanh nghiệp. Học ở lớp: - Báo cáo công việc đã thực hiện tại doanh nghiệp thực tập. - Trình bày nội dung đang viết trong cuốn báo cáo. - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; - Chỉnh sửa và hoàn thiện cuốn báo cáo Học ở nhà: - Chỉnh sửa và hoàn thiện cuốn báo cáo.	A3
15	Chương 3: Tổng kết thực tập tại doanh nghiệp (tt)				4	6			
	3.1. Báo cáo các công việc thực tập đã hoàn thiện tại DN 3.2. Báo cáo những nhiệm vụ công việc doanh nghiệp giao trong thời gian thực tập. 3.3. Hoàn thành báo cáo thực tập DN với người hướng dẫn.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: GV nhận xét bài báo cáo của sinh viên. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;	A1 A3
	Tổng			60		90			

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Làm bài tập ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30

Thực tập tại doanh nghiệp TKĐH

A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài báo cáo đồ án theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60
---	---	------------------------------	----

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 <i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 2 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0,5</i>	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0</i>
Chương 3 <i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	CDR				
	<i>Số câu: 0</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 0.5</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu: 0</i>
Tổng số câu: 5 <i>Tỉ lệ: 100%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 40%</i>	<i>Số câu: 1</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: 0</i> <i>Tỉ lệ: 0%</i>

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

Giáo trình

[1] Neil Leonard, 2011, *Becoming a Successful Graphic Designer*, Bloomsbury Visual Arts.

Tài liệu tham khảo

[1] Elizabeth Resnick, 2021, *The Social Design Reader*, Bloomsbury Visual Arts.

KHOA CNTT

Trần Đình Hoàng

GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN

Trần Thị Nhã Vi

Đồ án tốt nghiệp TKĐH



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP TKĐH

1. THÔNG TIN CHUNG - GENERAL INFORMATION

Tên học phần Tiếng Việt:	Đồ án tốt nghiệp TKĐH
Tên học phần Tiếng Anh:	Graduation Project
Mã học phần:	06CQ1162
Thuộc khối kiến thức:	Chuyên ngành
Khoa/Bộ môn phụ trách:	Khoa Công nghệ thông tin
Giảng viên phụ trách:	
Giảng viên tham gia giảng dạy:	
Số tín chỉ:	8
Lý thuyết:	0 tiết
Thực hành:	240 tiết
Bài tập:	0
Tính chất của môn:	☒ <i>Bắt buộc</i> ☐ <i>Tự chọn</i>
Học phần trước:	
Học phần song hành:	

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN - COURSE DESCRIPTION

Môn học cung cấp kiến thức chuyên sâu về vai trò, vị trí của hệ thống nhận diện thương hiệu, bao bì sản phẩm và quảng cáo đối với doanh nghiệp. Là kiến thức và kỹ năng chuyên ngành quan trọng cho sinh viên áp dụng khi đi làm cho các công ty thiết kế sau này. Sinh viên nghiên cứu và khảo sát thực tế đề tài, thiết kế hệ thống đồ họa cho một công ty, xí nghiệp hay thiết kế đồ họa cho một sản phẩm mới, hoặc thiết kế đồ họa cho sự kiện, thiết kế thành phẩm các hạng mục đồ họa nhận diện thương hiệu và quảng cáo của đồ án Tốt nghiệp, đạt yêu cầu đồ họa ứng dụng.

Đồ án tốt nghiệp TKĐH

3. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN - COURSE LEARNING OUTCOMES

Bảng 1: Chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Kí hiệu CDR	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Trình độ năng lực	CDR CTĐT tương ứng
CLO1	Giải thích được kiến thức về thị trường, thương hiệu, sản phẩm và các kiến thức thiết kế đồ họa chuyên môn: từ khâu lên ý tưởng đến thiết kế và triển khai, quản lý, giám sát dự án thiết kế.	2.0	PLO1 PLO2
CLO2	Ứng dụng nghiên cứu và khảo sát thực tế đề tài, thiết kế hệ thống đồ họa cho một công ty, xí nghiệp hay thiết kế đồ họa cho một sản phẩm mới, hoặc thiết kế đồ họa cho sự kiện. thiết kế thành phẩm các hạng mục đồ họa nhận diện thương hiệu và quảng cáo của đồ án Tốt nghiệp, đạt yêu cầu đồ họa ứng dụng.	3.0	PLO3 PLO4
CLO3	Phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực TKĐH như: thiết kế giao diện tương tác, thiết kế đồ họa chuyển động, thiết kế nhận diện thương hiệu.	4.0	PLO5 PLO6
CLO4	Rèn luyện tư duy sáng tạo, kiên trì và tinh thần học hỏi trong thực hành thiết kế đồ họa.	3.0	PLO7
CLO5	Tra cứu và vận dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu tài liệu.	3.0	PLO8 PLO9

4. NỘI DUNG HỌC PHẦN, KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - COURSE CONTENT, LESSON PLAN

Bảng 2: Nội dung học phần, kế hoạch giảng dạy

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
1	Chương 1: Triển khai thực hiện đồ án tốt nghiệp				4	6			
	1.1. Hướng dẫn quy định, cách thức thực hiện đồ án tốt nghiệp 1.2. Sinh viên nêu ý tưởng về tên đề tài, chủ đề của đồ án. - Nêu ý tưởng - Đề xuất phong cách - Đưa ra các mốc thời gian và khối lượng dự tính.						CLO1 CLO2 CLO5	Dạy: Hướng dẫn quy định, cách thức thực hiện đồ án tốt nghiệp Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; Học ở nhà: - tham gia và hoàn thiện đồ án.	A1 A3

Đồ án tốt nghiệp TKĐH

Tuần (Buổi)	Nội dung	Tổ chức giảng dạy				Tự học	Chuẩn đầu ra	Hoạt động dạy và học	Đánh giá
		LT	BT	TH	TL				
2 - 14	Chương 2: Triển khai đồ án tốt nghiệp				232	348		Dạy: GV hướng dẫn và nhận xét, chỉnh sửa báo cáo đồ án tốt nghiệp. - Hướng dẫn sinh viên thực hiện thiết kế ĐATN. Học ở lớp: Trình bày khối lượng thiết kế sản phẩm. - Trình bày nội dung đang viết trong cuốn báo cáo. - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học; Học ở nhà: Chỉnh sửa và hoàn thiện theo nhận xét của người hướng dẫn.	A1 A3
	2.1.Chỉnh sửa thiết kế theo tiến độ đồ án 2.2. Viết báo cáo đồ án Tốt nghiệp						CLO1 CLO2 CLO5		
15	Chương 3: Kết thúc đồ án tốt nghiệp.				4	6		Dạy: GV nhận xét bài báo cáo của sinh viên. Học ở lớp: - Trao đổi những vấn đề chưa rõ hoặc chưa hiểu trong buổi học;	
	3.1.Hoàn thiện bài báo cáo đồ án tốt nghiệp 3.2.Trung bày gian hàng.						CLO1 CLO2 CLO5		
	Tổng			240	360				

5. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thành phần đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR môn học	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh chuyên cần (quá trình)	-Chuyên cần (đi học đều, đúng giờ) -Làm bài tập ở nhà -Làm bài tập tại lớp	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	10
A2. Đánh giá giữa kỳ (Kiểm tra quá trình)	- Kiểm tra cá nhân tại lớp - Bài tập thực hành	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	30
A3. Đánh giá cuối kỳ (Điểm thi kết thúc học phần)	Bài báo cáo đồ án theo quy định của trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	60

Đồ án tốt nghiệp TKĐH

6. MA TRẬN CÂU HỎI THI

Cấp độ Nội dung	Biết/Nhớ (1)	Hiểu (2)	Vận dụng (3)	Phân tích, tổng hợp (4)	Đánh giá, sáng tạo (5)
Chương 1 Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 2 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0.5	Số câu: 0	Số câu: 0
Chương 3 Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	CĐR				
	Số câu: 0	Số câu: 0.5	Số câu: 0.5	Số câu: 1	Số câu: 0
Tổng số câu: 5 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 40%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 20%	Số câu: 0 Tỉ lệ: 0%

7. TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

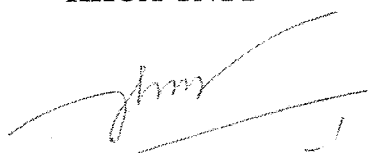
Giáo trình

- [1] Sean Adam, 2011, *Master of Design Logos & Identity*, Rockport.
- [2] Anitra Nottingham and Jeremy Stout, 2019, *The Graphic Design Process*, Bloomsbury Visual Arts.

Tài liệu tham khảo

- [1] Neil Leonard, , 2011, *Becoming a Successful Graphic Designer*, Bloomsbury Visual Arts.

KHOA CNTT


Minh Đình Thắng

**GIẢNG VIÊN
BIÊN SOẠN**


Trần Thị Ngọc V.

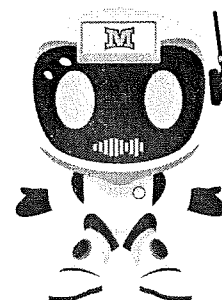
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



MIỀN ĐÔNG
INNOVATIVE TECHNOLOGY
UNIVERSITY

PHỤ LỤC 2

1. Biên bản thảo luận v/v góp ý của các bên liên quan về việc xây dựng, cập nhật, bổ sung CTĐT Ngành Thiết kế đồ họa trình độ đại học hệ chính quy năm 2025.
2. Biên bản họp Hội đồng khoa học thông qua CTĐT Ngành Thiết kế đồ họa trình độ đại học hệ chính quy năm 2025.
3. Biên bản thẩm định CTĐT Ngành Thiết kế đồ họa trình độ đại học hệ chính quy năm 2025.



Đồng Nai, ngày 21 tháng 02 năm 2025

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

**V/v góp ý của các bên liên quan về việc xây dựng Chương trình đào tạo
Ngành Thiết kế đồ họa trình độ Đại học hệ chính quy năm 2025**

Hôm nay, lúc 9 giờ 00 ngày 21 tháng 2 năm 2025, tại Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Công nghệ Miền Đông đã họp để thảo luận về việc xây dựng Chương trình đào tạo Ngành Thiết kế đồ họa trình độ Đại học hệ chính quy năm 2025, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN

1. Khoa Công nghệ thông tin

- ThS. Trịnh Đình Thắng
- ThS. Mai Thị Ngân Hà
- ThS. Trần Thị Nhã Vi
- ThS. Nguyễn Thị Ngọc Châu
- Nguyễn Thị Tú Linh

2. Các bên liên quan:

- ThS. Lê Hồng Kỳ – Giám đốc công ty R2S
- Ông Ngô Văn Trung - Tổng giám đốc Công ty Sài Gòn Việt Travel
- Ông Hoàng Đình Dũng - Giám đốc Công ty TNHH Ngọc Tấn Phát
- ThS. Nam Khánh - Phó phòng CNTT Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai 2

II. NỘI DUNG

1. Lãnh đạo Khoa báo cáo các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh:

- Căn cứ kế hoạch Số 01/KH-CNTT ngày 02 tháng 1 năm 2025 của Khoa Công

nghe thông về việc xây dựng mới Chương trình đào tạo Ngành Thiết kế đồ họa năm 2025.

- Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hướng đến đáp ứng tốt nguồn nhân lực cho xã hội, sinh viên tốt nghiệp có việc làm. Khoa Công nghệ thông tin đã tiến hành tổ chức buổi góp ý về việc xây dựng Chương trình đào tạo Ngành Thiết kế đồ họa trình độ Đại học hệ chính quy năm 2025. Khoa mong muốn nhận được sự góp ý từ phía các bên có liên quan để từ đó, cập nhật và điều chỉnh kịp thời.

2. Thảo luận về các vấn đề liên quan:

□ ThS. Lê Hồng Kỳ – Giám đốc công ty R2S:

"Chương trình đào tạo cần cập nhật các nội dung về xu hướng ứng dụng công nghệ hiện nay, bao gồm ứng dụng về AI như ChatGPT, các ứng dụng AI vào trong thiết kế đồ họa, đồng thời tạo điểm nhấn riêng cho ngành học, vừa thực tế lại thể hiện điểm mạnh của nhà trường."

□ Ông Ngô Văn Trung - Tổng giám đốc Công ty Sài Gòn Việt Travel:

"Lĩnh vực Thiết kế đồ họa có rất nhiều tiềm năng và cơ hội phát triển mạnh mẽ nhất là trong thời kỳ bùng nổ về công nghệ thông tin, và để đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của thị trường thì không những cần đào tạo cho các bạn sinh viên nền tảng kiến thức, kỹ năng chuyên môn vững vàng mà bên cạnh đó một nhà thiết kế giỏi cần có khả năng tư duy chiến lược, hiểu sâu về thị trường và khách hàng."

□ Ông Hoàng Đình Dũng - Giám đốc Công ty TNHH Ngọc Tấn Phát:

"Thiết kế đồ họa đóng vai trò rất quan trọng đối với các công ty, đặc biệt trong việc xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm và thu hút khách hàng. Tùy vào từng ngành nghề, thiết kế đồ họa có thể được áp dụng theo nhiều cách khác nhau. Do vậy chương trình cần tập trung vào những mảng thế mạnh, đáp ứng được nhu cầu thực tế của sự phát triển ngành nghề, từ đó mà điều chỉnh chương trình đào tạo theo từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu thực tế và sự phát triển của xã hội."

□ ThS. Nam Khánh - Phó phòng CNTT Bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai 2:

"Nên tăng cường hợp tác với doanh nghiệp về Thiết kế đồ họa để xây dựng các dự

án thực tế, giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm dự án thực, công việc thực. Việc đào tạo theo hướng thực hành nhiều hơn sẽ giúp sinh viên sẵn sàng làm việc ngay sau khi tốt nghiệp."

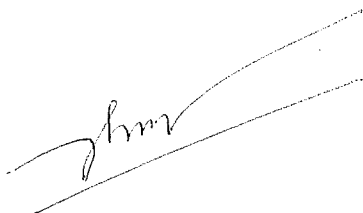
3. Kết luận:

Thay mặt Khoa Công nghệ thông tin, ThS. Trịnh Đình Thắng ghi nhận tất cả các góp ý từ phía các chuyên gia, các doanh nghiệp. Khoa sẽ tiến hành triển khai và bổ sung, cập nhật các góp ý để hoàn thiện và công bố CTĐT. Khoa cũng gửi lời cảm ơn đến Quý Thầy/Cô và đại diện các Doanh nghiệp tham dự.

Phiên họp kết thúc vào hồi 11h00, ngày 21 tháng 02 năm 2023.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị ngang nhau: Khoa lưu giữ 01 bản và Phòng Đào tạo đại học – Nghiên cứu khoa học lưu giữ 01 bản (kèm theo cuốn CTĐT).

Khoa CNTT

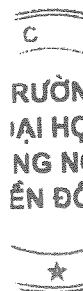


ThS. TRỊNH ĐÌNH THẮNG

Thư ký



NGUYỄN THỊ TÚ LINH



TRƯỜNG ĐHCN MIỀN ĐÔNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG
THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM
BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH THIẾT KẾ ĐỒ HỌA**

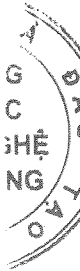
Thực hiện Quyết định số 50/QĐ-ĐHCNMD ngày 10/03/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Miền Đông về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Thiết kế đồ họa trình độ đại học.

Trên cơ sở quy định về hồ sơ, thủ tục mở ngành đào tạo mới và các nội dung liên quan đến thẩm định và ban hành chương trình đào tạo quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT.

Hôm nay, vào lúc 08 ngày 14 tháng 03 năm 2025, tại trường Đại học Công nghệ Miền Đông, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo ngành Thiết kế đồ họa trình độ đại học, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định:

STT	Họ và tên	Chuyên môn	Đơn vị công tác	Chức vụ trong Hội đồng
1	PGS.TS. Phan Thanh Bình	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế	Chủ tịch
2	PGS.TS. Cung Dương Hằng	Lý luận và lịch sử mỹ thuật	Trường Đại học Mỹ thuật TP.HCM	Phản biện 1
3	TS. Đỗ Thị Hồng Vy	Mỹ thuật tạo hình	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Phản biện 2
4	ThS. Nguyễn Trọng Phước	Báo chí	Báo Thanh niên	Ủy viên
5	ThS.LS. Mai Thị Ngân Hà	Luật kinh tế	Trường Đại học Công nghệ Miền Đông	Thư ký



II. Nội dung:

1. Thư ký Hội đồng giới thiệu thành phần tham dự:

- PGS.TS. Phạm Văn Song – Hiệu trưởng Nhà trường;
- ThS. Phan Trần Uyên Phương – Phó Trưởng phòng ĐTDH-NCKH;
- PGS.TS. Phan Thanh Bình – Chủ tịch Hội đồng;
- PGS.TS. Cung Dương Hằng - Ủy viên phản biện 1;
- TS. Đỗ Thị Hồng Vy - Ủy viên phản biện 2;
- ThS. Nguyễn Trọng Phước - Ủy viên;
- ThS. Mai Thị Ngân hà - Ủy viên thư ký.
- ThS. Trịnh Đình Thắng – Thành viên Ban Soạn thảo;
- ThS. Trần Thị Nhã Vi – Thành viên Ban Soạn thảo.

Như vậy, các thành phần dự họp đều có mặt, thành viên Hội đồng dự họp 5/5 thành viên. Cuộc họp đủ điều kiện để tiến hành.

2. Thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng ngành Thiết kế đồ họa trình độ đại học.

3. ThS. Trịnh Đình Thắng đại diện Ban Soạn thảo trình bày tóm tắt về MIT Uni., quá trình xây dựng Đề án và chương trình đào tạo ngành Thiết kế đồ họa trình độ đại học.

4. Các thành viên Hội đồng nhận xét, đánh giá:

- PGS.TS. Cung Dương Hằng trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm Phiếu thẩm định và Phiếu nhận xét).
- TS. Đỗ Thị Hồng Vy – Phản biện 2 trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm Phiếu thẩm định).
- ThS. Nguyễn Trọng Phước trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm phiếu thẩm định).
- PGS.TS. Phan Thanh Bình – Chủ tịch Hội đồng trình bày phần nhận xét, đánh giá (Đính kèm Phiếu thẩm định).



- PGS.TS. Phạm Văn Song đại diện Nhà trường phát biểu ý kiến.

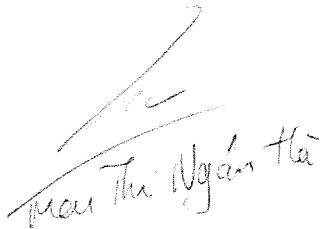
III. Kết luận của Hội đồng

Qua cuộc họp, trên cơ sở rà soát quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT và trên Đề án mở ngành Thiết kế đồ họa trình độ đại học của Trường Đại học Công nghệ Miền Đông, Hội đồng thống nhất biểu quyết đồng ý 05/05 đạt tỉ lệ 100% các nội dung kết luận như sau:

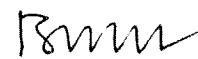
1. Việc mở ngành thiết kế đồ họa của Trường phù hợp với nhu cầu địa phương, điều kiện kinh tế - xã hội, yêu cầu hội nhập.
2. Các điều kiện về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, giáo trình, thư viện phục vụ đào tạo ngành Thiết kế đồ họa trình độ đại học đáp ứng đủ các điều kiện để mở ngành Thiết kế đồ họa trình độ đại học.
3. Chương trình đào tạo ngành Thiết kế đồ họa trình độ đại học đạt yêu cầu của chương trình đào tạo đại học, đáp ứng được yêu cầu của mục tiêu và chuẩn đầu ra trình độ đại học ngành Thiết kế đồ họa. Đồng thời, Ban Soạn thảo tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định để tiếp tục hoàn thiện CTĐT.
4. Trong quá trình thực hiện, nếu có những gì chưa rõ hoặc phát sinh mới thì liên hệ Hội đồng để làm việc. Ngoài ra, Ban Soạn thảo chủ động điều chỉnh, cập nhật.
5. Giao thư ký Hội đồng chuẩn bị các văn bản, hồ sơ để Hội đồng ký, đảm bảo tính pháp lý của Hội đồng.

Phiên họp kết thúc vào hồi: 10h, ngày 14 tháng 03 năm 2025.

Thư ký Hội đồng


Mai Thị Ngân Hà

Chủ tịch Hội Đồng



Phan Thanh Bình



